

PHẦN BA

HỒI KÝ
CỦA CÁC ÁI HỮU

KỸ SƯ TRẦN VĂN BẠCH (1910 – 1975)

Giám Đốc đầu tiên Trường Cao Đẳng Công Chánh Việt Nam

Nguyễn Xuân Mộng

I. ĐÔI DÒNG VỀ KỸ SƯ TRẦN VĂN BẠCH

Cụ Trần Văn Bạch, sinh năm 1910 tại Nam phần Việt Nam. Cụ du học ở Pháp và Tốt nghiệp Kỹ sư Kiều lộ Trường Quốc Gia Kiều Lộ Ba Lê (Ecole Nationale des Ponts et Chaussées de Paris), khóa 1935. Một thời gian sau Cụ về nước phục vụ trong ngành Công Chánh và dạy học.

Năm 1950, chính phủ Pháp trao trả Trường Cao Đẳng Công Chánh Đông Dương ở Sài Gòn cho chính phủ Quốc Gia Việt Nam (phụ ước ngày 30 tháng 05 năm 1950), Cụ Trần Văn Bạch được cử giữ chức vụ Giám đốc Trường. Trường được đổi lại là Trường Cao Đẳng Công Chánh Việt Nam (CĐCCVN), và Cụ là người Việt Nam đầu tiên làm Giám đốc Trường. Cụ giữ nhiệm vụ Giám đốc Trường từ năm 1950, đến năm 1954 Cụ được mời làm Tổng Trưởng Bộ Công Chánh và Giao Thông Vận Tải trong Nội các Ngô Đình Diệm. Chức vụ quyền Giám đốc Trường được trao lại cho Kỹ sư Trần Văn Sách, một Giáo sư của Trường.

Cụ Trần Văn Bạch không những làm Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh Việt Nam, Cụ còn giữ những chức vụ khác như Giám đốc Trường Hàng Hải Việt Nam, Giám đốc Nha Thủy Vận Bộ Công Chánh và Giao Thông Vận Tải và dạy các môn chuyên môn, toán tại các Trường Công Chánh, Hàng Hải và Kiến trúc, sau này Trường Nông Lâm Súc Bảo Lộc, Sài Gòn và các trường khác nữa.

Cụ rất có công gầy dựng lại Trường từ ngày người Pháp giao lại cho Việt Nam, trong lúc trường sở không có, phải đi học nhờ, ở đâu các trường khác, mọi phương tiện còn quá thiếu thốn.

Cụ còn có công thương lượng với phái bộ USAID Hoa Kỳ thành lập Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, một Trung Tâm Kỹ Thuật đầu tiên của Việt Nam khi dành lại chủ quyền từ trong tay người Pháp.

Đối với Sinh viên, ngoài công ơn dạy dỗ của Cụ, Cụ còn chú trọng đến quyền lợi của Sinh viên, lợi ích của nước nhà, như đề nghị mở lớp Kỹ sư Công Chánh. Nhờ vậy, Nghị định của Thủ tướng Chính phủ cho phép tái lập lớp Cao đẳng Công Chánh được ban hành ngày 20 tháng 07 năm 1951 dưới số 353 - Cab / SG. Theo Nghị định này hai điều kiện để được học lớp Cao Đẳng là khi Sinh viên Tốt nghiệp Cán sự Công chánh có điểm trung bình từ 14 trở lên và có Văn bằng Tú tài toàn phần hay tương đương. Các Sinh viên này sau 12 tháng theo học, và thi tốt nghiệp Văn bằng Kỹ sư Công chánh. Nghị định còn cho phép các Sinh viên không phải là các Cán sự Công chánh, nhưng có một trong hai chứng chỉ Toán Đại Cương hay Vật Lý Đại Cương được dự thi vào học lớp Cao Đẳng trong thời gian hai năm.

Nhưng số Sinh viên tốt nghiệp các khóa Cán sự Công chánh 1947 - 1949, 1947 - 1950 và 1948 - 1951, đủ hai điều kiện trên quá ít, và những Sinh viên khoa Cử nhân có chứng chỉ Toán và Lý cũng không có bao nhiêu để mở lớp Cao Đẳng. Sau đó Cụ tiếp

tục tranh đấu để các Sinh viên tốt nghiệp cán sự Công chánh chỉ có một trong hai điều kiện được theo học lớp Cao Đẳng khóa 1951 - 1952 (Tháng 12 năm 1951 đến tháng 12 năm 1952), và còn được áp dụng cho các khóa Cao Đẳng sau đó.

Tôi nghe kể lại, khi lên làm Tổng trưởng, Cụ vẫn còn lo cho quyền lợi của Sinh viên, bằng cách đặc cách can thiệp cho những Sinh viên đỗ Cán sự Công chánh, ra làm việc đã lâu không hội đủ các điều kiện nêu trên được tiếp tục học lớp Cao Đẳng Công chánh, và trường hợp biệt lệ này chỉ được một khóa học mà thôi.

Ngoài công việc dạy học và việc sở, Cụ còn để thời giờ soạn quyển *Tự Điển Kỹ Thuật đa ngữ* (Việt - Anh - Pháp), nhưng công việc chưa hoàn thành thì Cụ qua đời.

Cụ qua đời vào tháng 06 năm 1976, thọ 65 tuổi, sau ngày miền Nam bị bức tử.

Nhiều người nghĩ rằng Cụ buồn vì vận nước nên đã chết theo vận nước vậy. Cụ mất vào thời gian các Quân, Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa phải trình diện học tập cải tạo, nên rất ít học trò của Cụ, các cộng sự viên của Cụ đến tiễn đưa Cụ lần cuối đến nơi an nghỉ nghìn thu.

II. NHỮNG KỶ NIỆM VỀ CỤ TRẦN VĂN BẠCH

Tôi biết Cụ Trần Văn Bạch kể từ năm 1950 khi tôi theo học trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện Sài Gòn (CĐVTĐ). Hằng ngày, từ nhà trọ ở phía trường Pétrus Ký đi đến trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện, tôi phải đi qua trường Cao Đẳng Công Chánh (CĐCC), một ngôi nhà trệt, ba phòng, nằm giữa hai dãy nhà lầu ba tầng, Một cửa trường Đại Học Khoa Học ở về phía trường Pétrus Ký, một cửa trường CĐVTĐ ở về phía kia của trường CĐCC. Thỉnh thoảng tôi thấy một vị thầy ra vào trường CĐCC luôn luôn có điều thuốc trên môi, với áo "Vescal" màu mờ gà nhạt, và đôi dép "Sandales" lẹp xẹp. Thời

gian sau tôi mới biết đó là Thầy Trần Văn Bạch, vừa là Giám đốc vừa là Giáo sư trường CĐCC. Tôi được biết thêm, lúc đó thầy kiêm thêm Giám đốc trường Hàng Hải Việt Nam và Giám đốc Nha Thủy Vận Bộ Công Chánh và Giao Thông vận Tải. Rồi tới kỳ thi Tú tài phần một vào Hè năm 1951 tại Trung Tâm Pétrus Ký Sài Gòn, tôi được biết thầy rõ hơn. Lúc đó Thầy hỏi vấn đáp các môn Toán Hình Học, Đại Số và Lượng Giác. Tôi để ý trong các buổi hỏi thi vấn đáp này, Thầy vẫn mặc áo "Vescal" đi "Sandales" như mọi khi, chứng tỏ Thầy ăn mặc rất giản dị. Trong kỳ thi này tôi còn nhớ một chuyện giữa một thí sinh và Thầy: "Thầy hỏi một câu giáo khoa, nhưng anh ta không trả lời được, Thầy bèn gọi thí sinh khác vào. Trước khi đi ra, anh thí sinh trên trình bày với Thầy là anh đang học trường Hàng Hải do Thầy làm Giám đốc, nhưng vì bài vở nhiều quá, không ôn hết bài thi, xin Thầy cho câu hỏi khác." Thầy trả lời rằng: "qua" thương em nên không cho câu hỏi khác, để mấy tháng Hè em cố gắng học thêm để thi lại vấn đáp kỳ hai, nếu "qua" cho câu hỏi khác và cho em đỗ kỳ này, em sẽ không còn ngó đến sách vở nữa, như vậy sẽ có hại cho em. Thôi, về gắng học để kỳ sau, nếu "qua" còn hỏi vấn đáp nữa, thì "qua" sẽ giúp em. Việc này chứng tỏ tính ngay thẳng, cương quyết, không bênh vực "gà nhà" của Thầy.

Rồi sau Hè 1951, tôi thi đỗ vào học trường Cao Đẳng Công Chánh để có tiền trợ cấp hàng tháng tiếp tục việc học. Và lần này tôi thường gặp Thầy, vì Thầy vẫn còn là Giám đốc và Giáo sư trường CĐCC. Tôi được học với Thầy một vài môn ở lớp Trung Đẳng II và ở lớp Cao Đẳng, trước khi Thầy được mời làm Tổng trưởng Bộ Công Chánh và Giao Thông Vận Tải trong Nội các Ngô Đình Diệm vào năm 1954.

Kể từ lúc này trở đi tôi không còn có cơ hội gặp Thầy nữa, cho đến năm 1960, khi tôi về làm Trưởng ty Công chánh và Kiến thiết tỉnh Lâm Đồng, tại Bảo Lộc, lúc đó

thỉnh thoảng tôi lại gặp Thầy tại Bảo Lộc. Thầy đảm trách dạy một số môn học cho các lớp Kỹ sư và Kiểm sự trường Nông Lâm Súc Bảo Lộc. Thỉnh thoảng Thầy ghé qua Ty Công chánh để nhờ tôi mướn nhân viên đánh máy tập Tự điển Kỹ thuật Việt Anh Pháp Thầy đang soạn. Vào khoảng năm 1963

- 1964, tình hình an ninh trên trực lộ Sài Gòn - Bảo Lộc (Quốc lộ 20) không cho phép các Giáo sư từ Sài Gòn lên Bảo Lộc giảng dạy, nên lớp Cao Đẳng đào tạo Kỹ sư Nông Lâm Súc phải dời về Sài Gòn, ở Bảo Lộc chỉ còn các lớp Trung Đẳng đào tạo Kiểm sự mà thôi. Lúc này thị trấn Bảo Lộc đã được mở mang, các cơ sở Hành chánh đã dời vào khu tinh ly mới mở. Các cửa hàng cũ dọc Quốc lộ 20 cũng được dời vào khu Thương mại mới mở. Ngôi chợ và bến xe cũng được hoàn thành. Một cái hồ nhỏ nằm sát quốc lộ 20 được hình thành, với nhà Thủy tạ và ngôi nhà Câu lạc bộ Công chức cũng được thiết lập ngó ra hồ. Vào mùa nắng, chiều chiều, nhiều người ở Bảo Lộc ra ngồi quanh hồ hứng gió.

Một hôm Thầy Bạch qua Ty Công chánh gặp tôi, Thầy cho biết vì tình hình an ninh, Thầy không còn lên dạy ở đây nữa, Thầy cảm ơn tôi và vị thư ký đã giúp Thầy đánh máy tập Tự điển Thầy đang soạn. Thầy còn đề nghị tôi, nếu trường Nông Lâm Súc Bảo Lộc thiếu thầy dạy các môn có liên quan đến Công chánh, thì em nên giúp họ một tay để dạy dỗ các em. Thầy còn nói thêm, “qua” rất hân diện khi anh em Công chánh mình làm được những việc giúp ích xứ sở, như việc thành lập thị trấn Bảo Lộc, chỉ trong thời gian ngắn, Công chánh mình đã thực hiện được phần nào để có nơi chốn cho Tòa Hành chánh tỉnh, các Ty Sở khác như Bưu Điện, Khí Tượng, Ngân Khố, có đầy đủ điện, nước và khu chợ mới cho dân chúng. Ngày nay bộ mặt của thị trấn Bảo Lộc, nơi đèo heo hút gió vùng cao nguyên này đã được thay đổi, cũng có hồ nước, nhà thủy tạ làm cho vẻ đẹp của thị xã tăng thêm. Ít hôm

sau hai ông Hiệu trưởng và Giám học trường Nông Lâm Súc qua gấp và nhờ tôi qua dạy môn “Công tác Nông thôn” cho nhà trường. Sau khi xin phép Nha Kiều lộ, tôi đã đảm trách môn này cho đến ngày tôi rời Bảo Lộc lên nhận nhiệm vụ mới ở Đà Lạt và Ban Mê Thuột.

Từ ngày gặp Thầy Bạch lần sau cùng vào năm 1963 tại Bảo Lộc cho đến năm 1975 tôi không có dịp gặp Thầy, mặc dầu biết Thầy đang là Thanh Tra Bộ Công Chánh.

Ngày 30 tháng 04 năm 1975, miền Nam bị Cộng sản tấn chiếm, sau đó một tháng các quân cán chinh Việt Nam Cộng Hòa đã từng giữ những nhiệm vụ từ phó ty, phó phòng trở lên bị đi học tập cải tạo. Khi trình diện tại trường Nữ Trung học Gia Long, tôi được anh Nguyễn Văn Hưng cũng đến trình diện và ở cùng tổ với tôi và anh Nguyễn Ngọc Du, cho biết Thầy Trần Văn Bạch vừa qua đời, vì anh ở cạnh nhà, nên trước khi đi trình diện, anh Hưng có đến thăm Thầy. Được tin, tôi, và các Ái Hữu cũng trình diện học tập cải tạo rất xúc động. Tiếc thay nếu Thầy ra đi sớm hơn vài ba tháng thì đồng học trò của Thầy, bạn bè, cộng sự của Thầy còn đến đưa tiễn Thầy đến nơi an nghỉ nghìn thu.

Cố Ái Hữu Dương Thanh Đàm viết về Thầy Trần Văn Bạch trong Lá Thư Công Chánh số 40 tháng 11 năm 1987 về cái chết của Thầy như sau:

“Vị Giám đốc và Thầy khả kính Trần Văn Bạch của chúng ta đã ra người thiên cổ, ông từ trần vào khoảng giữa tháng 06 năm 1975, tức là sau khi Cộng sản chiếm miền Nam lối một tháng. Lúc đó chúng tôi hầu hết đều bị đi học tập cải tạo, nên đám tang của ông rất sơ sài. Trước khi ông mất Ái Hữu Ngô Trọng Anh có lại thăm, và thấy ông lúc mê lú tinh nói lảm nhảm luôn bằng tiếng Pháp”.

III. MỘT SỐ CẢM NGHĨ CỦA CÁC ÁI HỮU HỌC TRÒ THẦY TRẦN VĂN BẠCH, VIẾT

về vị Thầy khả kính của mình:

AH TRẦN SĨ HUÂN viết trong tập sách “BÓNG NGÀY QUA” về Thầy Trần Văn Bạch như sau:

Đối với các Thầy cũ, tôi cũng thường tưởng nhớ tới công ơn dạy dỗ, đặc biệt là cụ Trần Văn Bạch, một trong những Giáo sư dạy thường xuyên và lâu năm nhất ở trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn - Phú Thọ. Tôi nhớ cụ như là một bậc thầy khả kính không phải vì cụ dạy giỏi nhưng vì đức tính hiền từ mà cụ thường đối xử với anh em sinh viên. Khóa tôi học bắt đầu từ tháng 10 năm 1949 cho đến tháng 07 năm 1954 mới kết thúc, kéo dài đến 5 năm, một phần tre vì thủ tục mở khóa II ban Kỹ sư đòi hỏi nhiều điều kiện khó khăn. Nhưng tre còn hơn không và chính Ban Kỹ sư khóa II mở được và sau này mở rộng cửa đón thêm nữ sinh viên nhập học từ năm 1954 là nhờ công ơn cụ rất nhiều. Thời đó, trong những lúc cao hứng, chúng tôi thường tự đặt tên là “Khóa Trần văn Bạch” vì mặc dù trước chúng tôi có Khóa I Sài Gòn, nhưng chưa lanh văn bằng, đợi cho đến hai năm sau khi khóa II chúng tôi tốt nghiệp, cụ mới phác họa mẫu văn bằng, trình Bộ Quốc Gia Giáo Dục, lấy số thứ tự kể từ Khóa II với anh Trần Minh Sử đứng đầu, số hiệu 1. Năm 1949, ở lớp dự bị, cụ dạy chúng tôi môn Toán, trong lúc đó cụ vừa soạn cuốn tự điển chuyên khoa bằng 4 thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Tàu, vừa đi học lớp Calcul différentiel ở trường Khoa Học bên cạnh trường Công Chánh, lúc bấy giờ được đặt trong khuôn viên trường Pétrus Ký, có lần tôi hỏi Cụ viết tự điển làm gì trong lúc đã có cuốn “Danh Từ Khoa Học” của Thạc sĩ Hoàng Xuân Hãn; hơn nữa việc đó nên để cho một ủy ban chuyên môn các ngành soạn thảo mới đầy đủ chứ một mình cụ làm sao cho xuể. Cụ không trả lời thảng tôi mà chỉ nói giả tản: “Xử ấy biết, hồi ở trường Ponts, qua với hắn cãi nhau hoài, có lần qua oánh nó chảy máu mũi, hè hè...” Lúc

tôi làm Trưởng ty Công chánh Bình Dương, cụ ghé thăm, xin tôi mấy ram pelure về viết tự điển, lại tự điển! viết hoài mà không biết đến bao giờ mới xong. Tôi dẫn cụ đi Bến Súc chơi, chỉ cây cầu bê tông cốt sắt dài gần 100 thước do Kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích phá sập bằng cách lấy mủ cao su trong rừng cao su ra cuốn chung quanh giữa đà cầu rồi đốt. Mủ cao su cháy âm ỉ làm cho bê tông cốt sắt chỗ đó nóng lên, cầu yếu đi, đến khi đoàn xe convoi nhà binh Pháp chạy qua thì cầu sập. Dân chúng rất thán phục. Nghe vậy, cụ bảo: “Ồ, phá hoại thì dễ, làm mới khó. Năm 1945 - 1946, qua ở bụng lấy tro làm xà phòng cho mẩy ống... được huy chương kháng chiến, xử ấy biết không, hè hè...”

Cụ thường ăn mặc giản dị, luôn luôn đi dạy với chiếc áo vescal cùt tay cổ truyền và đôi sandales lẹp xẹp; chỉ có cái tội là hút thuốc Bastos quá nhiều. Một hôm cụ vừa hút thuốc vừa giảng bài, lật luôn 2 trang sách mà cụ vẫn không để ý, cứ tiếp tục giảng, anh em ngồi ở dưới ngơ ngác rồi xì xầm “Thầy nói gì vậy ta...” Cụ lại hiểu lầm anh em chê cụ nói tiếng Pháp dở, cụ xoay lại nói “Mấy xù đừng có cười qua, qua chơi Tây, chơi đầm đủ cả” anh em lại cười rộ, thắc mắc bài toán trở thành câu chuyện tiểu lâm bất đắc dĩ. Qua năm thứ ba, học Hydraulic với cụ thật là điên cái đầu, cụ giảng không ra gì cả, nhưng thương cụ hiền từ, anh em vẫn đi học đầy đủ rồi về nhà kiếm sách tự học lấy, được cái cuối năm cụ thi cũng dễ dãi, chả cho ai nhiều điểm mà cũng không cho ai quá dưới điểm trung bình.

Thời cụ lên voi là lúc ông Ngô Đình Diệm mới về nước làm Thủ tướng, mời cụ làm Tổng trưởng Công Chánh năm 1954 - 1955. Đến khi cụ xuống ghế, tôi gặp lại thì cụ bảo : Cụ là người dám đứng giữa sân cờ Bộ Công Chánh chào cờ mà không chịu hô “Ngô Đình Diệm muôn năm”. Cụ nói có ai sống muôn năm đâu. Rồi tụi nó chụp mũ cụ thân Bình Xuyên để cất chức. Làm chính trị, may mà Công an còn để yên cho cụ đi

dạy học.

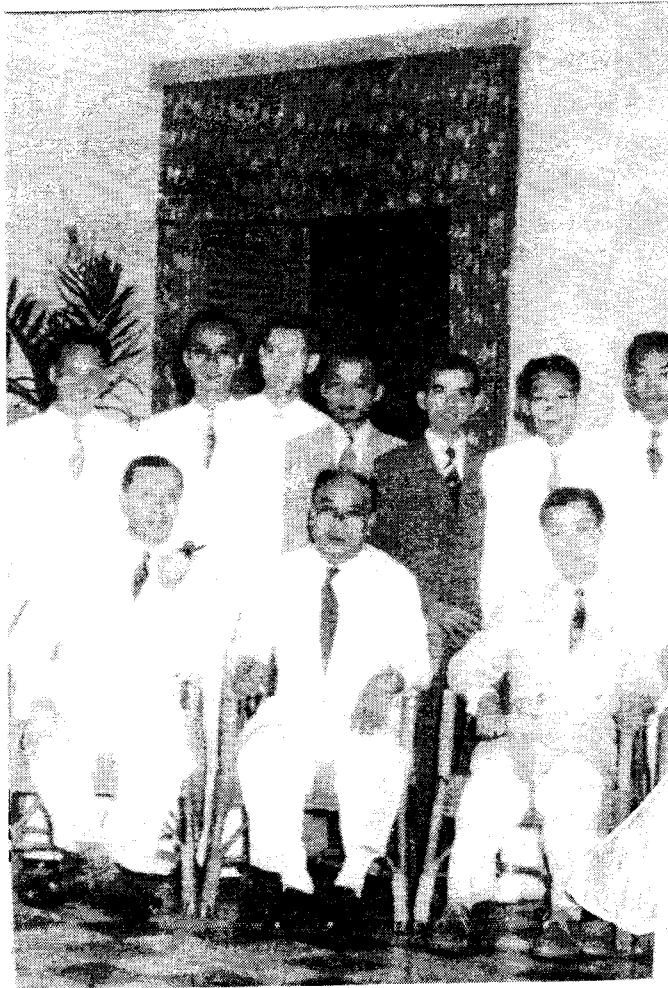
Sau này cụ không những chỉ dạy ở trường Công Chánh mà còn dạy ở các trường khác nữa như Kiến Trúc, Nông Lâm Súc,... kéo dài cuộc đời dạy học một cách lương thiện, hàn vi. Cụ mất năm 1975 hưởng thọ 65 tuổi. Với chút lòng thành, tôi xin ghi lại mấy dòng trên đây để tưởng nhớ công ơn cụ đối với trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn - Phú Thọ.

Tôi chỉ đưa ra một số dẫn chứng để chứng minh công lao đóng góp của Thầy Trần Văn Bạch đối với Trường Cao Đẳng Công Chánh, cũng như lòng thương yêu, dạy dỗ

của Thầy và các cố gắng trong việc lo cho quyền lợi của Sinh viên. Nhờ vậy khi Việt Nam thâu hồi được độc lập từ tay người Pháp, nước Việt Nam đã có một đội ngũ chuyên viên Công Chánh sẵn sàng kiến thiết và xây dựng đất nước. Còn nhiều Ái Hữu đã từng học với Thầy Trần Văn Bạch, đã viết rất nhiều về vị Thầy khả kính của mình, nhưng đưa hết lên đây thì bài viết quá dài, nên xin chấm dứt bài viết về Thầy Bạch nơi đây.

Xin quý Ái Hữu và chúng tôi cùng để một phút tưởng nhớ đến vị Thầy khả kính Trần Văn Bạch.

Sacramento, mùa Xuân Kỷ Mão (1999)



Kỹ sư TRẦN VĂN BẠCH người ngồi ở giữa, bên trái là Giáo sư BRIÈRE DE L'ISLE, bên phải là GS: KTS TRẦN VĂN TẠI, hàng sau là các sinh viên lớp KSCC năm 1953 - 1954

“TRUNG TÂM QUỐC GIA KỸ THUẬT PHÚ THỌ”

Lê Sĩ Ngạc

McLean, ngày 02 tháng 01 năm 1996

Thân gửi Ban Biên Tập LTAHCC,

Đáp lời yêu cầu của quý Ái hữu, tôi xin gởi vài tin sau nầy về Trường Cao Đẳng Công Chánh mà tôi đã được hân hạnh điều khiển từ năm 1957 đến năm 1968.

Tôi không nhớ rõ cuối năm 1956 hay đầu năm 1957 Bộ Quốc Gia Giáo Dục đã cử tôi làm Giám đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật ở Phú Thọ và kiêm luôn chức Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh.

Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật hồi đó có 4 Trường Kỹ Thuật: Công Chánh, Điện, Công Nghệ và Hàng Hải. Trường Công Chánh đã thành lập từ lâu do chế độ Pháp thuộc để lại, có quy chế đào tạo Cán Sư và Kỹ Sư, còn Trường Điện, Công Nghệ và Hàng Hải mới ra đời được một vài năm.

Riêng về Ngành Công Chánh, thí sinh có bằng Trung Học Phổ Thông và Chứng chỉ học lớp Đệ Tam hay bằng Tú Tài I mới được dự thi vào Trường, học xong 3 năm, thi tốt nghiệp và lãnh bằng Cán Sư. Những thí sinh có bằng Tú Tài II thì được thi vào lớp Trung Đẳng Đệ nhất niên và học trong 2 năm để lấy bằng Cán Sư. Những sinh viên ưu tú, lúc ra trường có điểm trung bình tối thiểu 14 và có bằng Tú Tài II thì được chọn để học thêm 1 năm và lãnh bằng Kỹ Sư.

Trường Điện thì chỉ có chương trình Cán Sư, Trường Công Nghệ bắt đầu chương trình Kỹ Sư, còn Trường Hàng Hải là một Trường chuyên môn đặc biệt, chương trình học và trình độ khác hẳn với 3 Trường kia.

Các Trường nầy có 4 quy chế riêng

biệt, mặc dầu 3 Trường Công Chánh, Điện và Công Nghệ có một mục đích chung là đào tạo Kỹ Sư. Tình trạng không mấy hợp lý nầy gây ra nhiều phiền phức, bất lợi về mặt hành chánh và điều khiển Trung Tâm vì ngân sách của Bộ Giáo Dục nói chung và Trung Tâm Kỹ Thuật nói riêng đang còng eo hẹp và mặt khác nhân viên Giáo huấn có đủ khả năng còn ít ỏi.

Bởi vậy, tôi liền đề nghị với Bộ Giáo Dục một dự án quy chế nhằm mục đích chính là tăng cường căn bản khoa học giảng dạy cho sinh viên, đồng hóa bằng cấp Kỹ thuật của 3 Trường và mặt khác canh tân bộ máy hành chánh của Trung Tâm.

Dự án được Bộ Giáo Dục chấp thuận ngay nên bắt đầu niên học 1958 - 1959, Trung Tâm áp dụng cho 3 Trường Công Chánh, Điện và Công Nghệ một quy chế chung đại khái như sau:

1. Điều kiện để được dự thi vào Trường:

Cấp Kỹ Sư: Tú Tài toàn phần Toán hay Kỹ Thuật.

Cấp Cán Sư: Tú Tài I hoặc Trung Học Đệ nhất cấp.

2. Thi vào Trường:

Dự một cuộc thi chung về 2 môn Toán và Vật Lý và thi một môn riêng biệt tùy theo ngành Chuyên môn mà thí sinh muốn học.

3. Chương trình học (4 năm):

Sinh viên cấp Kỹ Sư cả ba Trường Công Chánh, Điện và Công Nghệ học chung

2 năm đầu về các môn căn bản: Toán, Lý, Hóa rồi 2 năm chót tách ra học riêng cho mỗi ngành, mùa Hè đi tập sự tại các Sở chuyên môn.

Tổ chức lại như trên đã giúp cho Trung Tâm lựa lọc lại một số Giáo sư thật sự có đầy đủ khả năng chuyên môn để giảng dạy sinh viên, nhất là về cấp Kỹ Sư. Sinh viên ra trường cũng được đảm bảo có một bằng cấp có giá trị ngang nhau.

Còn về cấp Cán Sự, sinh viên học xong ba năm mới ra trường và cũng không còn điều kiện đặc biệt có thể học thêm 1 năm để lấy bằng Kỹ Sư nữa.

Như vậy chế độ cũ của Trường Công Chánh chấm dứt vào Hè 1961 và tới Hè 1962, khóa Kỹ Sư đầu tiên của chế độ mới ra đời. Trong số 21 sinh viên mới đậu ra trường, có hai sinh viên ưu tú được cấp học bổng qua Mỹ tiếp tục học để lấy bằng cấp MS vào mùa Thu 1962.

Suốt 12 năm ở Phú Thọ, tôi đã nhận thấy Trường mình là Trường Đại Học của một nước chậm tiến, còn quá thua kém về mọi phương diện khi so sánh với các trường tương đương ở Mỹ hoặc ở Pháp, mà tôi đã có nhiều dịp đi quan sát. Song nhờ lòng thiện

chí, lương tâm nhà nghề và một tinh thần hợp tác và xây dựng cực độ của tất cả các anh em Giáo sư ở Trung Tâm, sinh viên xuất thân từ Phú Thọ phần đông có một căn bản Kỹ thuật khá vững. Riêng về lãnh vực Công Chánh chẳng hạn, tuy nay phải hành nghề tại xứ người, có một số Kỹ Sư Phú Thọ đã không bỡ ngỡ mà lại thành công rực rỡ, không thua kém gì các chuyên viên đào tạo tại các Trường Đại Học ở đây.

Sự kiện này có thể làm cho tất cả các anh em cựu Giáo sư Phú Thọ hãnh diện một phần nào dù nay phải sống tha hương đất khách quê người, song cũng đã đóng góp một vài viên gạch nhỏ trong công cuộc đào tạo nhân tài cho xứ sở mình trước khi phải ra đi.

Thân ái,

TB: Tôi từ giã Phú Thọ từ năm 1968. Bài viết trên đây viết theo trí nhớ thô sơ, chứ không có dựa vào tài liệu nào cả. Vậy nếu có chi tiết nào thiếu sót hay ghi lầm, yêu cầu quý Ái hữu đương nhiên điều chỉnh lại giúp cho. Xin cảm ơn.

Ông TRẦN VĂN NGỌC (1896 - 1976)

Trần Văn Thu

Ông Trần Văn Ngọc, thân sanh của tôi, sanh năm 1896 tại làng An Hòa, Tỉnh Biên Hòa và mất nhầm tháng Giêng năm 1976 tại Gia Định.

Thuở nhỏ, gia đình rất nghèo, đông con. Ông Nội tôi cũng quyết tâm cho Cha tôi học hành hầu thi Hương, thi Hội. Đến năm 11 tuổi, Cha tôi đã có một trình độ khá cao

về chữ Nho.

Ông Đốc phủ Đỗ Cao Sô, vừa cưới người Dì ruột của Cha tôi, thấy thế nên đem Cha tôi về nuôi và cho đi học chữ Quốc ngữ. Ba năm sau, Cha tôi đậu bằng Tiểu học và được tuyển vào trường Trung học Pháp Chasseloup Laubat.

Ở trường Trung học, bạn Pháp cùng lớp lấy quần áo và giày vớ cũ của họ hồi mấy năm trước (họ lớn con hơn mình) cho Cha tôi dùng.

Lúc bấy giờ ở Việt Nam chưa có Trung học Đệ nhị cấp. Những người nghèo mà muốn học xa, thường cưới vợ giàu, con điền chủ, nhờ bên vợ gửi đi Pháp học Trung học Đệ nhị cấp và đại học. Cha tôi có cho tôi biết rằng nhà cầm quyền Pháp không muốn thế; người Việt Nam tốt nghiệp ở Pháp không được sử dụng đúng mức ở Việt nam nên phải trở qua Pháp để sống.

Vì thế, mặc dầu còn trẻ mà hiểu biết, Cha tôi từ chối lời đề nghị dài thọ của vài vị điền chủ để sang Pháp học; Cha tôi ra Hà Nội học tiếp. Lúc bấy giờ, tuổi của Cha tôi mà có vợ là một chuyện rất thường.

Cha tôi còn thâm nho học nên muốn học Brevet Supérieur để sau này dạy Pháp văn lẵn Văn hóa Việt Nam. Song, mọi người đều khuyên giỏi toán phải học Kỹ thuật tức là Công Chánh cho mới mẻ và để ngành dạy học cho người khác. Thế là Cha tôi chọn ngành Công Chánh.

Trước khóa Cha tôi học, rất ít bác nào tình nguyện vào Địa chánh. Miền Bắc và Miền Trung thì cơ quan Địa chánh tên là "Service du Cadastre", còn yếu ớt, phân tán, rời rạc và trực thuộc Thống Đốc. Miền Nam lại có "Sở Địa chánh và Địa hình" mà tên Pháp là "Service du Cadastre et de la Topographie", được thành lập từ trước năm 1900, trước khi sở Địa dư Đông Dương (chi nhánh biệt phái của Service Géographique de l'Armée Paris) được thành lập do sĩ quan Hải quân biệt phái của Service

Hydrographique et Océanographique de la Marine, chuyên làm bản đồ ở biển và sông, điều khiển, và trực tiếp dưới quyền của Đô đốc Thống đốc Nam kỳ. Sở Địa chánh và Địa hình Nam kỳ lúc bấy giờ là cơ quan Địa chánh duy nhất trên thế giới phụ trách thực hiện hệ thống tam giác đặc bậc nhất (mỗi đường nhắm có thể dài 60 km) và các bậc kế tiếp. Một nghề mà làm việc đêm muỗi chích liên miên, rắn độc chờ đón.

Cha tôi tốt nghiệp trường Cao Đẳng Công Chánh với hạng 2. Năm đó có xếp hạng ra trường. Những người hạng 2, 6, 10, 14... thì "bị tình nguyện chọn" Địa chánh. Năm đó, Cha tôi mới lập gia đình. Nếu tôi không lầm thì Mẹ tôi là con ông Thông ngôn tại Phủ Toàn Quyền Hà Nội và có Phẩm trật của triều đình Huế.

Lúc bấy giờ, Sở Địa chánh và Địa hình Nam Việt có thế lực mạnh và liên hệ nhiều với chánh sách đào kinh ngòi, mở mang ruộng lúa và đôn điền của chánh quyền Pháp (cũng như chánh sách cải cách Điền địa của Đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam sau này).

Sau một thời gian lặn lội địa thế tam giác đặc với những sĩ quan - Polytechnicieu - Thủy đạo và Kỹ sư trường lớn Pháp, Cha tôi là người Việt Nam đầu tiên được làm Trưởng ty Địa Chánh.

Lần hồi, Cha tôi được bổ nhiệm là Trưởng ty Gia Định thời Pháp thuộc (1930), mặc dầu tất cả các chức Trưởng ty Gia Định đều dành cho người Pháp. Năm 1946 (?), Cha tôi được lên Phó Giám đốc Việt nam đầu tiên của sở Địa chánh và Địa hình Nam Việt. Vài năm sau, Cha tôi được đề nghị và chỉ định nhập ngạch Kỹ sư của Pháp.

Trong thời gian đó, Ông Nguyễn Văn Khải, Kỹ sư Trường Ecole Nationale Supérieure des Mines de Paris, là Trưởng ty trước khi làm Trưởng Khu Cân Thơ và Giám đốc Địa chánh và Địa hình đầu tiên dưới quyền Thủ hiến Nam Việt, trước khi lên Tổng Giám đốc Địa chánh đầu tiên của Việt Nam.

Khi ông Nguyễn Văn Khải lên Tổng Giám đốc thì Cha tôi thế ông làm Giám đốc. Lúc đó Địa chánh tách ra khỏi phủ Thủ hiến và được đặt trong một Bộ của chánh phủ.

Khi ông Nguyễn Văn Khải chuyển qua Bộ Kinh tế (1954 ?) thì Cha Tôi làm Tổng Giám đốc.

Miền Bắc có cụ Trần văn Lâm, tốt nghiệp Ecole Spéciale des Travaux Publics Paris làm Giám đốc. Sau khi di cư, cụ Lâm làm Giám đốc đầu tiên của Nha Địa dư Quốc Gia tại Đà Lạt.

Giám đốc Miền Trung là cụ Ngô Trọng Lũ, tốt nghiệp Công Chánh Hà Nội.

Giám đốc ở miền Nam kế tiếp Cha tôi là cụ Nguyễn Xuân Quyến, tốt nghiệp Công Chánh Hà Nội.

Nếu tôi không lâm thì Cha tôi bắt đầu dạy ở Trường Cao Đẳng Công chánh Sài Gòn lúc Giáo sư Breton sắp rời Việt

Nam (1953 ?), vì sự liên hệ mật thiết giữa hai người.

Ngoài các huy chương khác, Cha tôi được Đệ Nhất Bảo Quốc Huân Chương của Việt Nam và Légion d'Honneur của Pháp.

Từ ngày 30 tháng 04 năm 1975, Địa chánh Việt Nam Cộng Hòa tan rã, hồ sơ thiêu hủy, chuyên viên bị tù đày. Nay, tôi hồi tưởng quá khứ và đau lòng khi nghe nói Liên Hiệp Quốc tài trợ và thuê Pháp lập Địa chánh mới theo tình trạng hiện tại, nghĩa là hợp thức hóa sự việc tài sản của người dân đã bị chánh quyền hiện hữu sung công và phân phát cho đảng viên của họ cũng như bán cho ngoại quốc thuê người Việt đứng tên, sau khi Liên Hiệp Quốc đã làm việc đó ở Cao Miên.

Viết bài này, tôi hồi tưởng đến nhiều Bác mà tôi không thể biết hết danh tánh, từ các miền Bắc, Trung, Nam đến Sài Gòn là đến gặp Cha tôi cung ly để nhắc việc xưa về Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội.

Thầy LỤC VĂN SÁU

Nguyễn Thái Hai

Xuất thân từ trường Ponts et Chaussées, thầy là một trong những thầy lớn tuổi đương thời. Thầy dạy Travaux maritimes vì làm ở Hải quân công xưởng từ khi mới về nước, lúc cơ quan này còn do người Pháp quản trị. Trực tính, nhiều kinh nghiệm, nghề nghiệp vững chắc và có tinh thần bài Pháp, đã vài lần Thầy không tuân lệnh thượng cấp, thực hiện công tác theo ý riêng rồi chứng minh quan niệm của Thầy là đúng. Thanh liêm, Thầy chấp nhận sống nghèo thanh bạch chứ không tham gia các chức vụ trong chính quyền.

Thầy có cuộc sống bình dị. Toàn gia đình 2 gái, 1 trai, gái lớn đã có chồng con, chung sống trong hai căn nhà nhỏ, nằm sâu trong một xóm dân lao động sau đường Chi Lăng bây giờ là Phan Đăng Lưu. Áo quần bình dân, đi làm hay đi dạy học cũng với chiếc Citroen con cộc nhỏ và cũ kỹ. Bị suyễn khá nặng, nhưng hút thuốc và cà phê nhiều. Những năm cuối cùng, Thầy thường ở nhà, nằm trên một cái ghế bố, kế bên cái quạt máy, áo thun ba lỗ quần xà lỏn, nói chuyện với khách và uống thuốc thường xuyên.

Thầy có rất nhiều mối tính Bê tông

cốt sắt, công và tư, cho các nhà thầu hoặc trực tiếp từ các kiến trúc sư. Tôi bắt đầu cộng tác với Thầy từ năm 1966 khi Ái hữu Bùi Văn Minh đổi đi ra miền Trung. Thầy có rất nhiều kinh nghiệm công trường bê tông cũng như sườn sét. Thầy có cách đặt sắt riêng, chỉ thêm vài cây sắt nhỏ làm chuẩn rất tiện cho công trường khỏi lầm lộn và rất tiện cho việc kiểm soát. Thầy đã hướng dẫn tôi tính các cầu lăn (pont roulant) ở các cơ xưởng, các cầu thang máy và những điều cần lưu ý trong các bộ phận quan trọng của nhà máy cán sắt VICASA, nhà máy cán sắt đầu tiên ở Việt Nam. Tôi đã học hỏi nơi Thầy nhiều nhất là thể thức dung hòa kết cấu kích thước đà / cột với tỷ lệ để vừa bảo đảm phẩm chất vừa đạt được yêu cầu thẩm mỹ của các kiến trúc sư. Thầy thường dặn, với các công trình tư nhân ta phải cẩn thận hơn, phải tính cho sát không như các công trình của chính phủ dễ hơn vì phải tính dự thừa trừ hao nhá thầu còn ăn bớt sắt và xi măng. Tính bê tông cốt sắt cũng như nấu ăn phải biết gia giảm linh động tùy trường hợp. Với các nhà thầu mới, khi chưa biết rõ tính tình và khả năng, cần tính rộng rãi một chút. Thầy ghét nhất là tính các biệt thự cho kiến trúc sư Hoa vì sự tỉ mỉ của ông. Cũng nhờ biết rút kinh nghiệm qua sự hướng dẫn đó mà sau này các kiến trúc sư Hoa và Nhạc rất chịu tôi. Thầy và kiến trúc sư Hoa hứa sẽ bảo trợ và giới thiệu thân chủ, nhà

thầu cho tôi, khi tôi dự tính triển lâm thành tích hoạt động 10 năm vào năm 1977 gồm các công tác tiêu biểu như nối rộng và sửa chữa Vinatexco, Vinatefinco, nhà máy làm dầu ăn ở Tham Lương, sau Tết Mậu Thân, các công trình mới như Vicasa, Vĩnh Thịnh sản xuất Len. Vinapro lắp ráp thủy động cơ, xưởng may Trần Thành ở khu kỹ nghệ Biên Hòa, bệnh viện Phước Kiến, vài trường và chùa Tàu khu Bình Tây v.v... Nhà thầu Tăng Hợp Phát, người Hoa, nhớ ơn Thầy làm cố vấn dùi dắt họ ăn nên làm ra đã tiếp tục dài thọ Thầy cho đến ngày mẫn phán mặc dù sau này Thầy không làm gì cho họ nữa.

Tôi nhớ mãi mẩu chuyện của Thầy và Bùi Văn Minh sau đây. Anh Minh phụ trách công tác ráp giàn máy cho mỏ than Nông Sơn. Các bộ phận được hằng sản xuất Pháp đóng từng thùng có ghi dấu thứ tự theo tiến trình lắp ráp. Đến một bộ phận nọ, không làm sao ráp được vì có một cạnh lớn quá. Sau khi đắn đo và suy nghĩ anh cho cắt bớt và tiếp tục công tác. Tuần lễ sau anh mới phát giác là bên Pháp đã để lộn chỗ hai bộ phận này. Phần cắt bỏ trước đây cũng không thể chắp nối lại được nên phải chờ bên Pháp gửi bộ phận mới qua. Anh tỏ vẻ ân hận với Thầy. Thầy an ủi như sau: Kỹ sư làm sai là thường. Chỉ có những kỹ sư dốt quá nên không biết mình làm sai, hoặc những người tính dư thừa quá mới nói công trình họ không bao giờ hư hỏng.

“VIẾT VỀ TẬP KỶ YẾU TRƯỜNG CĐCC”

Trần Lê Quang

Anh em Ái Hữu Công Chánh (AHCC) trong Ban phụ trách soạn thảo Tập Kỷ Yếu Trường Công Chánh Việt Nam (KYCC) có nhã ý yêu cầu tôi viết cho vài lời giới thiệu tập Kỷ Yếu.

Tôi thú thật không có văn hay, chữ tốt, để đóng góp một bài giới thiệu duyên dáng cho tập KYCC. Hơn nữa tôi cũng không được hân hạnh thọ giáo và xuất thân từ Trường Công Chánh của Việt Nam ngày xưa. Tôi chỉ được phụ trách giảng dạy, trong một thời gian rất ngắn, không đầy hai năm, một môn kỹ thuật tại Trường mà thôi, sau khi Trường di chuyển từ Hà Nội vào Sài Gòn năm 1947. Nghĩ ra nếu tôi nhận lãnh giới thiệu tập KYCC, thì thật tình cũng có phần phiêu lưu không ít ! Nhưng để khỏi phụ lòng của các bạn trong Ban soạn thảo, và với tư cách một người ngoại cuộc, tôi cũng xin đóng góp sau đây một vài thiển ý của tôi đối với tập KYCC mà các bạn đã nhiều công suy tâm. Một công tác dù khó khăn cho mấy, cũng nên cố gắng thực hiện cho kỳ được, với tài sơ súc yếu của mình. Đây là truyền thống của cộng đồng Công Chánh chúng mình từ xưa.

Tôi thường nghĩ lại và tự hỏi tại sao các cựu sinh viên của một trường thường quyến luyến tới trường mình đã theo học hồi xưa ? Có lẽ vì trong khuôn khổ các trường đó, chúng ta còn giữ lại nhiều kỷ niệm thân mật và vô tư hơn hết đối với bạn bè trong lúc thơ ấu. Hơn nữa, trong suốt một đời người, lứa tuổi xuân xanh từ 20 tới 25 là thời gian mà trí óc con người có hiệu năng sáng tạo cao hơn hết. Về sau, thật sự con người chỉ bổ túc và khai triển những sáng tạo sơ khởi ấy, lúc mình còn thơ ấu, mà thôi. Ít khi

có những sáng tạo nào thật sự là mới mẻ.

Trường Công Chánh Việt Nam thành lập tại Hà Nội tháng 06 năm 1902. Trường được di chuyển vào Sài Gòn năm 1947 sau biến cố tại miền Bắc và tiếp tục hoạt động trở lại tại đó trong gần 30 năm, cho tới năm 1975. Tôi không rõ bấy giờ Trường Công Chánh Việt Nam còn hoạt động như xưa hay không và ở đâu. Nhưng tính ra từ khi thành lập năm 1902 cho tới nay, sau gần 100 năm và không biết bao nhiêu thăng trầm lịch sử, Trường Công Chánh Việt Nam đã nhiều lần thay hình, đổi dạng, đổi tên, đổi chương trình giáo huấn... Nhưng lúc nào cũng hoạt động như một vườn ươm cây non, đã đào tạo được cho Việt Nam có lẽ trên 3000 chuyên viên ưu tú.

Lẽ nhiên sau khi ra trường, các cựu sinh viên uyển chuyển, mỗi người đi một ngã, tùy theo thời vận của mình và của nước nhà. Nhưng các chuyên viên kỹ thuật đó đã gầy dựng được một hạ tầng cơ sở vật chất còn rất đồ sộ tại Việt Nam ngày nay. Tại Âu Châu, khi dân tình nhắc lại thời kỳ văn minh La-Mã hồi đầu công nguyên, người ta thường nghĩ tới các dấu vết của những đại lộ lấp đá mà các kỹ sư La-Mã đã thực hiện trên toàn cõi Châu Âu, cho tới Trung Đông, để vận chuyển vật liệu, hành khách và hàng hóa. Tôi không dám so sánh những công trình của các kỹ sư và cán sự của Trường Công Chánh Việt Nam trong 100 năm qua, với kỳ công của văn minh La-Mã trong nhiều thế kỷ hồi thương cổ Âu Châu. Nhưng với sự đẽ đặt về quy mô và thời gian, có khi nhận định của tôi không chừng cũng tương tự.

Hôm nay, khi nhớ lại công trạng của các cựu sinh viên Trường Công Chánh Việt Nam, tôi cũng nghĩ tới một vài kỳ công đặc số các cựu sinh viên đó, tôi nghĩ tới Liệt sĩ Phó Đức Chính, đã bỏ mình cho độc lập Việt Nam tại Yên Bác, cụ Nguyễn Văn Sâm, một nhà cách mạng nổi danh, và cụ Nguyễn Hiến Lê, một nhà nghiên cứu chuyên môn về Hán Tự.

Tôi chỉ ao ước rằng sau khi tập Kỷ Yếu Trường Công Chánh Việt Nam này được

hoàn tất và phát hành, còn có một vài Ái Hữu Công Chánh tha thiết với sự tích của biệt, rất xa ngoài phạm vi Công Chánh. Trong Trường và của Việt Nam, có thì giờ và phương tiện để sưu tầm và kể lại tiểu sử, công đức và sự nghiệp của các tiền bối, để các hậu thế ghi nhớ những đóng góp hi hữu của các đương sự vào tiền đồ và văn hóa của nước nhà.

Paris, ngày 02 tháng 08 năm 1999.

TRUNG TÂM QGKTPT VÀ TRƯỜNG CĐCC THỜI GIAN 1971 - 1975

Nguyễn Đức Thịnh

Tôi rất vui mừng khi được tin các Anh có nhã ý thành lập Kỷ Yếu cho Trường Công Chánh và kính phục các Anh đã bỏ nhiều thời giờ và tiền bạc cho tập Kỷ Yếu.

Theo lời thỉnh cầu, tôi xin tóm lược dưới đây các chuyện đã xảy ra mà tôi còn nhớ được để giúp một phần nhỏ nào trong việc thành lập tập Kỷ Yếu cho Trường. Các Anh có lẽ còn nhớ nhiều hơn tôi các biến chuyển từ năm 1971 đến năm 1975 (và đến năm 1979) nữa.

Tháng 10 năm 1971, Anh Nguyễn Ngọc Thịnh kiêm hai chức Giám đốc Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ và Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh (gồm cả Kỹ Sư và Cán Sự). Ít lâu sau Anh Nguyễn Triệu Đồng lên làm Giám đốc xử lý thường vụ vì Anh Nguyễn Ngọc Thịnh được cử đi tu nghiệp tại Hoa Kỳ. Tôi không nhớ có ai thay Anh Nguyễn Ngọc Thịnh làm Giám đốc Trung Tâm hay là sau khi Anh Nguyễn Ngọc Thịnh đi tu

nghiệp thì TTQGKTPT được đổi tên là Viện Kỹ Thuật Quốc Gia (hình như tiếng Mỹ là National Institute of Technology NIT thì phải) do Anh Đặng Lương Mô làm Viện trưởng. Cơ cấu các Trường không có thay đổi. Cuối năm 1972 đến năm 1973 thì tôi được Hội đồng Giáo sư Trường đề cử và được Bộ Quốc Gia Giáo Dục bổ làm quyền Giám đốc Trường. Anh Đoàn Văn Thành làm Phụ tá cho tôi.

Khoảng đầu năm 1973 thì phải, có thay đổi lớn trong cơ cấu Kỹ Sư và Cán Sự vì UNESCO bảo trợ và tách riêng các chương trình Cán Sự 2 năm ra. Anh Thành được cử làm Giám đốc chương trình 2 năm và Anh Trần Minh Giám, phụ tá cho Anh Mô, trở thành Giám đốc các chương trình Cán Sự (Công Chánh, Điện, Hóa Học, Hàng Hải). Anh Dục thay Anh Thành làm phụ tá Giám đốc cho đến khi tôi từ chức.

Trong hơn 1 năm phụ trách Trường

Anh Ái (quên mất tên họ) với sự giúp đỡ của phái đoàn cố vấn Missouri mở ra Kỹ Sư Thanh Hóa (Sanitary Engineering), học 1 năm sau Kỹ Sư và nhận cả sinh viên đã tốt nghiệp Trường Dược nữa.

Năm 1974, Anh Nguyễn Đức Chí lên thay tôi, và khi đó Viện Quốc Gia Kỹ Thuật được sát nhập vào Viện Đại Học Thủ Đức mới thành lập do Giáo sư Đỗ Bá Khê làm Viện trưởng; Anh Nguyễn Thành Toàn làm Dean của Engineering Department bao gồm các Trường Kỹ Sư của Trung Tâm Kỹ Thuật cũ.

Khi Cộng sản vào Nam, Anh Toàn di tản trước được Lưu Tiến Hiệp (Hóa Học) phụ tá của Anh Toàn ở lại và bàn giao với quân quản.

Trong suốt thời gian 1971 - 1979, Trường còn giữ 4 ban Địa Cơ, Kiến Tạo, Thủy Lợi và Địa Chánh. Nhưng sau này vì không ai muốn học Thủy Lợi nữa nên đã bỏ ban này.

Sau thời kỳ tiếp quản, Anh Nguyễn Xuân Trường (ngoài Bắc vào) được cử làm Giám đốc Trường. Sau đó Anh Trường được cử đi Liên Sô học bằng Tiến sĩ. Anh Trường nay đã mất.

Gần đây (1997) Anh Nguyễn Ngọc An tốt nghiệp năm 1974 ở lại Trường dạy có cho biết tình hình tại Trường có thay đổi nhiều. Hiện nay Anh Hiệp (không phải Lưu Tiến Hiệp bên Hóa Học) tốt nghiệp Trường Công Chánh (74, 75, 76 ?) làm Giám đốc Trường, chứ không phải là các người do C.S đề cử từ ngoài Bắc vào nữa.

Số thâu nhận vào Trường có thay đổi nhiều (tăng lên), so sánh với trước 1975. Vài hàng nhắc lại chuyện cũ mà đã hơn hai mươi mấy năm rồi. Kính chúc các Anh được dồi dào sức khoẻ và thành công trong việc lập Kỷ Yếu.

Thân Ái,

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH TRONG KHOẢNG 1971 – 1975

Nguyễn Ngọc Thịnh và Đoàn Đình Mạnh

Nhận được sự khuyến khích, góp ý và hướng dẫn của Ái hữu Nguyễn Ngọc Thịnh, tôi ghi lại những thay đổi của Trường Cao Đẳng Công Chánh trong khoảng thời gian 1971 – 1975. Đây là khoảng thời gian có nhiều sự thay đổi thật lớn lao ảnh hưởng trực tiếp đến Trường Cao Đẳng Công chánh.

Khoảng thời gian này có thể chia làm 3 giai đoạn chính:

1. 1971 – 1973:

Trường Cao Đẳng Công Chánh thuộc Trung tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, gồm 2 Ban, Ban Cán Sư và Ban Kỹ Sư.

. **Ban Cán Sư:** có học trình 2 năm. Điều kiện tối thiểu để dự thi là Văn bằng Tú tài I ban B tức ban Toán hay Tú tài I Kỹ thuật. Tuy nhiên có nhiều thí sinh có Bằng Tú tài

II cũng ghi tên dự thi Ban Cán Sự đồng thời ghi tên dự thi Ban Kỹ Sư.

. **Ban Kỹ Sư:** có học trình 4 năm. Điều kiện tối thiểu để dự thi là Văn bằng Tú tài II ban B tức ban Toán hay Tú tài II Kỹ thuật. Tuy nhiên có nhiều thí sinh đã học xong năm thứ nhất tại Trường Đại Học Khoa Học và đã có Chứng Chỉ Dự Bị Toán hoặc Toán Lý Hóa cũng ghi tên tham dự.

Trong thời gian này Ái hữu Nguyễn Ngọc Thịnh là Giám Đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ kiêm Giám Đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh.

2. 1973 – 1974

Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật được thành lập để thay thế Trung tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ. Tuy nhiên cơ cấu tổ chức được giữ nguyên. Trong thời gian này Ái hữu Nguyễn Đức Thịnh làm Giám Đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh và Tiến sĩ Phạm Hữu Hiệp, Giáo sư Trường Đại Học Khoa Học thuộc Viện Đại Học Sài Gòn làm Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật. Ngoài ra không có gì thay đổi quan trọng đối với Trường Cao Đẳng Công Chánh.

3. 1974 – 1975

Đây là giai đoạn có nhiều sự thay đổi thật lớn lao. Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật bị giải tán và Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức được thành lập để thay thế.

Ngay khi được thành lập Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức bao gồm 3 Trường Đại Học:

. **Trường Đại Học Chuyên Nghiệp Trung Cấp** chuyên đào tạo Phụ Tá Kỹ Sư. Ban Cán Sự bị hủy bỏ. Học trình của Phụ Tá Kỹ Sư vẫn là 2 năm, tuy nhiên điều kiện tối thiểu để dự thi là Văn bằng Tú tài II ban B hoặc Tú tài II Kỹ thuật.

Trường Cao Đẳng Công Chánh Ban

Cán Sự được thay thế bằng Ngành Kiến Tạo và Công Chánh trực thuộc Trường Đại Học Chuyên Nghiệp Trung Cấp.

Giám Đốc Ngành Kiến Tạo và Công Chánh Ban Phụ Tá Kỹ Sư là Ái hữu Đoàn Văn Thân. Khoa Trưởng Trường Đại Học Chuyên Nghiệp Trung cấp là Tiến sĩ Trần Minh Giám thuộc Trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ.

. **Trường Đại Học Khoa Học Cơ Bản** chuyên dạy sinh viên năm thứ nhất thuộc Ban Kỹ Sư không kể Ngành theo học là Ngành Kiến Tạo và Công Chánh hay Ngành nào khác.

Khoa Trưởng Trường Đại Học Khoa Học Cơ Bản là Tiến sĩ Võ Thế Hào.

. **Trường Đại Học Kỹ Thuật** chuyên đào tạo Kỹ Sư và dạy sinh viên từ năm thứ hai trở lên. Trường Cao Đẳng Công Chánh Ban Kỹ Sư nay trở thành Ngành Kiến Tạo và Công Chánh trực thuộc Trường Đại Học Kỹ Thuật.

Trong giai đoạn này sinh viên năm thứ tư Ngành Kiến Tạo và Công Chánh được phép chọn một số môn học và dự án ra trường theo ý mình. Có 3 nhóm dự án để sinh viên lựa chọn làm dự án ra trường. Đó là Kiến Tạo, Thủy Lợi và Địa Cơ – Đường Lộ.

Trong thời gian này Ái hữu Nguyễn Đức Chí làm Giám Đốc Ngành Kiến Tạo và Công Chánh Ban Kỹ Sư và Ái hữu Nguyễn Thanh Toàn làm Khoa Trưởng Trường Đại Học Kỹ Thuật.

Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức dự trù sẽ mở thêm Trường Đại Học Cao Cấp để đào tạo bậc Master vào năm 1975. Tuy nhiên Miền Nam Việt Nam rời vào tay Cộng sản ngày 30 tháng 04 năm 1975, do đó dự án này không được thực hiện.

Kể từ ngày nói trên, chính thể Việt Nam Cộng Hòa cáo chung và Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức bị giải tán.

Ai Hữu KHÚC ĐẢN

Tôn Thất Ngọ

Ai hữu Khúc Đản là người rất quen thuộc trong tập thể Ai hữu Công Chánh của chúng ta. Ai hữu là đàn anh lớn tuổi nhất hiện nay trong ngành. Trong lãnh vực nghề nghiệp ở quê nhà, Ai hữu đã từng cộng tác với các bạn đồng nghiệp trong thời Pháp thuộc tại Bắc Việt từ ngày ra trường. Khi di cư vào Nam năm 1954, tiếp tục cuộc đời công chức tại Tổng Nha Kiến Thiết, Ai hữu lại có thêm nhiều bạn đồng nghiệp thuộc thế hệ thứ hai. Trong lãnh vực tình cảm ở hải ngoại nhiều Ai hữu Công Chánh lớp trẻ thuộc thế hệ thứ ba đã có dịp biết Ai hữu Khúc Đản qua Lá Thư Ai hữu Công Chánh.

Về cách xưng hô với Ai hữu Khúc Đản, những bạn đồng môn quen thân cùng lứa với Ai hữu thì gọi bằng “anh”, các bạn trẻ thì gọi bằng “cụ”, còn đối với tập thể Ai hữu Công Chánh nói chung thì trước đây thì ai cũng gọi “cụ” bằng “Ai hữu”. Cũng như Ai hữu Đào Trọng Cương, Ai hữu Khúc Đản muốn mọi người gọi Ai hữu bằng “anh” để được thân mật hơn trong cách xưng hô. Có lần Ai hữu Huân gọi Ai hữu bằng “Bác”, bác đã nhí nhốm dọa: “Nếu còn gọi bằng “bác” thì bác sẽ không Ai hữu nữa”. Thế là mọi người phải gọi Ai Hữu bằng “anh” ngọt xớt và anh cười khoái chí ! Có lẽ Ai hữu Khúc Đản và Ai hữu Đào Trọng Cương muốn mình được trẻ lại như trong thời xa xưa khi các Ai hữu còn là Sinh viên Đại học được các cô gái Hàng Hoa xinh xinh thỏ thẻ gọi bằng anh chǎng ?

Trên đây tôi dùng danh xưng Ai hữu Khúc Đản để giới thiệu với các bạn, nhưng vì tôi đã là người thân đối với gia đình Ai

hữu nên sau đây tôi sẽ dùng danh xưng “bác Khúc Đản” để nói lên vài kỷ niệm với bác, chắc bác cũng không phản đối.

Lần đầu tiên tôi gặp bác Khúc Đản vào mùa Giáng Sinh 1957 tại nhà số 33 đường poissy ở Quartier Latin, Paris. Bác thích đi đó đi đây nên vài ba năm bác lại đưa bác gái chu du khắp trời Âu và mỗi lần như vậy hai bác đều có ghé qua Paris nên tôi có gặp hai bác đều.

Khi trở về Việt Nam, được chuyển về làm chung một Bộ, bác Kiến Thiết tôi Thủy Nông / Kiều Lộ nên thường gặp nhau trong những lúc cộng tác tính toán kỹ thuật các công trình dân sự. Bác rũ áo từ quan năm 1969, nhưng bác là người thích hoạt động chưa chịu ngồi yên để vui thú diền viên dưỡng già. Bác đã xin mòn bài ra mở häng Kỹ sư Tư vụ để tiếp tục cái nghiệp Công Chánh mà bác yêu thích. Bác đã trúng thầu một vài công tác thiết lập đồ án kỹ thuật với Tổng cuộc Kiều Lộ. Lúc này là lúc tôi và bác lại có dịp gặp nhau nhiều hơn cho đến ngày bỏ nước ra đi. Bác đi trước tôi đi sau.

Đêm 30 tháng 04 là đêm tôi đã có những kỷ niệm với bác nhiều nhất. Bác đã từng nói với chúng tôi: “Tôi rất cảm động vì hai gia đình chúng ta thân thiết với nhau, đã định líu nhiêu đến cái ngày mất nước đó, không bao giờ quên được”.

Tôi và gia đình đã đến tá túc nhà bác tại 320 / 18 đường Phan Thanh Giản đem ấy để tìm đường thoát thân, nhưng bất thành. Tiếng động cơ trực thăng ào ào khua động bầu trời Sài Gòn quanh các cao ốc tối hôm đó để bốc người làm chúng tôi không sao

ngủ được. Tôi và bác đã tâm sự với nhau suốt đêm, ai cũng băn khoăn lo lắng, cái lo lắng của kẻ thua trận: nếu ở lại, họ có để cho mình yên không hay là đem đi thảm sát thủ tiêu như bà con ở Huế Tết Mậu Thân năm xưa, mà đi thì đi bằng cách nào trong khi cộng sản đã tràn vào. Thế là tôi và bác đành phải nhắm mắt đưa chân. Ngày ngày hôm sau tôi đến trình diện cơ quan cộng sản tiếp thu Bộ Công Chánh, rồi một tháng sau phải đi học tập cải tạo ở trại tập trung Long Thành. Ngày được thả ra gặp lại bác, bác cho biết hai bác đã được cộng sản ghi tên cho đi Pháp. Thế là hai bác từ giả bà con bạn bè để chính thức ra đi đoàn tụ với gia đình ở Pháp mùa xuân năm 1977, còn tôi thì phải tìm đường vượt biển. Ngày tôi đưa hai bác ra hàng máy bay, tôi mới thấy thấm thía cái tâm trạng của những người mất tự do tiễn đưa người thân ra đi mà không có hy vọng gì cùn gặp lại.

Bác đến Pháp hướng về quê hương bạn bè, vài cây bút bích, vài cục xà bông gửi về không có là bao nhưng tình bằng hữu đồng môn rất thắm thiết, đã sưởi ấm lòng người ở lại hơn bao giờ hết.

Tình đồng nghiệp bác rất chu đáo và gắn bó với tập thể AHCC. Ngày khi mới bước chân lên đất Pháp, bác đã liên lạc ngay với Lá Thư AHCC tại Hoa Kỳ và kể từ Lá Thư số 8 Tết Mậu Ngọ năm 1978 đã thấy tên Ái hữu Khúc Đản trên Lá Thư AHCC của chúng ta. Từ đó đến nay không một kỳ phát hành Lá Thư nào mà không có tên bác trong mục thư tín của lá thư. Tuy đã lớn tuổi, bác đã đóng góp nhiều cho Lá Thư và liên tục theo dõi góp ý viết bài cho Lá Thư cho đến ngày hôm nay bác vẫn còn viết. Ái hữu Lê Văn Lắm trong Đại Hội Công Chánh vừa qua tai Orange County trong phần báo cáo tình hình sinh hoạt AHCC địa phương đã vinh danh bác như sau: “Ở Pháp hiện có Ái hữu Khúc Đản là đàn anh lớn tuổi nhất nhưng lại hăng say tha thiết nhất với tập thể Ái hữu Công Chánh. Không một buổi họp

mặt nào của Ái hữu trong vùng mà không có mặt Ái hữu”. Thật vậy, bác là người lo lắng nhiều cho sự tồn vong của Lá Thư. Trước đây khi không có nơi nào nhận lãnh phát hành Lá Thư thì bác tự vỗ ngực lãnh lấy mặc dù lúc đó bác đã 86 tuổi. Bác đã làm tròn lời hứa với anh em, đã ra đúng 4 số Xuân Hạ Thu Đông trong năm 1988, việc mà không một nhóm Phụ Trách Lá Thư nào có thể làm được trong thời gian qua. Tuy có các Ái hữu Bích, Lâm, Xuyên và Lắm phụ giúp nhưng bác là người kỷ lưỡng nên đã lo lắng tiếp nhận sắp xếp bài vở, đặt ra chương trình hành động dựa theo Phương cách “cây nhà lá vườn” và “liệu cơm gắp mắm” để ra Lá Thư đúng kỳ hạn định. Ở Pháp lại không như ở Mỹ, máy đánh chữ điện hay máy điện toán chưa thông dụng hồi đó nên bác đã bỏ nhiều công sức lo sắp xếp vài vở, trả lời thư tín và cùng Ái hữu Bích dùng máy chữ thường lọc cọc đánh máy từng trang một các bài vở các anh em gửi đến bác. Tinh thần trách nhiệm của bác rất cao, mỗi khi đã nhận lời ai rồi thì dù có khó khăn cách mấy bác cũng lo chu toàn. Vài Ái Hữu phụ trách Lá Thư ở Mỹ cứ tưởng phương tiện di chuyển ở Pháp cũng như ở Mỹ nên đã nhờ bác nhận hết Lá Thư rồi phân phối. Không biết bác có nhờ ai đi lãnh những thùng Lá Thư này đem về nhà đưa lên lầu hai căn nhà bác ở quận 13 không hay là bác tự làm lấy. Nếu quả thật bác đã tự ý làm thì cũng may không có gì xảy đến sức khoẻ của bác nếu có thì tập thể AHCC của chúng ta sẽ ân hận nhiều. Có lần các Ái Hữu Lắm và Ái Hữu Xuân thấy bác có tuổi mà lo cho nhiều Lá Thư nên đã đến nhà bác phụ với bác bỏ Lá Thư vào từng phong bì gửi đi cho những Ái Hữu trong vùng. Thiết tha với Lá Thư, bác đã quên mình vừa mới mổ chân chưa khỏi phải dùng “giàn đi bộ” để đi. Bác đã hy sinh nhiều cho Lá Thư AHCC của chúng ta đấy.

Tính hiếu khách của bác đã làm cho các Ái hữu phương xa cảm mến nhưng ngại ngùng vì mỗi lần như thế bác đều đãi ăn nếu

không báu cũng hô hào tập họp anh em Ái hữu trong vùng tổ chức họp mặt, không từ chối được. Bác đã nói đùa với nhiều bạn là “tôi theo nghi lễ cổ truyền là có khách đến nhà chủ nhà phải tiếp”.

Tuy bác đã có tuổi nhưng vẫn còn hăng say tham gia các Hội Đoàn địa phương. Bác hiện là thành viên Hội Chuyên Gia Việt Nam tại Pháp từ khi thành lập chi nhánh tại Pháp. Bác đã giúp Hội này vài ý kiến về nền giáo dục Việt Nam và về Phong tục Cổ truyền Việt Nam. Bác đã nhận định nền giáo dục Việt Nam cần phải được chỉnh đốn lại vì đây là Quốc sách hành đầu khi cộng sản ra đi. Bác đã phác họa “đề nghị một sơ đồ tổ chức nền giáo dục Việt Nam sau cộng sản” đã có đăng trong Lá Thư 58.

Bác thường theo dõi tình hình đất nước và thông báo trên Lá Thư để anh em biết như việc VC thay đổi chính sách về “quyền sở hữu nhà ở và việc mua bán kinh doanh nhà ở” tại Việt Nam để những Ái hữu nào có liên hệ đến vấn đề này thì tìm cách giải quyết. (LT 64).

Đọc bài “Tịch Mịch” trong Lá Thư 65 của bác tôi thấy bác đã có ý gác bỏ những ưu tư không cần thiết, đã không màng đến danh lợi, muốn sống một cuộc sống thanh nhàn để tâm hồn được thanh thản. Nhận thức được ý định của bác, anh em Ái hữu vùng Pháp đã đồng ý cử Ái hữu Trương Như Bích đại diện anh em Ái hữu vùng Pháp để bác an nhàn vui hưởng tuổi già kể từ đầu năm 1996, sau 13 năm làm tròn “nghĩa vụ” đại diện Ái hữu Công Chánh vùng Pháp.

Tuy vậy bác không bao giờ chịu nghỉ yên. Bác đã có nói, hàng ngày bác đều thấy “thiếu thời giờ” và chúng ta cũng đã hiểu là bác đang muốn làm việc luôn tay không nghỉ. Trong dịp mừng Đại thương thọ bác mấy năm trước đây bác đã xúc động hứa sẽ viết bài để tiếp tục phục vụ cộng đồng Ái hữu chúng ta. Thật vậy, bác đã viết nhiều bài đóng góp cho Lá Thư mỗi kỳ phát hành sau này nhất là khi Ban Phụ Trách tập Kỷ Yếu

Trường Công Chánh yêu cầu bác cung cấp tài liệu về Trường Công Chánh cũ khi bác còn là sinh viên bác đều sốt sắng cung cấp đầy đủ ngay. Bác đã nhớ một cách rành mạch vị trí của Trường để vẽ lại họa đồ nhà Trường lúc bác bắt đầu vào học trường này tại Hà Nội năm 1924.

Đến nay để giữ gìn sức khoẻ cho bác, chúng ta không nên quấy rầy bác nữa. Theo tôi nghĩ, nếu chúng ta yêu cầu bác gộp ý viết bài cho Lá Thư thì bác sẽ không bao giờ từ chối vì tính bác ai nhờ gì bác đều sốt sắng làm ngay.

Bác Khúc Đản là một Ái hữu đặc biệt ít có trong tập thể chúng ta, Nhân, Lê, Nghĩa, Trí, Tín, bác đều có đủ. Bác có lòng **nhân** ái đối với đồng nghiệp và đồng hương. Bác hiện là hội viên hội người Việt Cao niên ở Paris. Vì bác đã rành rẽ tiếng nói địa phương nên đã giúp đỡ những người già trong hội lo những thủ tục về an sinh xã hội dành cho họ. Bác cũng đã lo lắng sưu tầm những thủ tục di trú và thông báo những tin tức liên quan đến chương trình định cư tại Pháp cho những đồng nghiệp mới đến để an tâm chuẩn bị cho cuộc sống mới của mình ở xứ người.

Bác còn là người con có hiếu với song thân. Bác đã không màng đến danh lợi mà chỉ muốn được phục vụ gần nơi sinh quán để phụng dưỡng mẹ già. Do đó bác đã ưu tư nhiều đến **lễ** nghĩa của con em thuộc thế hệ trẻ, nên bác đã khuyên:

“Cây có gốc mới nở ngành xanh ngọn
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu
Người ta nguồn gốc từ đâu ?
Có cha có mẹ rồi sau có mình.”

(LT 65)

Bác cũng là con người đặc biệt về “Tình Nghĩa Phu Thê”. Bác thuộc thế hệ “Vô Cao đẳng bất thành phu phụ”, trai năm thê bảy thiếp là thường, nhưng bác chỉ một vợ một chồng cho đến nay. Ngoài tình cảm gia đình bác còn lấy “nghĩa vụ” đối với tập thể đất nước làm trọng. Thấy nhiều thanh

nhiên xứ người đặt quyền lợi trên nghĩa vụ bác lại lo cho thế hệ trẻ Việt Nam quên đi nghĩa vụ của mình đối với đất nước nên bác đã nhẫn nhű trong bài “Nghĩa vụ và Quyền lợi” đăng trong LT 70.

Khi còn là sinh viên Công Chánh bác là một sinh viên xuất sắc vào hạng nhất nhì trong lớp. Khi ra trường bác đã dùng trí tuệ của mình để phục vụ xứ sở trong thời kỳ đầu sôi lửa bồng trong cuộc chiến dành độc lập của những năm 1945 - 1946, trước và sau khi bác giữ chức vụ Trưởng ban Chuyên môn Phụ tá Bộ Trưởng Đào Trọng Kim.

Bác thành tín đối với bạn bè đồng nghiệp, khi đã hứa với ai điều gì dù khó khăn mấy bác cũng cố làm cho bằng được. Khi còn ở quê nhà, mỗi khi giao trọng trách cho ai bác đều tin họ làm được và tận tình giúp đỡ.

Bác là người đã biết dung hòa hai nền giáo dục cổ truyền Khổng giáo và giáo dục Tây phương do Pháp nhập hội để góp phần xây dựng xứ sở trong lãnh vực Công Chánh trong thời gian qua.

Nay bác đã 96 nhưng bác vẫn minh mẫn nhớ nhiều quá khứ. Bác đã nhắc tôi

nhớ lại những kỷ niệm xưa giữa tôi và bác cùng các bạn đồng nghiệp khác và nhất là gần đây bác đã nhớ một cách rành rẽ các việc xảy ra khi bác còn là sinh viên trường Công Chánh Hà Nội để cung cấp cho Ban Phụ Trách Tập Kỷ Yếu Trường Công Chánh này.

San Francisco, Đông 1998

Trên đây tôi chỉ ghi nhận lại vài kỷ niệm với cảm nghĩ về bác Khúc Đản, một đàn anh khả kính trong ngành mà tôi biết do nhiều lần tiếp xúc trực tiếp với bác hay qua những thư từ qua lại sau ngày bỏ nước ra đi.

Tùy bút này được viết xong hồi tháng 10 năm ngoái và bác đã đọc vào cuối năm 1998.

Bác Khúc Đản đã lặng lẽ ra đi vào sáng sớm tinh sương ngày 28 tháng 02 năm 1999 để lai thương tiếc cho tập thể Công Chánh chúng ta. Bác đã có công nhiều trong việc sưu tầm và cung cấp nhiều tài liệu quý báu cho Ban Phụ Trách Tập Kỷ Yếu Trường Công Chánh. Tiếc rằng bác đã không kịp nhìn thấy trọn vẹn Tập Kỷ Yếu này thì bác đã đi vào giấc ngủ ngàn thu.

TRƯỜNG CÔNG CHÁNH và HỒI KÝ MỘT KHÓA HỌC

Khúc Đản

Có một kỷ ước về Trường Công Chánh để lại cho hậu thế và cả những cựu sinh viên thỉnh thoảng đem ra đọc để nhớ lại Trường xưa là một việc đáng xúc tiến ngay vì hãy còn các bậc lão thành còn nhớ tường tận từng chi tiết.

Tôi là một cựu sinh viên vào bậc này (94 tuổi) còn nhớ được nên vội viết thành ba phần:

- Các thời kỳ liên tiếp từ lúc khởi thủy cho đến ngày nay.
- Chương trình giảng dạy.

- Hồi ký vài khóa học, nhất là về khóa học tôi học 1924 - 1926.

Các thời kỳ liên tiếp và chương trình giảng dạy:

Trường Công Chánh lập ra năm 1902 tại Hà Nội gọi là Ecole des Travaux Publics trong thời Pháp thuộc, mục đích là đào tạo ra nhân viên giúp các nhân viên Pháp. Từ lúc khởi thủy cho đến năm 1917 dạy những nhân viên biết sử dụng máy Cercle, máy Niveau và máy Tachéomètre để lập các họa đồ tỉ lệ khoảng 1/ 1000 để dùng ngay. Thời đó những nơi đồng đúc có người ở đã có họa đồ do sở Địa dư (Service Géographique) lập tỉ lệ 1/100,000 lập gần xong. Đến năm 1956 trường Công Chánh sát nhập vào Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, có các trường chuyên môn như Điện, Hàng Hải, v.v... Đến năm 1975 sát nhập với các trường Đại học Bách khoa thành phố HCM, năm 1977 chia làm hai khoa: Cầu đường và xây dựng nền móng. Cả bốn khoa hợp lại thành khoa Công Chánh cho đến ngày nay.

Năm 1917, ông Toàn quyền Albert Sarraut lập ra 7 trường Etudes Supérieures trong đó có Trường Công Chánh để đào tạo ra những nhà chuyên môn cho 7 ngành: Luật học, Y khoa, Sư phạm, Canh nông, Thú y, Công chánh Kiến trúc, Thương mại. Mỗi trường tuyển chừng 30 sinh viên trong những học sinh đã đỗ bằng Thành chung có học vấn như học sinh Trung học Đệ nhất cấp Pháp (Collège). Sau ba năm học sinh thi ra tốt nghiệp ngành Công Chánh gọi là Cán sự Công Chánh (Agent Technique des T.P.). Phần đông các người tốt nghiệp này xin đi làm việc.

Tổng Thanh Tra Công Chánh Đông Dương (Inspection Générale des T.P. de l'Indochine) muốn có những nhân viên có đủ khả năng về khoa học, bèn lập ra ngạch Agent voyer, mở thêm một trường tuyển 5 Sinh viên đỗ đầu ở Trường Công Chánh vào học một năm.

Agent voyer là một ngạch đặc biệt cao hơn 7 ngạch nói trên, mới ra làm việc phải 4 năm tập sự (7 ngạch trên có 2 năm tập sự). Sau 4 năm tập sự phải thi vào chính ngạch. Các môn thi là làm những hồ sơ thiết lập công tác (Projet d'exécution) cho những thị xã 1 triệu dân như: hệ thống đường, cống, hệ thống nước uống, hệ thống điện, v.v... nhân viên đỗ thực thụ ra làm thay thế các Kỹ sư Pháp ở các văn phòng chuyên môn, Trường ty một tỉnh. Lương bổng một năm được 1400 đồng (7 ngạch trên, lương bổng cao nhất là 1320 đồng). Về ngôi thứ (Place de Préséanee) là 2è Catégorie A (7 ngạch trên là 2è cat. B). Phụ cấp đi làm việc ngoài bàn giấy (bureau) là 20 đồng một ngày (7 ngạch trên là 10 đồng một ngày).

Trường dạy 5 sinh viên này gọi là Đại học phân khoa (faculté des sciences) mới mở được một khoa là Cao học Công Chánh Section Supérieure de T.P) Các Giáo sư đều là Ingénieurs Principaux làm việc tại các cơ quan chính phủ. Trường này dạy ở Amphithéâtre đường Paul Bert Hà Nội.

Hồi ký một khóa học:

Khóa học từ năm 1924 đến năm 1926 Trường Công Chánh ở trong tòa nhà 4 tầng của Nha Giám đốc Công Chánh Hà Nội tại lầu 1 và tầng trệt. Tại lầu 1, phòng thứ nhất là lớp học Đệ Nhất, phòng thứ nhì là lớp học Đệ Nhị, phòng thứ ba là phòng ông Đốc trưởng, phòng thứ tư là phòng Thư ký. Tại tầng trệt là nơi để các máy Cercle, máy Niveau, thước đo, jalon, v.v...

Ông Bergue làm Giám đốc dạy học lớp Đệ Nhất về các môn chuyên môn, một Giáo sư Toán học chương trình Trung học. Ông Bénabrun một Kỹ sư Công Chánh lỗi lạc dạy những môn chuyên môn lớp học Đệ Nhị, vì không có khoa giáo dục nên Sinh viên theo học rất khó. Mỗi khi ông gọi một sinh viên hạng trung bình lên bảng hỏi bài cũ và cắt nghĩa bài mới thì sinh viên này

theo không kịp vì ông cắt nghĩa khó hiểu. Ông hay gọi anh Chiến hay tôi là 2 sinh viên nhất nhì trong lớp lên bảng cắt nghĩa thay ông. Khi nào cắt nghĩa được thì ông cho 20 điểm, đến câu không cắt nghĩa được thì ông lại xóa 20 điểm đi. Ít khi anh Chiến hay tôi giữ được số điểm 20 của một buổi học.

Ông Bénabrun là một Kỹ sư giỏi có tiếng về xây dựng những công trình nơi bùn lầy vịnh Thái Lan. Ông đã nghiên cứu được sức chịu nặng của các cọc đóng làm móng và đã làm thành công thức (Formule) đóng cọc, Ai đã học công Chánh thời này đều có công thức để làm móng (Fondation) các công trình xây nơi bùn lầy.

Ông Giám đốc và các Giáo sư đều muốn các Sinh viên thi lên lớp hay thi tốt nghiệp được đỗ cả. Có vài năm một hay hai Sinh viên thi tốt nghiệp bị loại, thì Công ty xe hỏa Vân Nam lại yêu cầu Trường Công Chánh cho đỗ vớt cả một hai Sinh viên đó để Công ty lấy vào làm việc cho công ty.

Những Sinh viên được tuyển vào học đều siêng năng chăm chỉ học, nhưng cũng có một số Sinh viên hay đùa rỡn, hay nghĩ đến ái tình. Có những câu chuyện nên kể lại để các cựu Sinh viên hồi tưởng lại dĩ vãng tươi đẹp. Bên trước cửa Trường Công Chánh có một cửa hàng của một thiếu nữ chừng 18, 20 tuổi may vá thuê, có một cái bàn, một cái ghế cô ngồi làm việc, bên cạnh có một cái máy may. Cô có vẻ để ý đến các Sinh viên Trường Công Chánh. Một hôm, một Sinh viên bạo dạn sang nhờ cô may một áo Chemise cứ tưởng có người đẹp phải đo kích thước trên người anh ta, không ngờ người đẹp nói ngay: tôi chỉ may áo quần theo mẫu có sẵn; Sinh viên đành ra về. Một hôm khác

một Sinh viên đi sớm sơ đến trường trễ giờ, ở nhà chưa được điểm tâm vào cô hàng xin người đẹp một chén café, người đẹp trả lời ngay: tôi chỉ có một cái chén thì đã pha café tôi đương uống. Chuông nhà trường reo mở cửa, anh này vội đi ra. Một buổi chiều, 6 giờ tan học một Sinh viên sang hàng cô gái, kề cà kể lể Sinh viên đỗ ra đi làm việc có đời sống đầy đủ, cô hàng cũng kề cà đáp: con bạn tôi biết rõ đời các Cán sự Công Chánh phải trèo núi qua rừng, ma thiêng nước độc bị sốt rét ngã nước, mang bệnh suốt đời, động khí giờ thay đổi là cơn sốt rét lại nổi lên, có khi bị mê man mơ mờ màng màng cả nhà sợ hãi. Tôi được biết người học giỏi được học lên Agent voyer, ra làm việc được ngồi bàn giấy, như thế mới có các cô ái nữ ngưỡng mộ (admirer). Các anh ơi, cố học lên cao đi! Tốt nghiệp ở Công Chánh ra bổ dụng đi 3 ngành: Công chánh, Địa chánh và Địa dư. Cô hàng đã lấy chồng là Cán sự Địa chánh.

Gần ngày thi tốt nghiệp, vài Sinh viên năng lực học kém nhờ tôi cắt nghĩa vài bài toán. Bài toán phải đo diện tích một cái vườn, có hàng rào là một đường gãy góc liên tiếp. Tôi giải thích: lấy một đường thẳng AB theo chiều dài giữa vườn. Từ các góc vườn kẻ các đường vuông góc (Perpendiculaire) với AB, thành các miếng đất hình thang (trapèze) hay hình tam giác đã có công thức để tính diện tích, rồi cộng lại được diện tích cả vườn, mấy Sinh viên cho tôi là người Hào Hoa. Lại một vài Sinh viên năng lực học kém quá, đến nhờ tôi giải thích những bài học khó hiểu. Tôi cắt nghĩa mãi mà các anh ấy vẫn không hiểu được chút nào, các anh nói ngay: anh là người Phong Nhã mà không cứu vớt kẻ trầm luân.

Học giỏi trong lớp học cũng là một nạn nhân, vừa được khen lại bị chê ngay.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

KHÓA HỌC 1930 - 1934

Nguyễn Văn Minh

Dưới đây là những tài liệu về khóa học 1930 - 1934 do Ái hữu lão thành NGUYỄN VĂN MINH kể lại trong một lá thư gửi đến Ái hữu Nguyễn Xuân Mộng vào ngày 22 tháng 02 năm 1998 và qua cuộc trao đổi bằng điện thoại sau đó:

I. KHÓA HỌC 1930 - 1934:

Khóa học chỉ có ba năm, nhưng Ái hữu Minh bị gián đoạn mất một thời gian, nên phải kéo dài thời gian học và tốt nghiệp vào năm 1934. Đây là khóa học cuối cùng của Trường Cao Đẳng Công Chánh kể từ khi trường được thành lập vào năm 1902. Đến năm 1931, theo Ái Hữu Minh cho biết, vì số người theo học Trường Công Chánh đã đủ cho nhu cầu của các nước Đông Dương, nên nhà trường tạm thời đóng cửa, không mở kỳ thi tuyển sinh viên vào học nữa. Theo AH Nguyễn Hữu Tuân, trong bài viết “Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội trong thời gian 1938 - 1943”, cho biết Trường Cao Đẳng Công Chánh đóng cửa vào năm 1931, đến năm 1938 vì nhu cầu nhân sự, Nha Tổng Thanh Tra Công Chánh (TTTCC) Đông Dương tổ chức một lớp đào tạo Cán sự Công Chánh và Địa Chánh (Cours de formation des Agents Techniques des Travaux Publics et du Cadastre). Như vậy Trường Công Chánh đã phải tạm đóng cửa trong 8 năm sau một thời gian dài hoạt động kể từ ngày mới thành lập.

1. **ĐỊA ĐIỂM NHÀ TRƯỜNG:** Trường sở lúc bấy giờ ở lầu 2 và 3 Nha TTTCC Đông Dương tại phố Hàng Vôi Hà Nội.

2. **GIÁM ĐỐC TRƯỜNG:** Vị Giám đốc lúc đó là Kỹ sư CONNAN, ông Connan còn phụ trách dạy môn Họa Tỷ Lệ (Dessin Graphique)

3. CÁC GIÁO SƯ và MÔN DẠY:

- Kỹ sư Connan dạy môn Họa Tỷ Lệ
- Giáo sư Freydier và Cohen, dạy Toán (hai GS Freydier và Cohen là GS trường Albert Sarraut Hà Nội)
- Cụ Phó Bảng Bùi Kỷ dạy Việt Văn
- Giáo sư Savoyet dạy Pháp văn (Francais)
- Bác sĩ Joyeux dạy môn Vệ Sinh (Hygiène)
- Ông King dạy Thủy Nông (Hydraulique Agricole)
- Kỹ sư Delpech dạy môn Công Thự (Bâtiments Civils)
- Ông Vittori dạy môn Địa Chánh (Cadastre và Trắc Đạc (Topographie)

Còn có các môn khác mà AH lão thành Nguyễn Văn Minh không nhớ tên, như:

- Hình học diễn họa (Géométrie Descriptive)
- Cầu Đường (Ponts at Routes)
- Ước lượng công tác (Avant Métré)
- Tính khối lượng đất (Cubature des Terrasses)
- Viếng Công Trường (Visite de chantier)
- Trắc đạc độ cao và tam giác (Nivellement et Triangulation) v.v...

4. BẠN HỌC CÙNG KHÓA:

- Định Gia Bá
- Nguyễn Văn Chi
- Đào Trọng Cương (Sinh viên Kiến Trúc,

- chỉ theo học chung một số môn)
- Vĩnh Dự, sinh viên Kiến Trúc
 - Nguyễn Đình Đức
 - Vũ Văn Đãi
 - Lê Văn Địệt
 - Bùi Quế Đăng
 - Lý Henri
 - Nguyễn Văn Hưng
 - Hoàng Hùng (Sinh viên Kiến Trúc, chỉ theo học một số môn, sau này là Tổng Giám đốc Kiến thiết và Bộ Trưởng Bộ Kiến thiết và Thiết kế Đô thị)
 - Nguyễn Mạnh Hoàn
 - Nguyễn Tăng Huân
 - Nguyễn Văn Hợp, sau đậu KS Công chánh. Trưởng ty Công chánh Hưng Yên
 - Nguyễn Xuân Khương (sau du học Pháp, tốt nghiệp KS Service Géographique, Paris. Có thời gian giữ các chức vụ Tổng Giám đốc Điện Địa và Đại biểu Cao Nguyên Trung phần Việt Nam)
 - Trương Thành Khán (có thời gian là Trưởng Khu CC Trung Nguyên Trung phần)
 - Hoàng Khuê, bị Kamphuchia giết khi đi thuyền về Việt nam.
 - Nguyễn Hiến Lê, sau này là Học giả
 - Nguyễn Văn Minh
 - Lê Trọng Minh
 - Phan Ngũ (anh của KS Phan Văn Lâm, khóa 1938 - 1941)
 - Trần Tấn Nghinh
 - Nguyễn Thụy Nghĩa
 - Tống Tấn Ngôn
 - Chu Bá Phượng, Dân biểu Quốc hội Việt Minh
 - Huỳnh Diên Phú
 - Huỳng Văn Sanh, Chuyên viên Kỹ thuật Phủ Tổng Thống
 - Hoàng Đình Tế
 - Ngô Đức Tiềm
 - Phan Đình Tiếp, cháu cụ Phan Đình Phùng, cách mạng lão thành chống Pháp
 - Nguyễn Văn Thành (sau du học Pháp đỗ Docteur Ingénieur và Dân biểu Đệ I Cộng Hòa)
 - Tô Thái Tuế, Sinh Viên Kiến Trúc
 - Tín, thư ký Công Chánh được ăn lương khi theo học.
 - Hồ Đăng Thi
 - Trần Công Thiện
 - Trần Doãn Thựu
 - Trần Văn Tỳ
 - Nguyễn Văn Trình, sau này là Tổng Giám đốc Địa Chánh
 - Nguyễn Trung, Sinh viên Kiến Trúc
 - Nuyễn Sĩ Tuệ dit Huệ
 - Nguyễn Hữu Tuyên
 - Bùi Văn Tuyển dit An
 - Lê Văn Thông, em Bác sĩ Lê Văn Tư
 - Nguyễn Văn Trương (có thời làm Trưởng khu Bắc Công Chánh Nam Phần)
 - Lê Trí Viễn
 - Nghiêm Xuân Việt (sau đỗ Docteur en Droit và dạy Đại học Luật, Sài gòn)
- và hai Sinh viên ngoại quốc:
- Delpech, người Pháp (con của Kỹ sư Delpech nói trên)
 - Tacheo Tchang, người Hoa ở Vân Nam sang du học.

IV. ĐÔI GIÒNG VỀ TIỂU SỬ AH

NGUYỄN VĂN MINH: Ái Hữu lão thành NGUYỄN VĂN MINH tuy đã cao tuổi (gần 90), nhưng thấy việc thực hiện tập Kỷ Yếu Trường cao Đẳng Công Chánh đáng khuyến khích, nên Ái Hữu đã vận dụng trí nhớ để ghi lại những gì Ái Hữu còn nhớ cho khóa học của mình vào các năm 1930 - 1934. Ái Hữu còn gửi cho Văn bằng tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Công Chánh và một tấm hình chụp nhà Trường và các bạn đồng khóa lúc bấy giờ, nhờ những tài liệu này mà chúng tôi được biết:

Ái Hữu sinh ngày 10 tháng 11 năm 1911 tại Hà Đông, Bắc Việt lúc bấy giờ gọi là Bắc Kỳ, Tonkin). Lúc thiếu thời Ái Hữu theo học trường Bưởi, Hà Nội. Sau khi thi đỗ Bằng Thành Chung (tức là bằng Trung học Đệ Nhất cấp sau này) vì hoàn cảnh gia

dình không được khá giả (Cụ thân sinh là công chức Sở Hỏa Xa), Ái Hữu không thể theo học các trường Đại Học khác, nên thi vào học Trường cao Đẳng Công Chánh, vì nhà trường cung cấp miễn phí nơi ăn chốn ở cho các Sinh viên theo học, và hàng tháng mỗi Sinh viên còn được cấp thêm 8 đồng để chi tiêu. Ái Hữu tốt nghiệp “Diplôme d’Etudes Supérieures, Ecole des Travaux Publics”

(tạm dịch là Văn Bằng Tốt Nghiệp các khóa học Cao Đẳng, Trường Công Chánh), khóa 21 juin 1934. Ái Hữu hiện đã gần tuổi chín mươi, những năm gần đây Ái Hữu bị cắt mất 1/3 bao tử, mổ mật, và té gãy xương đùi, Ái Hữu vẫn khoẻ, còn minh mẫn, còn đi đây đó được, Ái Hữu và Chị hiện ở La Puente, San Diego, California với các con cháu. (Ghi chú của Ban Phụ Trách)

KHÓA HỌC (1929 – 1932)

Nguyễn Mạnh Hoàn

Milphitas, April 01, 1998

Thân mến kính gửi Ái hữu Nguyễn Xuân Mộng,

Phúc thư anh gửi tôi 4 tài liệu của Ái hữu Nguyễn Văn Minh về khóa học 1930 - 1934. Xin thưa: Tài liệu có ít chỗ sai về tên các Ái hữu khóa 1929 - 1932 (đưa qua 1930).

Anh Nguyễn Văn Minh và tôi cùng được tuyển vào học khóa 1929 - 1932. Vì lý do sức khoẻ, anh Minh được nghỉ để chữa bệnh, và được vào theo học khóa sau 1930 - 1934 rồi được bổ nhiệm vào miền Trung thuộc Tổng Nha Khảo sát và Kiến tạo đường Hỏa xa Đà Nẵng - Nha Trang (hồi đó giao thông đoạn này bằng xe đò). Rồi qua Lào năm 1936 đến năm 1945, nên không am hiểu về Trường Đại học Công Chánh từ năm 1932 đến nay. Khóa học Đại học Công Chánh tôi theo là 3 năm June 1929 - June 1932.

Năm đầu (1929 - 1930). Được lên năm thứ hai phải qua một kỳ thi lên lớp (Concours de Passage), phải hội được moyenne 12. Ai

không đạt được điểm ấy sẽ được thi 2 ème concours de passage (vào Sept. 1929) với điểm 12. Nếu kém thì thôi học.

Năm thứ hai (1930 - 1931). Hết năm thứ hai vào tháng 6 năm 1930, phải thi concours de passage lên năm thứ ba. Phải hội được moyenne 10 thì mới được lên lớp năm thứ ba, thi trượt thì về nhà (không có kỳ thi 2ème concours de passage).

Năm thứ ba (1931 - 1932). Kỳ thi ra trường vào tháng 6 năm 1932. Cần moyenne 10 thì đỗ ra lanh bằng Diplôme d'études Supérieures de l'Ecole des T.P. de l'Indochine, và được bổ nhiệm Agent Technique des T.P hay du Cadastre tùy ý lựa chọn. Nếu trượt, thì Tổng nha Công Chánh, khi cần, sẽ tuyển vào ngạch Chef de Chantier (cadre secondaire).

Về bản danh sách của Anh Minh có nhiều sai về tên các Ái hữu khóa 1929 - 1932 để qua khóa 1930 - 1934, có lẽ để vào danh sách những tên quen thuộc. Vậy tôi xin liệt

kê sau đây danh sách các Ái hữu khóa 1929 - 1932 theo thứ tự ABC và có chia miền Bắc (B), miền Trung (T) và miền Nam (N).

DANH SÁCH AHCC KHÓA HỌC 1929 – 1932

- | | |
|-----------------------|-------|
| 1) Huỳnh Bá | (T) |
| 2) Đinh Gia Báí | (T) |
| 3) Hoàng Đình Cang | (T) |
| 4) Võ Duy Dzi | (T) |
| 5) Vũ Văn Đãi | (B) |
| 6) Nguyễn Đình Đức | (B) |
| 7) Hồ Văn Hiền | (N) |
| 8) Đặng Như Hiếu | (N) |
| 9) Nguyễn Văn Hòa | () |
| 10) Nguyễn Mạnh Hoàn | (B) |
| 11) Nguyễn Văn Hưng | (N) |
| 12) Nguyễn Văn Khánh | () |
| 13) Nguyễn Thụy Nghĩa | (B) |
| 14) Trần Tấn Nghinh | (T) |
| 15) Chu Bá Phượng | (B) |
| 16) Trần Phúc San | (B) |
| 17) Hoàng Đình Tế | (B) |
| 18) Lê Văn Toại | (N) |
| 19) Nguyễn Văn Trương | (N) |
| 20) Nguyễn Hữu Tuyên | (B) |
| 21) Ngô Thiệu Văn | (B) |

Đặc biệt: Anh Hoàng Đình Cảng, nguyên Thư ký Công Chánh, đã vào học đại học Công Chánh Hà Nội vẫn giữ lương Thư ký và tự túc ăn ở, lại trúng tuyển kỳ thi Adjoint Technique des T. P (ngạch Pháp) khi học xong năm thứ hai và được bổ ngay, khỏi học năm thứ ba.

Còn tất cả các Ái Hữu khác đều ở nội trú với trợ cấp thêm 8 đồng một tháng (interne avec allocation). Trong ba tháng nghỉ hè ai muốn đi nghỉ mát ở Đồ Sơn, cũng được ăn ở nơi villa des Pins có nhà bếp và người làm công săn sóc cũng như khi ở nội trú (internat), có thể ghi xin ở một vài tuần đến cả ba tháng hè. Phần nhiều các Sinh viên miền Trung, miền Nam, Lào, Cao Miên ít ghi, vì thích về quê hơn. Sinh viên miền

Bắc ghi thường xin nghỉ mát ở villa des Pins được ăn ở, rồi tắm biển, rảnh rỗi đọc sách, đánh bài, đánh cờ, v.v... được nuôi cho nghỉ ngơi, ăn no tắm mát, chơi bời hay tự học, đọc sách.

Nội trú nơi ngôi nhà “Université Paul Bert” tọa lạc Paul Bert Blvd. Hà Nội, dành cho Sinh viên các Đại học: Công Chánh, Thương Mại, Canh Nông, Kiến Trúc.

Sinh viên các Đại học: Luật, Sư Phạm, Y Khoa, Thú Y, Mỹ Thuật, Được ở nội trú nơi Université Indochinoise, đường Patterson hay Raffenel (?) Hà Nội.

Nội trú Paul Bert: Có Amplitheâtre tầng dưới là phòng học. Sinh Viên trong giờ học, mà không có lớp, phải tự học ở phòng học (étude) cho đến hết giờ mới được tự do về phòng ngủ. Sau cơm trưa được nghỉ đến 2 giờ 30 phải đi học, nếu không có lớp phải vào phòng học. Sau cơm tối được tự do từ 7:00 đến 8:00 PM, được phép ra ngoài đi dạo hay mua đồ cần dùng, hay được người yêu đón (phi cao đẳng bất thành phu phụ). 8:00 PM phải về phòng học, đến 10:00 PM mới được về phòng ngủ, không được mở đèn.

Người làm công: ngoài công việc dọn dẹp, phải săn sóc 10 hay hơn (?) Sinh viên như: buổi sáng vắt màn, gấp chăn, sửa soạn giường nệm ngăn nắp, đánh giày trắng, giày màu, lau xe đạp cho Sinh viên, hàng tháng Sinh viên lãnh allocation 8 đồng là 32 đồng tương đương với lương một thư ký (Cadre secondaire). Cuộc sống Sinh viên thật đầy đủ, ấm no, tiêu vặt, nghỉ mát, chơi bời, mọi người làm công đều xưng hô “Thầy” và sau 3 năm ra trường họ gọi là “Quan”, quần áo thay ra vát bên cạnh giường ngủ để công nhân phụ trách đưa cho thợ giặt từ ngoài đến lãnh thường xuyên.

Tôi nhận thấy Sinh viên Cao Đẳng hồi ấy về việc học thì khó hơn Sinh viên đời nay, nhưng về sự đai ngộ rất đầy đủ thoải mái, đầy danh vọng, xin thưa thêm: về mùa Đông giá lạnh các Sinh viên từ Nam kỳ, Ai Lao và Cao Miên đều được Đại học cấp cho

mỗi người một bộ quần áo complet già “laine” (Wool) không quá 30 đồng. Sinh viên y phục chỉnh tề mùa Hè đồ trắng, faux tussor, tussor soie, thắt cravate. Khi ra khỏi internat, Sinh viên khá giả mang theo pardessus de ville hay raglan, đi giày mùa lạnh có người mang guêtre de ville.

Tôi vội viết thư này để Anh biết về danh sách Ái Hữu khóa 1929 - 1932, để sửa những chỗ nhơ sai của Ái Hữu Minh, về đời sống Sinh viên nội trú với trợ cấp qua 3 năm, thi cử ra sao.

Còn về nhân sự có ông Giám đốc Trường (người Pháp) là ông Connan, phụ tá là một agent voyer người Việt, hồi đó là Cụ Chu Văn Mậu, một thư ký văn phòng Giám đốc Trường người Việt Nam. Các Giáo sư, về Pháp: thì do một vị có Cử nhân (Licence es lettre), về Toán do Giáo sư Pháp trình độ Agregé de l'Universite, về Khoa học do Giáo sư người Pháp trình độ Agregé hay

Docteur es science (Physeque hay Chimie), về chuyên môn ngách Công Chánh thì do các Kỹ sư Công Chánh người Pháp.

Điều khiển nội trú: Tổng giám thị người Pháp (Surree Vant général): coi cả 2 Internats của Đại học Đông Dương (de l'Universite Indochine) mỗi Internat có 2 giám thị (Surveillant) thay nhau giữ kỷ luật nội trú giờ đi học, giờ lên phòng học, giờ tự do ra ngoài, giờ tự do về phòng, giờ ngủ, giờ buổi sáng phải dậy (có chuông reo). Sinh viên phạm luật bị cảnh cáo, nếu quá vô kỷ luật có thể đuổi khỏi nội trú. Sinh viên ít khi phạm kỷ luật, vì kỷ luật không khe khắt.

Nhớ đến đâu viết đến đấy, mong Anh sắp xếp cho ổn. Viết vội trả lời Anh, mong Anh thông cảm. Nếu có điều chi cần nhắc, xin Anh cứ dạy, tôi sẵn sàng trả lời nếu tôi biết rõ, không đưa điều sai lầm phuong hại đến công việc viết Kỷ yếu của Anh, xin tạm ngừng bút. Thân mến.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH HÀ NỘI TRONG THỜI GIAN 1938 – 1944

(Tặng hương linh các bạn Lê Khắc, Trần Quốc Khuê và Nguyễn Văn Nhứt)

Nguyễn Hữu Tuân

Nhận được thư của Ban Biên tập Lá Thư Ái Hữu Công Chánh yêu cầu viết hay cho tài liệu về Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội từ lâu, nhưng tôi chần chừ vì sự thật muốn viết, song trí nhớ đã kém minh mẫn lại không có nhiều tài liệu, nhất là tài liệu về trường lúc sơ khởi. Nay lại có thư nhắc, mà chờ mãi cũng chưa thấy Ái hữu nào đáp

ứng lời yêu cầu này của Ban Biên tập LTAHCC, nên chúng tôi viết bài sau đây mong các Ái hữu Công Chánh, nhất là các bậc đàn anh vui lòng cho thêm tài liệu để bổ túc các sai lầm hay thiếu sót để gia đình Công Chánh chúng ta có một tài liệu đầy đủ về Trường của chúng ta ở Hà Nội. Đa tạ.

Đông Dương dưới thời Pháp thuộc gồm có 5 xứ: Bắc kỳ, Trung Kỳ, Nam kỳ, Cao Mên và Ai lao. Riêng Nam kỳ là thuộc địa (colonie), có một Thống Đốc (Gouverneur) đứng đầu, còn 4 xứ kia là bảo hộ (protectorat), đặc biệt 3 thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng có chế độ thuộc địa (người dân sinh ở Nam kỳ, Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng được coi như dân Pháp, sujet Francais), mỗi xứ có một Thống Sứ (Resident Supérieur) đứng đầu. Trên các Thống sứ và Thống đốc có Toàn Quyền Đông Dương (Gouverneur Général de L'Indochine) mà Văn phòng chính thức được đặt ở Hà Nội và Văn phòng phụ ở Sài Gòn có cơ quan Trung ương trực thuộc Toàn quyền (tài chánh, quan thuế, y tế, công an, công chánh, hỏa xa, bưu điện, học chánh, canh nông, thủy lâm, v.v...) đều được đặt ở Hà Nội. Vì lý do này Trường Đại Học đầu tiên Đông Dương đã được xây cất ở Hà Nội vào cuối thế kỷ 19, trên đại lộ Bobillot, cách nhà Hát Lớn Hà Nội khoảng 500 mét. Ngôi nhà chính của Đại Học kiến trúc đồ sộ, to cao và cầu kỳ giống như những đài kỷ niệm cổ kính ở Ba Lê: mặt trước có nhiều bậc cong, lên tới thềm cao, từ thềm có nhiều cột cao vươn lên hai tầng nhà để đón mái. Bước vào Đại sảnh có nhiều cột và trần sơn vẽ thiên thần, bên trái là giảng đường chính hai tầng, có chỗ cho 6, 7 trăm sinh viên dự thi, bên phải là hai giảng đường nhỏ trên có thư viện. Hai bên tòa nhà chính này có hai ngôi nhà phụ, hai tầng, có nhiều phòng thí nghiệm và lớp học. Một trong những ngôi nhà này có một sân dài ở giữa và trong cùng là một dãy nhà một tầng gồm khoảng gần hai chục lớp học nhỏ.

Vì lúc đó Đông Dương chỉ có một Đại Học, nên sau khi tốt nghiệp Trung học Sinh viên xuất xứ từ Trung kỳ, Nam kỳ, Cao Mên và Ai Lao muốn tiếp tục học đều phải ra Hà Nội, ngoại trừ con những gia đình giàu có thể đi học ở ngoại quốc (thường là Pháp). Một cư xá chung cho các Trường thuộc Đại Học Hà Nội được thiết lập tại một căn nhà

hai tầng lớn ở giữa phố Tràng Tiền (rue Paul Bert) Hà Nội, cùng dãy với nhà "Gô Da" (Grands magasins réunis) và xế cửa tiệm thuộc tây Mont Blanc, nhà in Taupin và rạp chiếu bóng Eden. Sau này, khoảng từ năm 1940 đến năm 1954, căn nhà này trở thành phòng "Thông Tin" của Pháp. Nam kỳ có nhiều gia đình giàu có nên đã lập riêng một "Nhà Nam Kỳ" tại phía Nam thành phố Hà Nội, gần chợ Hôm, để đón tiếp một số Sinh viên Nam kỳ du học.

Người Pháp chiếm cứ Đông Dương với mục đích đô hộ và khai thác kinh tế nên họ nắm hết quyền chỉ huy. Tuy lập ra trường Đại Học, nhưng lúc đầu mục đích của họ chỉ đào tạo nhân viên thừa hành, trung cấp, để phụ tá cho người của họ mà thôi. Như trường Thuốc thay vì đào tạo Bác sĩ (docteur) thì chỉ đào tạo Y sĩ (médecin), và các trường Công Chánh, Canh Nông, Thủy Lâm chỉ đào tạo Cán sự (agent technique). Sau một thời gian, trường Thuốc mới chuyển sang đào tạo Bác sĩ và trường Công Chánh đào tạo thêm một số Công Trình sư (agent voyer) rồi đến khoảng năm 1930 thì trường Công Chánh Hà Nội đóng cửa.

Tới năm 1938, vì nhu cầu nhân sự, Nha Tổng Thanh Tra Công Chánh Đông Dương (Inspection Générale des T.P de L'Indochine, tương đương với Bộ Công Chánh) tổ chức một lớp đào tạo Cán sự Công Chánh và Địa Chánh (Cours de formation des agents techniques des T.P et du Cadastre.) Lầu 3 Nha TTTCCĐD ở Hà Nội được dùng để đặt Văn phòng trường và một lớp học đủ chỗ cho 50 Sinh viên. Các lớp học khác được tổ chức tại trường Đại Học ở đại lộ Bobillot. Vườn Bách Thảo ở gần Hồ Tây và sân banh Eclair ở bờ sông, ngay đằng sau Nha Tổng Thanh Tra Công Chánh, là những nơi để thực tập sử dụng các máy ngắm và đo. Một Kỹ sư Pháp, Trưởng phòng Pháp Chế Nha TTTCC kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc trường, dưới quyền có 1 thư ký do một vị Cán sự Công Chánh lớn tuổi đảm nhiệm,

một họa viên và một tùy phái. Các Giáo sư trường được tuyển lựa từ các Giáo sư Thạc sĩ của trường Đại Học và các Kỹ sư Pháp làm việc ở Hà Nội và Hải Phòng.

Trường Công Chánh mở cửa lại năm 1938 cũng chỉ tuyển có 3 khóa Cán sự: khóa 1 năm 1938 có 18 Sinh viên, khóa 2 năm 1939 có 44 Sinh viên và khóa 3 năm 1940 khoảng 25 Sinh viên rồi vì Nhật Bổn tràn chiếm Đông Nam Á nên đóng cửa vào đầu năm 1945.

Đầu năm 1943, Nha Tổng Thanh Tra Công Chánh Đông Dương lựa 5 Sinh viên đỗ đầu khóa 1 và 3 Sinh viên đỗ đầu khóa 2 về học lớp đào tạo Công Trình sư (agent voyer) tại Hà Nội. Phó Tổng Thanh Tra Công Chánh Đông Dương Longeaux, một Kỹ sư Cầu Cống trẻ tuổi có trí óc tự do bình đẳng và cũng là một Giáo sư trường Công Chánh, xét lại chương trình học và đổi lại tên là lớp đào tạo Kỹ sư Công Chánh. Chương trình học rất nặng vì trong một niên học phải học cả hai chương trình Công Chánh và Math Géné. Chương trình Công Chánh gồm các môn Cầu Đường, Thủy Nông, Hóa Xa, Hàng Hải, Sức chịu đựng của Vật liệu (Résistance des matériaux), Luật Hành Chánh và Kiến Trúc do các Kỹ sư Pháp tốt nghiệp ở các trường Pont & Chaussée và Centrale ở Pháp dạy. Có thêm hai bằng thính viên người Pháp, một đã có chứng chỉ Math Géné. và một có chứng chỉ Math Sp. theo học lớp Kỹ sư Công Chánh đem tổng số lên 10 Sinh viên.

Đầu năm 1944, Hoa Kỳ cho máy bay B.24 thả bom ở nhiều nơi ở Đông Dương, nhất là dọc đường hỏa xa xuyên Việt. Ở Hà Nội các trường tiểu học tạm đóng cửa, các trường trung học được di tản đi tỉnh nhỏ, riêng lớp đào tạo Kỹ sư Công Chánh được dọn vào Lycée Yersin ở Đà Lạt hơn một tháng trong mùa hè, đem theo một số Giáo sư và tới cuối tháng 9 năm đó, khóa Kỹ sư đầu tiên mới tốt nghiệp.

Viết về Trường cũ thì một số kỷ niệm

xưa không quên được hiện lại trong đầu:

- Chương trình Cán sự không nặng nên học thoái mái, nên lúc nào rảnh một số lớn anh em thường hay chơi thể thao: đá banh ở sân Eclair hoặc đánh bóng rổ ở sân Đại học. Năm 1942, đội bóng rổ trường Công Chánh đã là đội vô địch của trường Đại học nhờ có cầu thủ rường cột Nguyễn Hữu Nguyên. Từ mấy năm trước anh Nguyên đã là hữu biên của đội túc cầu Nội Châú rồi Racing Club de Hanoi. Anh thường được cử đi hữu biên của Hội tuyển Túc cầu Bắc Việt và trong một trận đấu với đội Nam Hoa Hong Kong, một cú đá phạt góc của anh đã đưa quả bóng từ chân anh vòng vòng trên trời rồi tự chui thẳng vào lưới của Nam Hoa. Cả cầu trường im lặng theo dõi đường bóng rồi tiếng hoan hô vang dậy khắp sân. Một buổi chiều, anh em Sinh viên Công Chánh chơi đá banh ở trên sân Eclair thì có một chú ba lắc kéo rao thịt bò khô, anh Nguyên đã bỏ ra một đồng bạc (hồi đó Sinh viên Công Chánh nào được cấp học bổng thì mỗi tháng được lãnh \$30.) và ăn luôn một hơi, một trăm đĩa thịt bò khô (đĩa sứ nhỏ độ 7 tới 8 cm đường kính). Lại một hè cùng chúng tôi đi nghỉ mát ở Chapa (tỉnh Lao-Kay, Bắc Việt), anh Nguyên đã thi đua ăn kẹo toffée với một thanh niên sở tại, tại tiệm bán thức ăn Alim Macca. Cứ nhai hết cái kẹo nọ đến cái kẹo kia, khi anh Nguyên đã ăn được hơn một kilo kẹo toffée thì anh bạn kia xin đầu hàng và thanh toán tất cả tiền kẹo.
- Khóa chúng tôi có 44 Sinh viên, trong đó có 3, 4 anh lớn hơn các anh em khác 6, 7 tuổi vì đã đi làm một thời gian rồi mới thi vào trường Công Chánh. Anh thủ khoa Lê Khắc đậu Tú tài I, rồi vừa đi làm vừa tự học thêm 7 năm mới thi Tú tài II ban Toán, xong mới thi vào trường Công Chánh. Trong 7 năm đó, anh làm rất nhiều bài toán và lúc nào “bí” là anh

đưa tay lên đầu rút tóc ở hai bên mang tai nên khi đi học trường Công Chánh thì hai bên thái dương đều đầy sẹo. Anh tướng hầu, dung mạo xấu xí, nhưng có đôi mắt rất sáng và lanh. Một hôm, trong giờ Résistance des matériaux, thầy Mériaux ra một bài toán ngược: thầy cho một giải số (réponse) và yêu cầu các trò tìm ra đầu đề (donnée). Hai tuần sau chỉ có mình anh Khắc trả lời đúng, hai anh Sinh viên Pháp đã đậu chứng chỉ Math. Géné. Và Math. Spé. rồi cũng chịu.

Hè 1944, có 60 người thi Math. Géné. Chỉ có 12 người đậu: anh Khắc đậu số 1 và anh Các, cũng khóa Kỹ sư đậu chót, số 12. Ba năm liền ở lớp Cán sự, anh Khắc đều đứng đầu lớp, ấy thế mà lên lớp Kỹ sư, anh Khắc cũng không tranh được chức thủ khoa với gạo cù Phạm Hữu Vĩnh đã nhất nhiều môn. Bám sát anh Lê Khắc 4 năm liền, có anh Tạ Huyền; Anh Huyền học giỏi lại thêm Pháp văn hay, chữ đẹp, ăn nói lưu loát lịch thiệp. Anh mặt mày tuấn tú, đoan trang, nhưng chỉ tiếc là anh hơi “thấp” như lời của cô Kỳ Duyên phê bình nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn trên màn ảnh “Paris by Night.”

3. Khi trường tạm dời vào Đà Lạt, vì Lycée Yersin đóng cửa nghỉ hè, nên sắp tới bữa ăn là chúng tôi phải đi ăn ở quán gần nhà ga xe lửa hay quanh chợ. Một tối nọ, tối giờ đi ăn, tám anh em qua phòng rửa mặt ở đầu phòng ngủ để rửa mặt rửa tay, nhưng hôm đó nước không chảy ra, mọi người đành đi ăn. Hai giờ sau, trở về trường, đi tới cầu thang để lên phòng ngủ thì thấy nước chảy lênh láng dọc theo cầu thang xuống sân. Mọi người vội chạy lên phòng rửa mặt ở đầu cầu thang thì hối ôi, hai vòi nước đang chảy tràn chậu rửa mặt. Mọi người hùa nhau khóa vòi nước, đi lượm quần áo dơ để lau sàn, lau cầu thang cho khô. Hì hục hơn một giờ đồng hồ sau mới xong

công tác. Thì ra hồi tối, nước ở trên thủy đài đã cạn nên vòi nước không chảy; sau khi chúng tôi đi ăn thì nhân viên nhà trường đã bơm nước lên đầy thủy đài nên “tai nạn” mới xảy ra. Anh em không ai trách ai đã vô tình không khóa vòi nước mà đều vui vẻ ra công lau chùi để khỏi mang tiếng.

4. Trong số các Giáo sư có thầy Macheaux, xuất thân từ “Ecole Centrale de Paris” và hồi đó là Trưởng khu Thủy Nông, phục trách hệ thống dẫn thủy nhập điền Hà Đông / Phủ Lý / Sơn Tây, dạy hai môn Thủy lực và Thủy nông. Thầy rất giỏi và rất giàu kinh nghiệm, nhưng tiếc là thầy không có giáo khoa. Khi dạy, thầy không phát bài in sẵn mà trò phải ghi chép những gì thầy nói. Thầy to con, cao lớn, khi dạy thầy quay mặt vào bảng đen thì lưng thầy và hai bả vai che mất hơn một phần ba cái bảng rồi. Mỗi thầy nói, tay mặt thầy viết đến đâu thì tay trái thầy đã bắt đầu xóa đến đó, phương trình (equation) đọc còn không kịp lấy đâu mà chép. Mười trò mà cũng chịu không ghi đầy đủ được bài học. Sách thì không mượn, không mua được để bổ túc phần đã ghi chép được. Cho nên hai môn học Thủy lực và Thủy nông quá vất vả mà không thâu lượm được kết quả mong muốn.

Trường Công Chánh Hà Nội đóng cửa hơn 50 năm rồi. Trong thời gian đó, nước nhà đã trải qua hơn 30 năm loạn lạc với bao nhiêu biến cố đau thương. Những kỷ niệm dĩ vãng là một nguồn an ủi cho những người Việt lớn tuổi sống tha hương, không có một tí hy vọng gì chờ được tới ngày trở về nơi chôn nhau cắt rốn thực sự tự do trong an bình.

KHÓA CÁN SỰ 1941 – 1944

Mã Minh

Plano, ngày 12 / 12 / 1998

Anh Mộng,

Trường Công Chánh tôi học, lúc bấy giờ gọi là Cours de Formation des Agents Techniques. Tôi nhập học khóa thứ 3 (1941 - 1944). Trước tôi có hai khóa: khóa 1 có các Anh Phạm Hữu Vĩnh, Phạm Văn Ba..., khóa 2 có các Anh Tạ Huyền, Nguyễn Hữu Tuân. Năm đầu của tôi là 1941 - 1942, học cùng lúc lớp 3 của khóa 2.

Khóa của tôi có khoảng 20 anh em, 15 anh em theo ngành Công chánh, khoảng 5 anh em theo Địa chánh và có anh do Hỏa xa gửi đến học.

Dưới đây là danh sách 15 anh em ngành Công Chánh

1. Hoàng Tiêu Diêu
2. Hồ Thông Minh
3. Lê Ngọc Cương
4. Nguyễn Xuân Hiếu
5. Vũ Thế Hưng
6. Nguyễn Thiên Vị
7. Mã Minh
8. Tôn Thất Trân
9. Võ Thới Trung
10. Nguyễn Hữu Bình
11. Nghiêm Xuân Ấp
12. Nguyễn Văn Yanh (Anh hỏi Anh Hiếu xem tên đúng không)
13. Phan Văn Điển
14. Hà Văn Thọ
15. Phan Huỳnh Tấn

Các anh em ngành Địa chánh tôi nhớ không rõ hết, chỉ nhớ:

Trần Văn Hoa, Trần Văn Đơn, Nguyễn Văn Doanh, Phạm Văn Diêu, nếu có thiếu cũng chỉ 1 hay 2 người. Người Hỏa xa gửi học là Anh Nguyễn Mạnh Tiệp, chẳng rõ còn ai nữa không. Hỏi Anh Tiệp xem.

Về các Anh cả thì trong khi đi tập sự hay đi làm việc có tiếp xúc được một số các Anh cả, chỉ biết tên còn khóa học và tuổi thì không biết.

Đi tập sự trong lúc học được biết:

- Trần Văn Tuệ (Sở Dragage 1944 - Trường ty Công Chánh Cần Thơ 1950)
- Nguyễn Văn Vui (Sở Dragage 1944 - Trường ty Công Chánh Bạc Liêu về sau)
- Nguyễn Văn Thủ (Trường ty Vĩnh Long 1944)
- Nguyễn Văn Thạch (Trường ty Bạc Liêu 1944)
- Nguyễn Văn Hòa (Trường ty Châu Đốc 1947)
- Chu Văn Mậu (Trường Khu ở Pnom Penh (Nam Vang 1945)
- Phạm Văn Nhiêu (sau làm Trường khu Nam rồi Trường khu Bắc)
- Trần Văn Nam (trước học Công Chánh, sau học tiếp trường bên Pháp)
- Nguyễn Văn Của (Trường ty Long Xuyên 1948 - 1952)
- Nguyễn Văn Quan (Trường ty Rạch Giá 1952)
- Lê Văn Hồ (Trường khu Nam 1950)
- Lê Văn Phụng (Trường ty Gia Định)
- Huỳnh Văn Sanh (Khu Bắc 1958)

- Bùi Quang Trạch (Giám đốc Công Binh 1961)

Về bản kê các Cụ của Anh thì có những điểm sau:

- Nguyễn Huy Anh do Trắc lượng viên, thi lén.
- Huỳnh Văn Phòng, học ở Pháp về.

Về khóa 4 lớp Agent Technique, khóa này bắt đầu học năm 1943 - 1944 và năm 1945 bị gián đoạn. Nhiều anh em tiếp tục

học ở Bắc, nhiều anh em tiếp tục học ở Nam, nhiều anh em bỏ luôn nghề vì thời cuộc. Khóa này hiện còn là anh Nguyễn Văn Ngân, tôi biết có 2 người là Mã Chương (em ruột tôi) và Trịnh Văn Đề hoạt động theo Cộng và nay đã chết hết. Khóa này khó có ai nhớ được đầy đủ người cùng khóa.

Các anh em di tản qua đây từ năm 1975, đến nay cũng tới tuổi về hưu hết rồi, về hưu không làm gì buồn lăm.

HỒI KÝ VỀ KHÓA HỌC 1943

Nguyễn Ngọc Tiếp

Anh Mộng thân mến,

Anh có ngỏ ý với tôi nên viết một đôi hàng về khóa học của chúng tôi ở Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội từ năm 1943.

Thấy Anh hăng say trong việc cổ võ và sưu tầm các tài liệu thuộc Trường Cao Đẳng Công Chánh của chúng ta, tôi rất thành thực hoan nghinh sáng kiến và công phu của Anh. Tôi đã đồng ý ngay để cố gắng hồi tưởng lại bao kỷ niệm xa xưa ở trường Cao Đẳng Công Chánh của chúng ta (Đã từ trên 50 năm nay !) để đóng góp chút ít vào công việc hữu ích đầy tình ái hữu của Anh.

Nhưng ngồi suy nghĩ xét lại, nhận thấy với tuổi tác đã quá chồng chất, trí nhớ lu mờ rồi không biết những gì viết ra đây hoàn toàn đúng thực hay quên sót ít nhiều vì đã từ xa xưa. Xin Anh nếu Anh có thể móc nối với một vài người bạn cùng khóa với tôi (1943) như các Anh Nguyễn Văn Ngân và Trần Văn Hoành để kiểm soát lại hầu được chính xác hơn nhé.

Tôi nhập học Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội khóa 1943 - 1944. Các bạn cùng khóa học hiện nay đã xa cách nhau trên 50 năm ! không bao giờ có cơ hội để gặp nhau lại.

Tại Hà Nội khoảng năm 1950 tôi chỉ được liên lạc với một người bạn đồng khóa là Ái Hữu Tô Đình Tụ phục vụ lúc bấy giờ tại Nha Công Chánh miền Bắc.

Tại miền Trung, từ năm 1954 tôi đã được gặp 1 bạn cũ cùng khóa cùng nhau phục vụ tại miền Trung (Khu Công Chánh Huế) là Ái Hữu Trần Nguyên Đằng.

Tại Sài Gòn vào khoảng 1965, tôi đã gặp lại 2 anh bạn đồng khóa là các Ái Hữu Đỗ Thiên Dương và Ái Hữu Ngô Nguyên Phúc, cả 2 đều phục vụ tại Nha Lộ Vận Bộ Công Chánh.

Các anh em khác cùng khóa đều thất lạc mỗi người mỗi ngã sau vụ đảo chính Nhật Bản ngày 09 tháng 03, và vì tình hình chiến tranh liên tục của đất nước.

Sau đây tôi xin ghi lại sơ lược về khóa học với nhiều biến chuyển rủi ro và nhiều vất vả.

Thi vào nhập học năm 1943 của Trường Cao Đẳng Công Chánh lúc bấy giờ, miền Trung cho lựa 10 người (theo nguyên tắc mỗi miền Nam, Trung, Bắc đều được chọn 10 người). Khoá ấy chúng tôi 4 người trúng tuyển đều là học sinh của trường Trung học Pellerin. Các Ái Hữu Trần Nguyên Đẳng, Ngô Văn Kệ, Đỗ Thiện Dương và tôi đều học chung với nhau 1 nhà tại phố Mã Mây, Hà Nội, với 2 Ái Hữu khác tên là Nghiêm Xuân Áp và Nguyễn Mạnh Tiệp.

Qua năm 1944, chúng tôi 4 anh em Pellerin cũ cùng nhau trú ngụ tại 61 Hàng Bè (Rue des Radeaux cũ) và nửa năm được chấp thuận cho trú ngụ tại Việt Nam Học Xá Đông Dương (Cité Universitaire) tại khu Bạch Mai.

Trường Cao Đẳng Công Chánh lúc bấy giờ thì trụ sở chính đặt tại Tổng Nha Thanh Tra Công Chánh Đông Dương đóng tại địa điểm tục gọi là Tòa Án Hàng Tre Hà Nội và ngoài ra còn có nhiều giờ học phải đến theo học tại Trụ sở trường Đại học Hà Nội để học các môn Toán, Khoa học hay Pháp văn.

Văn phòng trường do 1 chánh Kỹ sư (Ipl) là ông Jarry làm hiệu trưởng và có 1 ban thường trực do Cụ Chủ (một Cán sự Công Chánh lớn tuổi) người anh cả khá kính điều khiển và phụ trách công việc thường xuyên.

Các Giáo sư trưởng có ít người tôi nhớ tên như các ông Gauthier, Martin (Jean), Martin Antoine) Bernard, Langlois và một ít Giáo sư Việt như các ông Hoàng Xuân Hãn, Ngụy Như Kontum, v.v...

Nói về khóa học 1943 - 1944 thật chúng tôi đã gặp nhiều rủi ro và trở ngại.

Thời gian 1943 về sau là lúc miền Bắc nhất là Thủ đô Hà Nội bị đói kém liên tục. Ngoài ra Hà Nội và các vùng phụ cận

luôn luôn bị phi cơ Mỹ đột kích và dội bom các căn cứ quân sự Nhật Bản, mỗi ngày đều có tiếng còi báo động để buộc dân chúng xuống hầm trú ẩn.

Khóa học chúng tôi tiếp tục với 2 năm tương đối tạm được, mãi đến ngày 09 tháng 03 năm 1945 xảy ra vụ đảo chính Nhật, khóa học bị đình chỉ học tập và các khóa sinh đều bị tan tác mỗi người một ngã.

Đa số khóa sinh miền nam và miền Trung đều trở về quê một phần bằng đường bộ (xe hơi hoặc xe đạp), một ít anh em trở về bằng đường thủy (ghe thuyền). Từ đó chúng tôi hết liên lạc, tan rã không còn gặp lại nhau nữa.

Khóa học tạm ngưng, chúng tôi hoặc chuyển nghề hoặc tạm kiếm việc làm trực thuộc Công Chánh.

Mãi đến năm 1949 Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn lúc bấy giờ lại do cơ quan Pháp phụ trách cho chúng tôi lần lượt nhập học tiếp tục năm cuối.

Lúc bấy giờ Trường Cao Đẳng Công Chánh đóng tại trụ sở số 2 đường Duy Tân (Rue Garcerie) và ít lúc sau trường lại dời về vùng Petrus Ký.

Vào học Trường Chuyên nghiệp kể từ 1943 mà mãi đến năm 1950 mới ra trường. Ra trường hè 1950, tôi được Trường chỉ định cho phục vụ tại Khu Công Chánh Đà Nẵng (lúc bấy giờ trực thuộc Tổng Nha Công Chánh Pháp (Inspection des T.P de l'Indochine)

Khu Công Chánh Đà Nẵng lúc bấy giờ do ông Trưởng khu P. Davy thày dạy cũ (cours de Ponts) của tôi tại Sài Gòn. Tôi được thày chỉ định cho làm Ty trưởng Công Chánh Quảng Nam – Đà Nẵng kể từ Janv. 1951.

Qua năm 1952, ông P.Davy về hưu và chuyển quyền lại cho ông H. Bono cũng là một cựu Giáo sư Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn.

Tôi phục vụ gần 5 năm với 2 cựu Giáo sư Trường Cao Đẳng Công Chánh nên được

mọi kết quả tốt đẹp.

Kể từ hè 1954, tôi được thuyên chuyển đính thân phục vụ trực thuộc Bộ Công Chánh Việt nam.

Trên đây là sơ qua niên khóa huấn

luyện tại Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội của chúng tôi với một vài chi tiết gián đoạn gay cấn, nhớ được chút gì tôi xin ghi lại, nếu các bạn cùng khóa nhận thấy nhiều thiếu sót hay sai lạc xin bổ cứu thêm và tha thứ.

“ CÁC NĂM HỌC TỪ 1944 ĐẾN 1954”

Nguyễn Văn Ngân

Sau đây là Bản Học Trình Trường Cao Đẳng Công Chánh trong giai đoạn 09 tháng 03 năm 1945 (Nhật đảo chánh Pháp) đến năm 1955 là tôi ra trường hẳn, trở về tiếp tục làm ở sở Kỹ thuật Nha Tổng Giám Đốc Công Chánh Sài Gòn.

HÀ NỘI:

1. Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội đóng cửa sau ngày 09 tháng 03 năm 1945 vì cuộc đảo chánh Nhật.
(x) Niên học chót là năm 1944 - 1945

Lớp Trung Đẳng I: (Cours Secondaire 1)

Giáo sư:

- Ông Martin (Chemin de fer)
- Ông Puvilland (Dessin)
- Ông Lucas (Francais)
- Ông Hoàng Xuân Hãn (Complément Math)
- Ông Hướng (Opérations sur Terrain)

Sinh viên:

- Ứng Răng (Major)
Cours Préparatoires lên
- Đỗ Thiên Dương (Second)
Cours Préparatoires lên
- Nguyễn Văn Ngân (1ère année)

- Lê Sĩ Lâm (1ère Année)
 - Nguyễn Văn Khải (1ère Année), ba người vô thăng Secondeaire vì có bằng Tú tài Toán.
2. Trường được tiếp tục mở lại vào cuối năm 1945 - 1946, trên tầng lầu Tổng Nha Công Chánh.

(x) **Lớp trung Đẳng II:** do các vị Ingénieur, Agent voyer, Adjoint technique giảng dạy:

Giáo sư:

- Ông Phạm Đình Biểu (Résistance des Matérianx)
- Ông Quỳ (Ponts)
- Cụ Mậu (Hydraulique agricole)
- Ông Khánh (Métré)
- Ông Lợi (Complément Math)

Sinh viên: Sinh viên từ Trung Đẳng I lên (Nguyễn Văn Ngân... và một số được sở cử đến học, như: Lê Văn Ngân, Vũ Xuân Thái).

Đến tháng 12 năm 1946 kháng chiến chống Pháp, ra hậu phương có mở 1 lớp Công Chánh tu nghiệp ở Phú Thọ, được biết Cụ Mậu dạy môn Hydraulique (Thủy Nông và Sông đào).

SÀI GÒN:

1. Cao ủy Pháp (Haut Commissariat de France) thiết lập lại Trường Công Chánh (lớp Trung Đẳng) năm 1947 ở Sài Gòn tại ngôi nhà lầu bên cạnh Cao ủy Pháp đường Chasseloup / ngã ba với đường Massiges (Mạc Đĩnh Chi), ông Longeau, Giám đốc Trường.

Niên học 1947 - 1948 Trung Đẳng I
(x) Niên học 1948 - 1949 Trung Đẳng II

Giáo sư Pháp:

- M. Fréjacques (Hydraulique) ở Sài Gòn
- M. Beau (Math) ở Sài Gòn
- M. Raymond (Visite de Chantier)
ở Gia Định

Sinh viên:

- Trần Phú Thọ , Sài Gòn
- Nguyễn Văn Ngân , Hà Nội
- Trần Văn Hoành , Sài Gòn
- Ngô Văn Kệ , Huế
- Nguyễn Tấn Liễu , Sài Gòn
- Nguyễn Văn Thu ,
Công chức, Cát Bi Hải Phòng
- Ngô Văn Sử , Sài Gòn
- Tô Đăng Tụ , Công chức , Hà Nội
- Nguyễn Văn Nghị , Hà Nội
- Lê Văn Ngâm , Công chức , Hà Nội
- Hà Thúc , Huế

(Trường có các lớp học ở tầng dưới, văn phòng hành chánh do Thầy Nghiêm là con / cháu Cụ Chữ trước là Thư ký Trường Hà Nội) làm Thư ký.

Ở tầng lầu có 2 phòng làm dortoir chung, nhà sau có hành lang và bếp, cho Sinh viên nội trú (Vợ chồng Thầy Nghiêm nấu cơm giúp cho tất cả).

2. Năm 1951, Cụ Trần Văn Bạch thành lập Trường Kỹ sư Công Chánh cho các Cán sự Công chánh có điểm đậu 14 hay có bằng Tú Tài Toán.

Niên khóa 1951 - 1952 - Khóa I (có Mã Minh và ...)
(x) Niên khóa 1953 - 1954 - Khóa II

Giáo sư:

- Ông Trần Lê Quang (Résistance des Matériaux)
- Ông Nguyễn Văn Chiểu (Beton armé)
- Ông Phạm Minh Duong (Routs & Ponts)
- Cụ Trần Văn Bạch (Hydraulique Générale)
- Ông Trần Văn Tải (Architecture)
- Ông Trần Văn Sách (Électricité)
- Ông Tạ Huyễn (Opération sur terrain)

Sinh viên:

- Nam:** - Trần Minh Sử
- Nguyễn Long Tiết
- Lê Long
- Trác Quang Tiên
- Lương Văn On, ở Pháp về,
học thi lại điều chỉnh.

Trung:

- Trần Sĩ Huân
- Bửu Hiệp
- Tôn Thất Toại
- Nguyễn Ngọc Du
- Ngô Công Khanh
- Nguyễn Ngọc Ánh
- Hoàng Ngọc Thân
- Hà Thúc

Bắc:

- Phạm Ngọc Xuyên
- Nguyễn Văn Ngân
- Dương Hồng Viễn

Cao Miên:

- Chún Tai Hery

Đến năm 1956, Trường chuyển về Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Tho.

Ghi chú: (1) Những niên học có đánh dấu (X) là tôi đã học qua:

- 1944 – 1945 : Hà Nội
- 1948 – 1949 : Sài Gòn
- 1945 – 1946 : Hà Nội
- 1953 – 1954 : Sài Gòn
(Khóa 2 KS CC)

(2) của BPT: Trong thời gian này lớp préparatoire còn gọi là 1ère année, lớp 1ère année scondaire gọi là 2ème année và lớp 2ème année scondaire gọi là 3ème année, như tổ chức trước đây.

NHỮNG DỮ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

Trương Đình Huân

Trường Cao đẳng Công Chánh được tái lập tại Sài Gòn chiếu Nghị Định số 192 / 2200 ngày 11 tháng 07 năm 1947.

(Ghi chú của BPT: Bài này được ghi chung hai bài viết do Ái Hữu Trương Đình Huân gửi đến):

Qua nhật báo Journal D' Extreme Orient tôi được biết có một kỳ thi tuyển chọn học sinh vào Trường đào tạo Cán sự Công Chánh, đồng mở tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Phnom Penh và Vientiane.

Hồi đó tôi đang học lớp 12 (Première) tại Lycée Sisowath (Phnom Penh) nên đã dự thi tại Trung Tâm này.

Khi tựu trường tại Sài Gòn tôi được biết thêm là khóa 1 này có 20 học viên trong đó có 2 bạn gốc Cao Miên (tên Pou Var và Chan Peck) và 2 bạn gốc Lào (tên Thao Phak và Thao Sek Volavongsa). Tôi còn nhớ hai anh Pou Var và Volavongsa là hai cầu thủ bóng rổ và bóng chuyền đã đem lại giải thưởng cho Trường vào năm 1949 trong cuộc tranh tài với các đội banh thuộc Viện Đại Học Sài Gòn. Tôi cũng là cầu thủ của các đội banh kể trên.

Năm thứ Nhất là năm Dự Bị (Niên khóa 1947 - 1948), chúng tôi học tại Trường Kỹ Nghệ thực hành nằm trên đường Huỳnh Thúc Kháng bên hông Bộ Công Chánh.

Trường này đào tạo chuyên viên Cơ khí các cấp (thợ máy) cùng học chung trong cơ sở này. Vào năm đó, còn có lớp đào tạo Sĩ quan Hàng Hải Thương Thuỷ (khóa 1 sau 1945), một khóa sinh sau này là Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Năm thứ hai và năm thứ ba (niên khóa 1948 - 1949 và 1949 - 1950) chúng tôi học tại Trung Tâm Kỹ Thuật (Centre technique D'apprentissage) số 25 đường Chasseloup Laubat (đường Hồng Thập Tự sau này). Cơ sở này rộng rãi nên có chỗ nội trú, tức là Trường dành lâu 1 cho Sinh viên ở và tự tổ chức popote v.v...

Trong suốt thời gian trên, Trường đặt dưới sự điều hành của Văn Phòng Cố vấn Công Chánh thuộc Cao ủy phủ Pháp, cho đến ngày 30 tháng 05 năm 1950 thì Trường được giao trả cho Chính phủ Việt Nam.

Chúng tôi trở lại Trường, học lớp Cao Đẳng (đào tạo Kỹ sư Công Chánh) sau khi Chính phủ ký Nghị định số 353 - Cab / SG ngày 20 tháng 07 năm 1951 cho phép tái lập lớp Cao Đẳng Trường Công Chánh Việt Nam.

Khóa 1 này kết thúc ngày 13 tháng 01 năm 1953 sau Biên bản và Đề nghị của Hội Đồng Giáo Sư chấp nhận các Sinh viên tốt nghiệp.

Khóa học dài 14 tháng này cũng được tiếp tục tại Trung Tâm Kỹ Thuật trên đường Hồng Thập Tự với 24 Cán sự, kể luôn cả bạn Nguyễn Hảm Anh (nguyên Cán sự, đang hành nghề thầu khoán xây cất). Anh Anh là một bàng thính viên tự do (auditeur libre). Trên đây tóm lược một số dữ kiện chính liên quan đế trụ sở Trường Cao Đẳng Công Chánh, khóa 1947 - 1952. Và sau đây là phần đóng góp của Khóa 1947 - 1952:

- 1) Sinh hoạt của các khóa sinh khóa 1947 - 1952, đặc biệt là vấn đề nội trú, học bổng,

- sinh hoạt chung trong tập thể Sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn.
- 2) Tham gia tích cực trong việc hợp thức hóa mọi hoạt động của Trường trong lúc giao thời, khi mà Trường được giao cho Quốc Gia Việt Nam ngày 30 tháng 05 năm 1950.

A. Trước hết xin tóm lược mọi hoạt động chính yếu trong suốt thời gian Trường được tái hoạt động dưới sự điều hành của Văn phòng Cố vấn Công Chánh, thuộc Cao ủy phủ Pháp, do ông Guzau làm Cố Vấn Trường, và Văn phòng đặt tại Bộ Công Chánh, đường Pasteur.

Ngay trong niên học đầu 1947 - 1948, tôi đã được anh em đồng khóa ủy nhiệm làm Đại diện để yêu cầu ông Cố vấn xét vấn đề học bổng và giúp đỡ phương tiện nội trú. Tôi thi vô Trường Công Chánh tại Trung Tâm Phnom Penh, nên có lý do để nêu lên vấn đề nội trú. Tôi cũng có đề cập đến phương tiện nội trú khi Trường còn ở Hà Nội.

Hai điều thỉnh nguyện trên đều được thanh thỏa khi Trường được sử dụng Trung Tâm Huấn Nghệ Chasseloup Laubat (25 đường Hồng Thập Tự sau này), với một tầng lầu dành cho học viên Nội trú.

Tiền học bổng được tăng lên 300 đồng 1 tháng, với truy lanh năm thứ nhất. Sau đó, dựa vào nhu cầu học liệu, sách vở v.v... tôi đã lên xin tăng học bổng, và cũng được giải quyết thỏa đáng là 480 đồng 1 tháng, với truy lanh năm thứ nhì, được lanh trước khi đi tập sự Hè.

Và sang năm thứ ba, chúng tôi đã thành công với đòi hỏi tăng học bổng lên mức 600/ tháng.

Tôi nhớ đã đem theo hóa đơn mua sách từ bên Pháp, hoặc qua hiệu sách Portail - Xuân Thu để chứng minh nhu cầu thêm học bổng.

Cũng phải nói thêm là ông Guzau đã tỏ ra rất cảm thông với những hoàn cảnh thiếu thốn vật chất của Sinh viên, nên đã

giải quyết thật mau lẹ các đòi hỏi của Sinh viên.

Sự việc này có ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng Sinh viên chọn thi vào ngành Công Chánh (theo vài bài viết trên lá thư Ái Hữu), vì tính cho đến những năm 1950, thì học bổng Công Chánh là cao nhất và hấp dẫn nhất.

Ngoài ra, tôi cũng xin một khoản trợ cấp tập thể để mua vật dụng thể thao, đồng phục v.v... và Trường có 2 đội bóng rổ và bóng chuyền đã tham dự các cuộc thi đấu với các đội bạn nơi Đại học Sài Gòn, mới được thành lập năm 1947, thay thế Đại học Hà Nội.

Đặc biệt, tôi có mua hai bộ găng đấu quyền Anh, và áp dụng nội quy là anh em có sự bất hòa ý kiến có thể xin gặp đối thủ trong màn so găng (1, 2 hiệp tùy ý), và tuyệt đối tránh ẩu đả vô tổ chức. Sau đó, mọi bất hòa coi như giải quyết ! tôi nhớ có một trận giữa bạn Đoàn Văn Kiệu và bạn Ngô Kê. Bạn Ngô Kê ra đi theo Cộng sản ngay sau khi tốt nghiệp lớp Cán sự đặc biệt được mãn khóa vào tháng 06 năm 1949.

Cũng trong thời gian này, Ái Hữu Nguyễn Văn Hai và tôi được bầu vào Ban Chấp Hành Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, niên khóa 1949 - 1950 thì phải. Anh Nguyễn Văn Hai chỉ mượn học bổng của Công Chánh trong ba năm, để vừa học Công Chánh vừa học Cử Nhân Khoa Học, và đã đậu cả hai vào năm 1950.

Anh chuyển qua bên Giáo Dục và không hành nghề Công Chánh. Sau này, Anh học thêm và có bằng Tiến sĩ Toán, làm Khoa Trường tại Đại Học Huế, và hình như có làm Dân biểu một nhiệm kỳ, thời chính phủ Ngô Đình Diệm thì phải.

Anh Hai được bầu làm Hội trưởng, 1 anh bên Luật làm Phó, còn tôi thì làm Thư ký của Hội Sinh viên Sài Gòn.

Khi xảy ra vụ trò Ơn, Tổng hội Sinh viên kêu gọi bãi khóa 1 tuần, anh em đều tuân hành. Tôi được ông Cố vấn Guzau kêu

lên, và rồi tự cho mình là công chức, ông yêu cầu Sinh viên trở lại lớp học. Tôi đã trả lời là chúng tôi chưa phải là công chức, và là một phần của Tổng hội Sinh viên, nên chúng tôi không thể từ chối tham gia chính những lời chúng tôi kêu gọi anh em.

B. Tiếp theo đây, tôi xin quý bạn nhớ đến thực trạng của Trường Cao Đẳng Công Chánh, vào những năm 1947 - 1952, khi mà Văn phòng Trường chỉ vọn vẹn có một máy chữ và một thư ký là thân phụ của thầy Nghiêm, thầy Nghiêm được tuyển dụng vào năm 1948. Như vậy, mọi vấn đề hành chánh liên hệ đến việc điều hành Trường thường không được giải quyết thỏa đáng và kịp thời nếu không có sự đóng góp của một số Sinh viên khóa 1947 - 1952. Đến đây, tôi xin ghi nhận sự tín nhiệm mà thầy Trần Văn Bạch đã đặt nơi một số anh em đã có thiện chí đóng góp vào việc tìm hiểu, dự thảo văn kiện, trình thầy Bạch dự khán, trước khi gửi xin chiếu hội hoặc duyệt y tại các Bộ liên hệ. Bạn Trương Quang Văn đã đóng góp nhiều nhất vào việc dự thảo văn kiện cho phép tái lập lớp cao Đẳng Trường Cao Đẳng Công Chánh.

Với sự chấp thuận của thầy Bạch, tôi đã xin được gặp Luật sư Vương Quang Nhường, đương kim Tổng Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục và đã trình bày nguyện vọng

của Sinh viên muốn được học hỏi thêm, hầu có thể đóng góp một cách hữu hiệu vào chương trình thay thế chuyên viên Pháp sẽ hồi hương.

Tôi nhớ là có đem theo một certificat d'inscription của trường Eyrolles, ghi danh cho tôi và P.S 2, năm 1949, sau khi tôi đậu Tú tài (Session Spéciale chót), và chứng chỉ 2 năm học ở Công Chánh Việt Nam.

Ông Tổng Trưởng cũng được tường trình là Văn phòng Cao Ủy Pháp đã chấp thuận dài thọ chi phí cho các Giảng sư Pháp sẽ giảng dạy tại khóa đầu tiên của lớp Cao Đẳng này.

Ông Tổng Trưởng đã hứa là sẽ ký Nghị định này khi văn kiện đến ông. Kết quả này được trình lên thầy Bạch sau khi các dự thảo đã sẵn sàng gửi đi chiếu hội. Sau đó tôi đi tập sự ở Hà Nội (Ty Công chánh Hải Dương) và chờ đợi Nghị định bổ dụng Cán sự cũng như tin tức gọi về Sài Gòn nhập học lớp Cao Đẳng.

Chúng tôi được hưởng lương Cán sự trong lúc theo học lớp Cao Đẳng kéo dài 14 tháng.

Bạn Trương Quang Văn cũng lại là người đã đi lo làm mẫu Văn bằng Kỹ sư Công chánh (Pháp - Việt). Mẫu này đã được thầy Trần Văn Bạch duyệt khán và Bộ Quốc Gia Giáo Dục chuẩn y."

Thân kính

HOÀI NIỆM VỀ MÁI TRƯỜNG XƯA

*Mến tặng các bạn khóa 2 Cán sự (1948 - 1951)
và 1 khóa Kỹ sư (1951 - 1953) Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn.*

Trần Như Diệu

Cách đây 48 năm, vào một ngày cuối hạ đầu thu, với mấy người bạn cùng thi đỗ, tôi đã rời Kinh đô Huế lên đường vào Sài Gòn, nhập học Trường Cao Đẳng Công Chánh. Sự kiện này đã đánh dấu một khung ngoặc mới trong cuộc đời và cuộc sống của tôi. Moi móc ký ức, hồi tưởng lại những gì đã xảy ra cách đây gần nửa thế kỷ, chắc hẳn sẽ có nhiều thiếu sót, nhiều sai lầm về địa điểm, về con người, về thứ tự thời gian, về đủ thứ, mong các bạn nhớ rõ hơn săn lòng chỉ giáo và bỏ qua cho.

Thật tình, tôi đã có ý không muốn chọn ngành Công Chánh. Khoảng tháng 06 tháng 07 năm 1948, tôi dự thi vào Trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện Sài Gòn. Tháng 08, lại dự thi vào Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn. Ngày đến địa điểm thi tuyển vào trường Công Chánh, ngay lúc còn ở cổng chờ gọi báo danh, anh Nguyễn Văn Tiển (sau này cùng học Công Chánh) và tôi được một người bạn cùng dự thi vào trường Vô Tuyến Điện đưa giấy báo cho biết cả anh Tiển lẫn tôi đều đỗ. Tôi thích học ngành Vô Tuyến Điện vì thấy nó mới mẻ và chính tôi đã đề nghị anh Tiển nên cùng bỏ về, không thi vào Công Chánh nữa. Nhưng anh Tiển đã ngập ngừng và sau đó đề nghị cả hai chúng tôi cùng vào thi, sau này, nếu đỗ, mình vẫn còn có quyền chọn lựa. Khoảng trung tuần tháng 09 năm ấy, chúng tôi nhận được giấy báo thi đỗ vào Công Chánh.

Khi tôi ngõ ý muốn theo học Trường Vô Tuyến Điện thì cha mẹ tôi - các cụ luôn luôn có tinh thần thủ cựu - bảo rằng ngành Công Chánh đã có sẵn nền nếp, ngành Vô

Tuyến Điện quá ư mới mẻ, sau này biết sẽ làm ăn ra sao, và vừa khuyên, vừa ra lệnh cho tôi theo học Công Chánh. Thế là chù ý các cụ, tôi đành phải chọn ngành này.

Chúng tôi, từ Trung Tâm dự thi Huế, đỗ được 5 người; gồm các anh Tiển (đã nói trên), Trát Quan Tiên, Bửu Hạp, Nguyễn Khắc Từ và tôi, khăn gói lên đường ngày 20 hay 21 gì đó trong tháng 09 năm 1948. Đi xe lửa vào Đà Nẵng, ở chờ khoảng một tuần thì đáp tàu thủy, chiếc Saint Michel của hãng Messageries Maritimes, khá lớn, và sau độ 48 tiếng đồng hồ chạy dọc biển Nam Hải và ngược sông Sài Gòn, chúng tôi cập bến Nhà Rồng khoảng ngày 29 tháng 09. Đi chung nhóm, còn có anh Lê Khắc Huề vào học ngành Vô Tuyến Điện, sau này anh ấy xuất dương du học và trở về phục vụ tại cơ quan Điện lực. Trừ anh Trát Quan Tiên, gốc miền Nam, ra làm việc tại miền Trung và dự thi tại Huế, năm anh em chúng tôi đều chưa có ai đi Sài Gòn lần nào, chưa biết Sài Gòn ra sao cả. Sài Gòn to lớn thật, quá rộn rịp, quá ồn ào náo nhiệt, tai tôi còn văng vẳng tiếng hát của nữ ca sĩ Ái Liên trong đĩa hát Beka tôi từng nghe thuở nhỏ.

“Ai không quen đến thành Sài Gòn
thế nào cũng phải ngắn ngø,

Đường đi rất quanh co, còn ngó lối
tránh xe...”

Và như Mán ra khỏi rừng, ngay từ bến Khánh Hội, chúng tôi đã vấp phải sự gạt gẫm của anh tài xe thồ mộ về giá cả đưa chúng tôi từ đó về Bùng binh chợ Bến Thành:

Sáu người (kể cả anh Huề đã nói trên) với sáu chiếc vali chen chúc trong cổ xe ngựa nhỏ bé, đã phải trả giá cho nài mất 100 đồng, mà sau này tôi mới biết là nếu sáu chúng tôi chém chê mỗi người trên một chiếc xích lô thì chỉ trả tối đa mỗi người 5 đồng, tất cả chỉ 30 đồng mà thôi !

Tuy người nào trong chúng tôi cũng có một vài địa chỉ thân nhân hoặc bè bạn của cha mẹ để đến xin tạm trú trong lúc chờ kiếm nơi ở trọ chắc chắn, nhưng trong bước đầu, để tránh bõ ngõ vì chưa quen thuộc đường lối, chúng tôi thỏa thuận ở chung với nhau, và cả sáu người mướn một căn phòng ở khách sạn Đoàn Thành, thuộc hạng tồi, ở đường Lefebvre (sau này là Nguyễn An Ninh, hồi đó hầu hết các đường đều mang tên người Pháp), một con đường ngắn đổ vào cửa Tây chợ Bến Thành. Ở đây, tôi xin mở một dấu ngoặc về các tên đường ở Sài Gòn thuở ấy. Do phần lớn mang tên Pháp, giới bình dân đã Việt hóa một số tên, nghe rất bình dị, hoặc dí dỏm hoặc nên thơ, như một vài tên sau đây:

- Đường Mac Mahon
(Công Lý) gọi là Mặt má hồng
- Đường Léon Combes
(Sương Nguyệt Ánh) - Lê ăn cơm
- Đường Lagrandière
(Gia Long) - Lăng nhăng leo queo
- Đường Legrand de la Liraye
(Phan Thanh Giản) - Lâm rầm lài rài

Cũng may là các nhà cai trị hồi đó đã không chọn con đường nào mang tên một khu rừng nổi tiếng gần Paris, hoặc mang tên thủ đô Nga !

Ăn uống thì ra ngay các vỉa hè các đường quanh chợ, có đủ các xe mì, hủ tiếu, phở, cháo và cơm. Cơm có 2 thứ : Cơm chiên hoặc cơm xào, một đĩa 3 đồng, thêm ly cối đá lạnh 1 cốc, vị chi 3 đồng 1 cốc mỗi bữa.

Ngày 01 tháng 10, chúng tôi tựu trường. Trường Cao Đẳng Công Chánh nguyên trước ở Hà Nội, đóng cửa năm 1945, được mở lại tại Sài Gòn vào năm 1947. Năm

1948, ban Giám đốc mượn được một phần của Trung tâm học nghề (Centre d'apprentissage) của Trường Bá nghệ (sau này là Trường Kỹ thuật Cao Thắng), tọa lạc tại số 25 đường Chasseloup Laubat (Hồng Thập Tự), ngay ngã ba đường Miche (Phùng Khắc Khoan) đổ vào. Trường gồm một tòa nhà riêng, hai tầng, phía dưới có ba phòng làm lớp học, phía trên là một nhà ngủ rộng, sau mấy ngày thì Ban Giám đốc cho đóng giường và cho anh em Sinh viên đến ở, khỏi phải trọ chỗ khác và tiện lợi cho việc học hành. Thời gian đào tạo Cán sự được quy định là 3 năm, năm thứ nhất học lớp Dự bị, năm thứ hai, lớp Trung cấp I, và năm cuối, lớp Trung cấp II. Chúng tôi học lớp dự bị, các anh đã học từ năm trước, nay học lớp Trung cấp I. Ngoài ra còn có mở thêm lớp Trung cấp II cho các cựu Sinh viên đã học ở Hà Nội và bị gián đoạn vì biến cố tháng 03 năm 1945. Sau khi chia tay anh Lê Khắc Huề, bốn chúng tôi, trừ anh Nguyễn Khắc Từ ở chỗ khác, đến ở tại Trường. Ít ngày sau, Ban Giám đốc đã kiểm được một gia đình nhân viên Công Chánh đến lánh nấu cơm tháng cho chúng tôi, khỏi cảnh cơm đinh chào chợ như trong những ngày đầu. Ngày hai bữa, mỗi tháng trả 300 đồng, buổi sáng có khi có bún, cháo, nhưng thông thường là bánh mì hột vịt “ốp-la”, tiền tính riêng.

Hồi đó, ngành Công Chánh đang còn trực thuộc Phủ Cao ủy Pháp tại Đông Dương, nên kỳ thi tuyển được mở ra không chỉ tại Hà Nội, Huế và Sài Gòn, mà còn mở tại Vientiane và Phnom Penh nữa. Ngày tựu trường, nếu tôi nhớ không thiếu sót hoặc không lầm, thì lớp dự bị ngoài năm chúng tôi từ Huế vào, còn có :

- Từ Hà Nội: các anh Dương Hồng Quỳ, Nguyễn Sĩ Tín, Phạm Ngọc Xuyên và Nguyễn Trường Hữu.
- Từ Phnom Penh: các anh Văn Văn Đayne, Chann Pech (người Miên) và Cao Minh Lợi (dự thí sinh).
- Từ Vientiane: không có
- Tại Sài Gòn: các anh Nguyễn Kiêm Quyền, Lê Phú Quyền, Nguyễn Kim Chi, Trác

Quang Vinh, Vương Chí Hổ, Nguyễn Thế Diễn, Mai Văn Mẹo, Đoàn Văn Kiệu, Cao Minh Châu, Bùi Hữu Tuấn, Võ Văn Ngôn, Trương Võ Tấn và hai anh Mai Thanh Tòng và Phạm Liệu (dự thí sinh viên).

Ngoài ra chúng tôi còn đón nhận thêm anh Lê Đình Sáu, ở lại lớp vì kém may mắn trong kỳ thi cuối năm trước.

Tôi còn nhớ lớp Trung cấp I có các anh Võ Quang Dụ, Nguyễn Văn Hai, Trương quang Văn, Trương Đình Huân, Võ Quang Điện, Võ Thành Lượng, Võ Thành Phú, Trần Văn Quỳnh, Nguyễn Văn Bánh, Nguyễn Văn Huệ, Bùi Hữu Thái, Lê Trung Trực, Dương Hồng Viễn, Thao Phak (người Lào) Pou Var và Toch Phoen (người Miên). Lớp Trung cấp II thì có các anh Ngô Tấn Sử, Trần Văn Hoành, Trần Phú Thọ, Nguyễn Tấn Liễu, Nguyễn Văn Ngân, Tô Đăng Tụ, Nguyễn Văn Thu, Lê Văn Ngâm, Ngô Văn Kệ và Dương Văn Nghi.

Chế độ nhà trường là ngoại trú, Sinh viên phải tự lo nơi ăn chốn ở (tuy đặc biệt trong niên khóa 1948 - 1949 vì có dư chỗ nên trường cho anh em vào ở) và quy chế là nơi đào tạo viên chức, cho nên Sinh viên được hưởng trợ cấp hàng tháng, và mỗi kỳ nghỉ hè đi tập sự trong 3 tháng thì lại được hưởng lộ phí trú. Bù lại, Sinh viên phải ký cam kết phục vụ cho chính phủ tối thiểu là 10 năm sau khi ra trường, nếu không, phải bồi hoàn lại tiền đã lãnh. Dự thí sinh viên theo học như Sinh viên chính thức, song không có trợ cấp, không làm cam kết, tốt nghiệp chỉ được cấp chứng chỉ chứ không cấp bằng, và chính phủ cũng không bảo đảm việc bổ dụng. Tùy theo nhu cầu, các dự thí sinh viên tốt nghiệp chỉ có thể được tuyển dụng theo hợp đồng. Hai anh Quyền (Nguyễn và Lê) thi đỗ, nguyên là nhân viên Công Chánh, được cơ quan cho phép vừa học vừa làm, lãnh nguyên lương cũ, nên không lãnh trợ cấp, đã bị xếp lầm vào hạng dự thí sinh viên,

nhưng sau này, khi tốt nghiệp, vẫn được bổ dụng vào ngạch cán sự.

Tiền trợ cấp cho Sinh viên chính thức là 600 đồng mỗi tháng, song đến tháng 12 năm 1948, được điều chỉnh lên 900 đồng. Ngoài ra, sinh viên có vợ con được lãnh thêm phụ cấp gia đình, mỗi tháng 100 đồng cho vợ và 60 đồng cho mỗi đứa con dưới 16 tuổi. Tương đối chúng tôi sống cũng thoải mái với trợ cấp này. Ngoài hai anh Quyền tiếp tục lãnh lương khá cao, trong anh em chúng tôi thì anh Lê Đình Sáu, có vợ 3 con, được lãnh nhiều hơn hết, 1.180 đồng mỗi tháng. Phụ cấp lộ trú phí được anh em hoan nghênh vô cùng vì coi như là món quà cuối năm của trường. Ngoại trừ một số anh em muốn đi đây đi đó cho biết chặng hạn, ở Sài Gòn xin đi tập sự Phnom Penh, Vientiane, Hà Nội hoặc Huế hoặc ngược lại, phần lớn đều trở về quê quán, và các nơi tập sự cũng thông cảm cho 9 tháng học hành và thi cử quá mệt nhọc, nên dễ dãi với sinh viên, muốn đến lúc nào thì đến. Tuy nhiên, lộ trú phí sẽ không tiếp tục được hưởng nếu sau 15 ngày không có di chuyển mới, do đó theo chỉ dẫn của đàn anh đi trước, cứ khoảng hai tuần, chúng tôi lại đến nhiệm sở xin đi viếng một công trường nào đó ở vùng lân cận, để có chữ ký và dấu xác nhận trên lộ trình thư mà tiếp tục hưởng thêm 15 ngày khác, và cứ thế mà tiếp tục cho đến khi rời nơi tập sự trở về trường học tiếp tục niên khóa mới, hưởng trọn 3 tháng hè và sau khi nạp cho Văn phòng trường, thì vài tháng sau, mỗi người lãnh khoảng trên dưới 2 ngàn, bằng hai ba lần tiền trợ cấp hàng tháng, tiêu xài mua sắm thỏa thích.

Trong năm thứ nhất, như được gọi là lớp dự bị, Ban Giám đốc đã dạy cho chúng tôi phần lớn là những kiến thức tổng quát như Toán, Khoa học, Pháp văn, v.v... còn về chuyên môn thì chưa có mấy, chỉ hai môn không quan trọng là Vẽ họa hình (Dessin graphique) và Động cơ nhiệt (Moteurs thermiques). Giáo sư Đại số là Kỹ sư Garnier,

giảng dạy rất hay, nên môn hình học do Kỹ sư Trần Văn Bạch phụ trách, một vị thầy có nụ cười hiền lành của một “Tù Phu”. Môn Pháp văn do Giáo sư Trường Chasseloup Laubat, Landrau đảm trách, còn môn Vật lý (nhất là Quang học) do Giáo sư Trường đại học Khoa học, cô Théodorescu đảm nhận. Môn vẽ tôi quên tên Giáo sư cũng như một số môn khác, còn môn Động cơ nhiệt thì do Kỹ sư lão thành Thái Văn Lân phụ trách, mà hôm vào giới thiệu với chúng tôi, thầy Bạch đã nói: “Thầy giới thiệu với các em, ông Thái Văn Lân, thủy tổ các Kỹ sư Việt nam (L'ancêtre des Ingénieurs Vietnamiens).”

Năm học lặng lẽ trôi qua. Tôi còn nhớ anh Diễn, giỏi Toán, vào lớp gấp giờ phút rãnh, hoặc chưa có Giáo sư, là lên bảng làm toán tích phân (intégrale). Tôi còn nhớ trong thời gian chuẩn bị thi cuối năm môn vệ sinh do bác sĩ Ngô Quang Lý giảng dạy, do muôn học thêm, anh Hữu đã ra thư viện quốc gia kiểm sách Y tế. Gặp một số Sinh viên Y khoa, các anh này thấy một khuôn mặt lạ cũng kiểm sách về ngành Y thì đồ chừng là học viên Y tá, bèn dẫu môi, kháo nhau: “Thứ đồ học Y tá mà cũng làm tang, kiểm sách đào tạo Bác sĩ!” khiến anh Hữu ám ức bầm bụng ra về. Tôi cũng còn nhớ anh Sáu, cũng trong mùa thi, luôn luôn nói lớn cùng Giáo sư: “Cho phép tôi được trình Giáo sư rõ là điểm trung bình để trúng tuyển là 12 chứ không phải 10”. Đúng vậy, quy định là phải có điểm trung bình trên 12 mới được lên lớp hoặc tốt nghiệp, dưới điểm này phải ở lại lớp.

Nhiên khóa 1948 - 1949 qua, sau 3 tháng tập sự, chúng tôi lại tề tựu về Sài Gòn khoảng cuối tháng 09 năm 1949. Năm học này là năm mà chúng tôi khá vất vả về vấn đề phòng ốc, và riêng cá nhân tôi về vấn đề nơi trú.

Trường Kỹ thuật lấy lại cơ sở 25 Hồng Thập Tự, Trường mới xây cất trong khuôn

viên trường Trung học Pétrus Ký chưa hoàn tất, chúng tôi ở không suốt tháng 10 năm 1948. Đến đầu tháng 11, ban Giám đốc mới mượn được của trường Đại Học Luật Khoa đường Garcerie (Duy Tân) một phòng để cho lớp Trung cấp I học. Hai lớp kia tôi nhớ mang máng như học ở gác thượng Nha Tổng Giám Đốc Công Chánh. Được khoảng một tháng thì trường mới được xây cất xong và chúng tôi về đó học cho đến niên khóa sau, khi tốt nghiệp Cán sự. Trong khuôn viên này, còn có sẵn cơ sở Trường Đại Học Khoa Học, Trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện và trường Hàng Hải Thương Thuỷ. Trường Công Chánh gồm một tòa nhà trệt có 3 phòng làm lớp học và một phòng nhỏ làm văn phòng. Vẫn ông Trần Quang Nghiêm, mà chúng tôi thường gọi là Thầy Tư Nghiêm, sau khi năm trước vào thay thế cho thân sinh của ông, trước đó phụ trách văn phòng ở 25 Hồng Thập Tự nay tiếp tục tại đây.

Lớp chúng tôi, bấy giờ là trung Cấp I, vắng mặt 4 anh: Tuấn (xuất dương du học), Từ (ở lại lớp), Lợi (bệnh, thôi học luôn) và Liệu (thi đỗ Sinh viên chính thức lớp Dự bị). Bù lại, chúng tôi cũng đón nhận thêm các anh: Thao Phak (người Lào, ở lại lớp) và 4 Sinh viên mới, vào thẳng lớp Trung cấp I là Trần Mộng Châu, Lê Khắc Thí, Hoàng Thao và Đồng sỹ Tụng. Lúc này, chế độ hoàn toàn ngoại trú, vì vậy không như ở 25 Hồng Thập Tự, tôi ít tiếp xúc với các anh lớp khác, cho nên về lớp Dự bị mới, tôi nhớ tên ít hơn, đại để các anh Trần Minh Sử, Hoàng Đình Khôi, Tôn Thất Toại, Trần Sĩ Huân, Nguyễn Ngọc Du, Nguyễn Ngọc Ân, Nguyễn Long Tiết, Bửu Hiệp, Lê Văn Bằng, Vũ Xuân Thái, Hoàng Ngọc Thân, Nguyễn Hữu Thân, Ngô Công Khanh. Qua các năm học kế tiếp, với lớp Dự bị mới, thì ít biết hơn nữa, tôi chỉ còn nhớ có các anh Tôn Thất Ngọ, Trương Như Nguyên, Nguyễn Xuân Mộng, Cao Tân Tài, Nguyễn Mạnh Cần mà thôi. Năm kế tiếp này, lúc chúng tôi lên lớp Trung cấp II,

lớp vắng mặt anh Phạm Ngọc Xuyên và đón nhận các anh Phạm Mậu Phác, và Trần Đức Huy, hai anh này đã từng học tại Hà Nội trước năm 1945. Về hai năm này, ký ức tôi có phần lẩn lộn về các môn học, về các Giáo sư. Lên lớp Trung cấp, sự giảng dạy đã đi vào chuyên môn, chỉ còn Toán là môn kiến thức tổng quát được tiếp tục. Tôi nhớ thầy Garnier tiếp tục dạy họa hình (Géométrie descriptive) và Cơ học thuần lý (mécanique rationnelle), thầy Guyau dạy môn Đường (Routes), thầy Maisons dạy Hóa xa, thầy Điểm dạy Kiến trúc dân sự (Bâtiments civils), thầy Raymond dạy Đo tính khối lượng (cubature et métré) thầy Bono dạy Sức chịu của vật liệu (Résistance des Matériaux) các thầy Khải và Thời dạy môn Địa hình (Topographie), thầy Jeffroy dạy Đo vẽ Địa hình tại hiện trường (opérations sur le terrain). v.v... Tôi còn vẫn nhớ thầy Garnier luôn luôn với sơ mi trắng, quần sooc trắng, giày Bata không vớ đến dạy và chúng tôi đã kháo với nhau là vì thầy thua bạc Casino Đại Thế Giới dẫu rằng thầy tính toán xác xuất (calculs des probabilités) rất giỏi. Có anh bạn đã thấy thầy cùng một người nữa ở sòng tài xỉu, có số tay hẵn hoi, ngồi tính tính toán toán rồi ông này bảo ông kia: "Mets sur le Grand ! (đặt tài đi)", và khi nhà cái mở nắp ra thì lại xỉu ! Tôi còn nhớ thầy Thời với chiếc xe tứ mã (Renault 4 CV) sơn chữ "Indéfrisable" (không hết quấn) để quảng cáo cho cơ sở uốn tóc của phu nhân. Thầy thật thà đến nỗi chúng tôi hay đùa, lừa anh Vinh, chẳng biết gì hết, để giới thiệu với thầy là tay giỏi nhất lớp mà thầy tin thật, cho nên trong lúc giảng dạy, đôi lúc thầy hỏi: "Phải vậy không anh Vinh ?". Tôi còn nhớ vào khoảng gần cuối niên khóa 1949 - 1950, nhân vụ trò Ông chết trong cuộc biểu tình trước dinh Thủ Tướng đường Gia Long, trường chúng tôi cũng tham gia cuộc Tổng bãi khóa ở Sài Gòn, ngưng học trong 3 ngày, và sau khi ông Giám đốc trường người Pháp (tôi quên mất tên) thương lượng ép buộc đi

học lại không được, đã ra lệnh cho sở Kế toán trừ tiền phụ cấp của chúng tôi tương ứng với 3 ngày bãi khóa ! Cuối năm học này, Pháp bàn giao ngành Công Chánh lại cho Việt Nam, nên trong niên khóa 1950 - 1951, thầy Bạch được cử làm Giám đốc trường. Tôi còn nhớ, một hôm nọ, bỗng nhiên trên tường trong Văn phòng một thông cáo được niêm yết đại để "cấm Sinh viên đánh bạc trong trường, nhất là đánh tú sắc". Chúng tôi bỡ ngỡ vô cùng, chả hiểu vì lý do gì mà thầy Bạch lại ra lệnh như vậy, quá xúc phạm đến tư cách của Sinh viên. Sau đó, chúng tôi tìm ra được nguyên nhân, chỉ vì những lúc rảnh rang, vắng Giáo sư, có một số trong chúng tôi bày bàn cờ tướng ra đấu trí cùng nhau (tôi còn nhớ anh Nguyễn Kiêm Quyền là tay cao thủ, một mình đương cự tất cả anh em khác). Thầy Bạch đi ngang, nghe nói đến các danh từ: "tướng, sĩ, xe, pháo, v.v..." lại nghĩ lầm đến môn cờ bạc tú sắc, tướng chúng tôi chơi môn này, nên ra thông tư cấm ! Tôi còn nhớ, anh Sáu, nhân dịp Tết, trong lúc tặng hoa chúc mừng năm mới lên cho thầy, đã chen vào trong diễn từ câu "Chúng tôi biết rằng thầy quá ư bận rộn công việc, nào tại Bộ, nào tại trường, cho nên không nhìn bao quát mọi chuyện, khiến cho thú cầm kỳ biến thành cuộc đở đen..." để trách móc Thầy về việc này.

Nói vậy, chứ chúng tôi không ghét giận gì Thầy, hơn nữa chúng tôi còn mang ơn Thầy rất nhiều. Quy chế trường, soạn thảo từ đầu thập niên 40 cho Trường Hà Nội và được tiếp tục áp dụng cho Trường Sài Gòn, có ý định ngoài 3 lớp đào tạo Cán sự, sẽ có một lớp gọi là Cao Đẳng, với học trình 12 tháng, cho các Cán sự tốt nghiệp có đủ hai điều kiện nữa: Bằng Tú tài và Điểm trung bình trên 14. Tuy nhiên, với ngôi trường mới xây với vốn vẹn 3 lớp học thì thấy rõ là nhà cầm quyền đương thời chưa có ý định mở lớp Cao Đẳng để đào tạo Kỹ sư. Cuối niên khóa 1950 - 1951, chúng tôi tốt nghiệp Cán sự toàn lớp. Riêng tôi, tôi

nghĩ là sẽ chấm dứt việc học hành và bắt đầu cuộc đời công chức. Trước khi rời nhà Trường để đi tập sự lần cuối, một số anh em có ướm với thầy Bạch về vấn đề mở lớp Cao Đẳng, và được Thầy hứa sẽ cố gắng. Tháng 9 đi qua, hết hạn tập sự, bổ dụng thì chưa có mà chuyện tiếp tục học vẫn chưa thấy gì. Nhưng không những Thầy Bạch đã thành công trong việc vận động với cấp trên cho mở lớp Cao Đẳng, mà Thầy còn mở rộng cánh cửa lớp này để đón nhận thêm nhiều nữa, trong việc chỉ áp dụng một trong hai điều kiện nêu trên, nghĩa là Cần sự hoặc có bằng Tú tài, hoặc thi tốt nghiệp có điểm trung bình trên 14 đều được theo học. Như đã nói ở trên, trường đào tạo viên chức, cho nên nếu được theo học lớp Cao Đẳng, sinh viên vẫn được bổ dụng Cần sự, coi như tại chức, hoán bổ chiếu lệ và Bộ Công Chánh và vẫn lãnh lương. Hết niên khóa kéo dài 12 tháng, thi tốt nghiệp lấy điểm trung bình lớp Cao Đẳng, rồi lấy điểm trung bình hai năm Trung cấp cộng với nhau để lấy điểm trung bình mới, nếu điểm này cao hơn 14, thì sẽ đỗ Kỹ sư Công Chánh, nếu dưới 14 mà trên 12 thì sẽ được bổ dụng Phụ tá chuyên Môn (Adjoint Technique, ngạch này sau bô), còn dưới 12 thì trở lại ngạch Cần sự như cũ.

Và khoảng đầu tháng 12 năm 1951, tôi được giấy báo theo học lớp Cao Đẳng. Do điều kiện dễ dãi hơn, nên một số lớn được theo học, không những từ lớp tôi, khóa 3 Cần sự, mà còn từ hai lớp trước, các anh từ khóa 1 và khóa 2. Ngoài ra, một số các anh đã tốt nghiệp Cần sự tại Hà Nội trước năm 1945, đã ra làm việc lâu năm, nay cũng xin nhập học. Tuy nhiên, đồng thời với việc mở lớp Cao Đẳng, năm 1951, chính phủ ban hành lệnh động viên, nên một số anh em phải lên đường nhập ngũ và mấy năm sau mới tiếp tục học lớp Cao Đẳng. Do đó mà lớp Cao Đẳng đầu tiên chỉ có khoảng 20 người:

- Lớp đầu anh Cần sự trước 1945: Trịnh Xuân Đính, Nguyễn Đinh Hách Trần Ngọc Lâm, Nguyễn Văn Cừ, Phạm Văn Ba, Mã

Minh và Nguyễn Hàm Anh (dự thính).

- Các anh Khóa I (1949): Trần Phú Thọ, Nguyễn Tấn Liễu
- Các anh Khóa II (1950): Trương Quảng Văn, Trương Đình Huân, Trần Văn Quỳnh, Nguyễn Văn Bảnh
- Khóa III (1951): Thao Phak, Dương Hồng Quý, Nguyễn Trường Hữu, Nguyễn Sĩ Tín, Văn Văn Đây, Nguyễn Kiêm Quyền, Nguyễn Kim Chi, Mai Văn Mẹo, Trương Võ Tấn, Trần Mộng Châu, Đồng Sỹ Tụng, Phạm Mậu Phác và tôi.

Chúng tôi nhập Trường vào thương tuần tháng 12 năm 1951. Kể từ đây, tôi không bao giờ đặt chân trở lại ngôi trường trong khuôn viên trường Petrus Ký nữa, vì lẽ, như đã nói trên, trường chỉ có 3 phòng dành cho 3 lớp Cần sự. Lớp Cao đẳng chúng tôi được đặt tại gác thượng Nha Tổng Giám đốc Công Chánh, sát mái nhà và không mấy thoáng nên nóng bức vô cùng. Tôi nhớ đã được học với các vị sau đây: Thầy Bạch với môn Thủy Lực Học (Hydraulique), thầy Trần Lê Quang với môn Sức chịu vật liệu, thầy Vaudiau với môn Cầu, thầy Audin với môn thực hiện công tác, thầy Đinh Quang Chiêu với môn Điện, thầy Brière de l'Isle với môn luật hành chánh, thầy Grust với môn Cấp thoát nước ở thành thị, thầy Trần Văn Sách với môn Toán bổ sung (không thi).

Cuối năm 1952, sau tháng 12, chúng tôi thi tốt nghiệp và đáng lý ra thì có kết quả trong vòng tháng 12 năm 1952. Song Hội Đồng Giáo sư đã áp dụng sai quy chế, đánh rớt 4 anh vì điểm trung bình dưới 14. Song nếu đúng quy chế, thì phải cộng với điểm trung bình hai năm Trung cấp để tính điểm trung bình chính thức mà quyết định cho đỗ hay rớt, và trong trường hợp này, tất cả 4 anh đều được trên 14. Do đó 4 anh khiếu nại, và Hội Đồng Giáo sư họp đi họp lại, mãi đến gần cuối tháng 2 năm 1953 mới công bố danh sách trúng tuyển, nghĩa là tất cả chúng tôi đều đỗ cả.

Sau đó, chúng tôi mỗi người lên đường nhận nhiệm vụ mới theo sự chỉ định và phân phối của Bộ Công Chánh. Tôi được về Huế, phục vụ tại khu Công Chánh Huế. Đôi lần đi công tác về Sài Gòn, có lúc đi trên đường Cộng Hòa, nhìn vào, thấy ngôi trường nhỏ

bé vẫn còn đó, song không có dịp để bước vào thăm lại một lần cuối. Sau một thời gian, tôi được nghe trường thay đổi Giám đốc, quy chế đào tạo cũng thay đổi, rồi trường lại được giao cho Bộ Giáo Dục để sau đó được Bộ này sát nhập vào Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ.

KHÓA HỌC TRONG KHUÔN VIÊN TRƯỜNG TRUNG HỌC PÉTRUS KÝ

Nam Cát Bửu Hạp

Chúng tôi năm đứa từ Huế vào Nam học năm Dự Bị Trường Cao Đẳng Công Chánh tại Sài Gòn, ban Cán sự. Năm đứa có tên: Trần Như Diệu, Nguyễn Văn Tiển, Trác Quang Tiên, Nguyễn Khắc Từ và tôi. Tôi nhớ không lầm thì Diệu đậu đầu khóa, tôi thứ tư. Anh Tiển lớn tuổi hơn chúng tôi nhiều là cựu “Ông Phán” tòa sứ, Tiên thì đang là Thông dịch viên của quân đội Pháp, còn Từ thì mời từ chiến khu Quảng Bình vô. Hiện giờ, Diệu đang sinh sống với con cái bên Bồ Đào Nha, Từ vẫn còn làm Giáo sư Kinh tế học tại Đại học N. Dakota tại Fargo, còn Tiên, Tiên và tôi đang ở Nam Cali.

Sau một năm học tại địa điểm trường Bách Công, đường Hồng Thập Tự, thật là thoải mái, ít tốn kém và lại thuận tiện, gần phố xá, thì trong mùa hè đi tập sự, chúng tôi nghe tin Trường đã phải dời xuống tạm tại trong khuôn viên Trường Pétrus Ký ở gần Chợ Lớn. Chúng tôi ai nấy đều bàng hoàng lo ngại. Chúng tôi lo nhiều chuyện, lo theo cái lối Sinh viên, như là kiểm đâu ra chỗ trọ gần và rẻ, ăn cơm tháng ở đâu ? Với 780 đồng học bổng, liệu có đủ trang trải mọi

chuyện không ? Liệu có kiếm được việc gì làm thêm ? vân vân và vân vân...

Trong cái năm học đầu ở đường Hồng Thập Tự, chúng tôi được ngủ trên lầu, mỗi đứa một cái giường sắt, chẳng phải trả một khoản tiền nào.

Trường lại có một nhà thầu nấu ăn 2 buổi mỗi ngày, ở phía sau các lớp học. Nhà thầu cũng là công chức tại Bộ Công Chánh (ông Đàm). Ông Đàm đưa cả gia đình đến ở đây để lo nấu ăn cho khoảng 70 Sinh viên. Gia đình ông Đàm người Huế, cho nên khẩu vị rất thích hợp với chúng tôi. Ông lại có cô con gái chừng 17, 18 tuổi, coi cũng được, cho nên nhiều anh em xuống bếp tán dọc mỗi ngày. Lì nhất trong chuyện này có bộ ba D - K và C (C.M.C).

Một cái thú thứ hai là hễ có thì giờ thì ra sở Trước Ba trước Bộ Nội Vụ để mua “cò”, vì các cô bán cò đều xinh đẹp, rất dễ thương.

Trong năm đầu tại Hồng Thập Tự, nếu biết tần tiện, chúng tôi chỉ cần có thêm 300 đồng là tạm đủ.

Sau ba tháng hè vừa đi tập sự vừa để

nghỉ ngơi, chúng tôi trở lại Sài Gòn với một bầu lo lắng.

Khi trở lại Văn phòng Trường đặt tại Văn phòng của ông Hiệu trưởng là Thầy Trần Văn Bạch, cũng là Giám đốc Nha Thủ Vận, thì mới được biết nhiều chuyện mới. Cụ Thư ký kiêm thủ quỹ, kiêm Giám thị đã được về hưu, người con trai lớn tên là thầy Tư Nghiêm được thầy Bạch cho thay thế. Trường tạm có 3 lớp đã được xây cất xong tại khuôn viên Trường Pétrus Ký cạnh Trường Đại Học Khoa Học và các Trường Hàng Hải, Radio và Trường Cán sự Điện.

Chúng tôi được thầy Bạch cho xe "Van" chở vào thăm Trường. Cảm tưởng trước tiên là chúng tôi tự thấy ba lớp này vừa nhỏ, vừa thấp so với mây Buildings 3 tầng đồ sộ kia. Lại thêm trường chỉ có ba lớp và một cầu tiêu, không có phòng Giáo sư, phòng Thư ký, Thư viện, chỗ cấp cứu (infirmerie)... và chúng tôi tự cho chúng tôi một chữ "tội nghiệp" cho cái đầm Công chánh này.

Khi chúng tôi tới thăm Trường mới, thì chúng tôi thấy có nhiều bà nhiều cô đang chờ chúng tôi đến. Hỏi ra thì là những nơi muốn cho chúng tôi ở trọ, và những nơi muốn thuê nấu ăn cho chúng tôi.

Chúng tôi đi coi mấy nơi này, thì chỗ trọ là những căn nhà ở phía sau, ở góc mặt của Trường, trông ra sân banh cỏ.

Ở đây có chừng 20 căn nhà trệt, rộng chừng 5 mét, và sâu chừng 15 mét. Ở phía trước lại có nơi thêm ra một mái lá chừng 3 mét, cho nên cái phòng khách trông có vẻ sâu ra. Mỗi căn nhà đều chia ra làm 3 phần, phía trước là phòng khách, phía giữa là chỗ ngủ và phía sau là nhà bếp, kho v.v...

Đây là dãy nhà dành cho giám thị, các loại thợ, như thợ điện, thợ mộc, thợ ống nước và có cả gác gian nữa.

Mỗi căn họ nhận từ 5 đến 6 Sinh viên, vì chỉ để được chừng ấy ghế bố là hết chỗ. Trong số Sinh viên tạm trú ở đây có đủ mặt các Trường Công Chánh, Điện, Radio, Hàng Hải và Đại Học Khoa học. Chúng tôi

đã đi rũ mây thằng bạn thân để ở cùng một căn. Về cơm tháng thì chúng tôi đã chọn nhà anh Giám thị Tốn, vì nghe nói chị Tốn nấu ăn ngon hơn cả. Căn nhà anh chị Tốn thì ở ngay sau các lớp Trung học của Trường Pétrus Ký và từ chỗ chúng tôi ngủ qua đến bên đó cũng hơn 300 mét.

Dạo đó, chỗ ở chúng tôi phải trả 250 đồng và cơm tháng phải trả 800 đồng. Với điểm tâm buổi sáng, tiền giặt giữ quần áo, sách báo và ciné cuối tuần, mỗi đứa chúng tôi phải có thêm 7, 8 trăm nữa mới đủ.

Tôi không nhớ tôi đã chia thời giờ ra làm sao để vừa theo các lớp học tại Trường Công Chánh, Trường Khoa Học, đi dạy thêm ở Trường Les Etoiles đường Võ Tánh (Chị Bạch Lan làm Hiệu Trường) dịch báo cho các báo Việt ngữ (nhất là báo Xã Hội của ông Ngô Đình Nhu) còn kèm Toán cho một cô bạn gái đang học Mariecút. Bây giờ cố nhớ lại mà cũng đã đau đầu rồi.

Tại khuôn viên trường Pétrus Ký chúng tôi đã được chơi mọi thứ thể thao như là Túc cầu, Bóng chuyền, Bóng rổ và nhất là đánh Ping pong mà Thầy Bạch có mua cho hai bàn thật tốt.

Tôi còn nhớ tôi đã kiếm được tiền đủ xài, trong khi một vài bạn không đủ và chúng tôi đã kiếm cách giúp khéo như thế này:

- Mỗi buổi sáng, ai nấy đều ăn bánh mì thịt nguội họ bán ở góc trường (góc Võ Tánh và Công Hòa). Một người bạn của tôi, phụ trách mua hai ổ. Anh ấy một và tôi một, và tôi trả tiền cả hai ổ.
- Mỗi thứ Sáu, phải đem quần áo đi bỏ giặt. Cũng lại một anh bạn đem đi bỏ và lấy áo quần bỏ lần trước về. Tôi chịu trả tiền cho cả hai đứa.
- Mỗi chiều thứ Bảy, tôi đi Ciné Majestic (suất chiếu rẻ tiền hơn suất tối) và bao một bạn khác đi theo.
- Mấy bạn có thể dịch được bài báo từ tiếng Pháp ra Việt, tôi cũng nhờ dịch, và thù lao các bạn ấy đều được lấy trọn vẹn. Nhớ đến cái ơn nhỏ bé đó, có bạn đã cho

tôi cây bút máy, có bạn cho cái kính đeo mắt hay là cái ví đựng tiền.

Dạo đó tôi đặt mua 3 tờ báo hàng tuần và tờ hàng ngày Journal d'Extrême Orient và tờ Thần Chung. Báo giao họ cứ bỏ trên ghế bố của tôi. Tôi dặn kỹ tất cả rằng phải để tôi đọc trước, các bạn mới được đọc sau. Vì vậy mỗi tối, sau giờ ăn, có cả chục đứa đứng chờ trước cái chỗ trọ của tôi để được mượn báo của tôi. Ba tờ hàng tuần là tờ Paris-Match, Express (tiếng Pháp) và tờ Time (tiếng Anh). Nhờ mấy tờ bao đó mà tôi có rất nhiều bạn.

Hai năm tại đây cũng chứng kiến nhiều biến cố chính trị, như vụ Sinh viên xuống đường chống chính phủ Trần Văn Hữu. Vụ đưa đám trồ Trần Văn Ông mà Sinh viên Công Chánh cũng đóng góp một vai trò đáng kể vì lúc đó tôi là Phó Thủ quỹ của Tổng Hội. Anh Trần Lữ Y làm Hội Trưởng, chị Pauline (sau này là phu nhân của ông tòa Trần Tắc Lâm) làm thư ký. Sau này Trần Lữ Y làm Bộ Trưởng Y Tế của miền Nam. Còn anh Nguyễn Hữu Thọ là cố vấn Tổng Hội thì về sau làm Chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền nam. Dạo đó tay này chưa thấy gì là Cộng sản, nhưng tiếp xúc với y, tôi nghĩ rằng y đã là bù nhìn cho bọn VC trong hàng chục năm cũng là sự đương nhiên. Y không có tâm vóc, không bản lãnh, thì làm tay sai là đúng chỗ của y.

Cũng nhờ cái vụ đám ma trồ Ông, nhiều sinh viên bị đánh đập và cũng nhờ đó rất nhiều người được cấp giấy xuất ngoại sang Pháp. Dạo đó chính phủ rất rộng lượng, đã không cho vào tù mà còn cho xuất ngoại. Tôi có rất nhiều bạn học ở trường Khoa Học được đi Pháp và đã đỗ đạt cao, sau về dạy lại ở trường Cao Đẳng Khoa Học tại Sài Gòn, trước ngày mình mất nước với Cộng sản.

Những vị Giáo sư xuất sắc có thầy Gruot dạy cầu cống, thầy Gruot dạo đó làm Giám đốc Thương Cảng Sài Gòn. (thầy lấy vợ Việt Nam, có bà con gần với tôi). Thầy

Fréjacques dạy Hydraulique. Dạo đó thầy làm Giám đốc Công Chánh Cao Nguyên tại Đà Lạt. Thầy Garnier dạy Toán và Résistance des Matériaux. Khi rãnh rỗi thầy thích dạy cho chúng tôi về Calcul des Probabilités. Thầy hay đi Kim Chung ở cầu Ông Lãnh, thầy chơi nhỏ và hay thua nhiều hơn ăn.

Thầy H.V. Điêm dạy Bâtiment, thầy Vaudiau dạy Routes, thầy Trần Văn Sách dạy Điện. Trong năm Công Chánh thứ 2, thầy Bạch không dạy. Qua năm thứ 3 Công Chánh thầy trở lại dạy Hydraulique.

Các Thầy dạy Topo, Metré, Essai de sol et matériaux v.v... tôi quên mất tên. Và hai năm học trồ, ở trồ tại khuôn viên trường Trung học Pétrus Ký đã qua rất nhanh. Và chúng tôi đã tốt nghiệp Cán sự.

Trong khi đó chúng tôi đã nhờ nhiều thế lực cũng như nhiều nhân vật tiếng tăm hồi đó để mở lớp Kỹ sư. Thầy Bạch rất là sốt sắng và ông Bộ Trưởng Giáo Dục Nguyễn Thành Dung cũng rất sốt sắng.

Vấn đề khó khăn là sĩ số được nhận vào học. Theo Nội quy thì Sinh viên phải có Tú Tài và số điểm tốt nghiệp Cán sự bằng hay trên 14.

Nếu lấy những người đủ điều kiện như trên của cả hai khóa 1946 - 1950 và 1947 - 1950 thì chỉ có 7 mạng. Thầy Bạch cho hay Hội Đồng Nội các không thuận cho mở lớp Kỹ sư với chỉ 7 Sinh viên và nghĩ rằng nên chờ thêm một khóa nữa, và ít nhất là 15 sinh viên có đủ điều kiện.

Chúng tôi lại tiếp tục vận động cho những anh em có số điểm 14 và không có Tú tài. Và chúng tôi đã có đủ số 15 trò. Thầy Bạch và ông Bộ Trưởng Nguyễn Thành Dung đã đem trình lên Nội các lần thứ 2. Hội Đồng Nội các đã chấp thuận, ngân sách được cấp và thầy Bạch đang tuyển chọn Giáo sư cho lớp Kỹ sư đầu tiên này.

Nhưng một trở ngại nữa đã xảy ra. Một số Sinh viên Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội xin được nhận vào học lớp

Kỹ sư này. Họ có bằng Cán sự Công Chánh nhưng không được nhận vào lớp Kỹ sư tại Hà Nội khóa 1945 - 1946. Số Sinh viên thuộc trường hợp này có đến 12 người. Dĩ nhiên là họ mất hết cả giấy tờ và họ chỉ có những giấy chứng chỉ do những Kỹ sư đàn anh thượng cấp của họ cấp cho, xác nhận họ có bằng Cán sự.

Bộ Giáo Dục lại phải hoãn ngày khai trường lại hơn một tháng và sau cùng cũng đã nhận hết số Sinh viên này. Họ đều ngoài 40 tuổi, đều có gia đình, và họ cũng đều chăm chỉ và học giỏi cả. Một số Giáo sư còn trẻ hơn cả Sinh viên, như thầy Trần Lê Quang, thầy Fréjacques, cho nên các thầy

cũng đâm nể các trò, và các lớp học đâm ra thân mật đáo để.

Ngày khai giảng sắp đến, thì một số Sinh viên nhỏ tuổi như tôi được giấy gọi động viên đi Thủ Đức. Chúng tôi đều đi trình diện nhưng rồi được tha về nhờ sự vận động của Bộ Giáo Dục. Đạo ấy vào cuối năm 1950, và có thể là khóa I Thủ Đức, nếu tôi không lầm.

Năm học này chúng tôi được trở lại đường Hồng Thập Tự, nhưng không còn được ở trên lầu nữa. Cả 4 lớp được học chung một mái trường, có văn phòng Thư ký, có chỗ nghỉ cho Giáo sư, có vẻ đàng hoàng thêm đôi chút...

Hồi Ký TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH VIỆT NAM KHÓA CÁN SỰ 1949 - 1952 KHÓA KỸ SƯ 1953 - 1954

Trần Sỹ Huân

Chúng tôi thi vào lớp Dự Bị Trường Cao Đẳng Công Chánh Việt Nam vào dịp hè 1949. Số thí sinh trúng tuyển năm ấy là 25 người cho toàn cõi Đông Dương. Anh Bửu Hiệp đậu Thủ Khoa. Trước đó đã có 2 khóa mở tại Sài Gòn vào năm 1947 và năm 1948, sau khi Trường ở Hà Nội bị đóng cửa từ năm 1945 vì chiến tranh.

Đầu niên học, vào khoảng tháng 09 năm 1949, cả 3 lớp Dự Bị (Preparatoire), Đệ nhất niên Trung Đẳng (1^{ère} Année Scindaire), Đệ nhị niên Trung Đẳng (2^{ème} Année Scindaire) đều học tạm tại Trường Luật ở số 1 đường Garcerie, tức là đường Duy Tân, Sài Gòn, trong lúc trường này chưa khai giảng.

Qua tháng 09 năm 1949, Trường Công Chánh dời về lâu 3 Tổng Nha Công Chánh ở số 55 đường Pasteur Sài Gòn, nơi lưu trữ hồ sơ văn khố. Tháng 01 năm 1950, Trường lại dời đến trụ sở mới xây cất trong khuôn viên trường Trung học Pétrus Ký, ở giữa Trường Khoa Học và Trường Vô Tuyến Điện. Trường mới chỉ gồm có 3 phòng học, một Văn phòng nhỏ, một kho dụng cụ đo đạc và một phòng vệ sinh.

Trong giai đoạn này Trường do ông F. Guyau, Trưởng Kỹ sư làm Giám đốc và một Ban Giáo sư Pháp - Việt điều hành.

Vào khoảng tháng 02 năm 1950 xảy ra vụ Trần Văn Ơn, một học sinh Pétrus Ký bị giết chết trong cuộc biểu tình của giới

Học sinh Sinh viên trước Dinh Thủ Tướng ở đường Gia Long, Sài Gòn. Các Trường bái khóa một tháng, việc học ở Trường Công Chánh do đó cũng bị gián đoạn tạm thời.

Qua năm 1950, ông F. Guyau từ chức. Ông Trần Văn Bạch, Kỹ sư Kiều lộ thay thế làm Giám đốc Việt Nam đầu tiên của Trường Cao Đẳng Công Chánh. Ông là người có công đầu trong việc mở lớp Cao Đẳng (Cours Supérieur) khóa 1 niên khóa 1951 - 1952, đào tạo Kỹ sư trẻ ngay tại Việt Nam, sau Hiệp định Paris ký tại điện Elysées giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Quốc trưởng Bảo Đại, ngày 08 tháng 03 năm 1949, công nhận nền độc lập của Việt Nam. Trong

nhiên khóa này, lại xảy ra vụ động viên Sĩ quan Thủ Đức nên một số Sinh viên khóa chúng tôi bị kêu đi quân dịch, số còn lại được hoãn dịch cho đến hết tháng 06 năm 1952. Vì chần chờ cho đủ số Sinh viên đủ điều kiện nên đến tháng 03 năm 1953, trường mới tiếp tục mở lớp Kỹ sư (khóa 2) và dời đến địa điểm số 25 đường Chasseloup Laubat tức là đường Hồng Thập Tự Sài Gòn, trụ sở cũ của Ecole d'Apprentissage Nguyễn Trường Tộ.

Sau 12 tháng học tập, ngày 14 tháng 07 năm 1954, chúng tôi tốt nghiệp và nhận cấp bằng Kỹ sư Công Chánh do ông Giám đốc Trần Văn Bạch thiết lập đầu tiên và ban cấp sau hơn một năm làm thủ tục với sự chấp thuận của Bộ Giáo Dục.

NHỮNG KỶ NIỆM THỜI HỌC SINH – SINH VIÊN và NHỮNG NĂM THÁNG THEO HỌC TRƯỜNG CÔNG CHÁNH SÀI GÒN (1951 - 1955)

Nguyễn Xuân Mộng

LỜI MỞ ĐẦU:

Tôi viết bài này chỉ tóm tắt những gì tôi nhớ, Với tuổi gần bảy mươi và với những sự việc đã xảy ra trên 45 năm, nên bài viết có phần thiếu sót hay sai đôi chút, xin các Ái Hữu cảm thông cho, và xin giúp tôi bổ khuyết những điều thiếu sót, sửa chữa những chỗ sai lầm.

THEO HỌC TRƯỜNG CAO ĐẲNG VÔ TUYẾN ĐIỆN SÀI GÒN.

Trước khi vào học Trường Cao Đẳng Công Chánh (lúc đó gọi là Ecole Supérieure des Travaux Publics) Sài Gòn vào năm 1951,

trước đó tôi đã theo học Trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện Sài Gòn (Ecole Supérieure de la Radio Électricité) vào năm 1950 do thầy Đinh Quang Chiêu làm Giám đốc.

Nhân lúc Trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện Sài Gòn mở thi tuyển học sinh vào hai ngành:

- Cán sự Vô tuyến điện (Agent technique de la radio électricité)
- Hiệu thính viên (Télégraphiste).

Tôi nạp đơn thi luôn cả hai ngành, may ra đỗ ngành nào thì vào Sài Gòn học ngành đó theo ý muốn của hai cụ thân sinh tôi. Trong thời gian này phong trào sinh viên học sinh chống Pháp lên rất cao, rất nhiều học sinh ở Huế bị bắt. Tôi cũng phải gián đoạn việc học một thời gian. Do đó hai cụ thân sinh tôi muốn tôi rời Huế vào Sài Gòn học. Hơn một tháng sau ngày thi tôi nhận được giấy báo thi đỗ cả hai ngành. Lúc đó tôi phân vân không biết nên chọn ngành nào, các anh tôi khuyên tôi chọn ngành Cán sự vô tuyến điện sẽ có tương lai hơn. Lúc bấy giờ những học sinh ở Huế thi đỗ vào các Trường đại học Cao đẳng ở Sài Gòn hay Hà Nội, được phủ Thủ hiến Trung Việt cấp cho vé máy bay để đi học, nhờ vậy tôi khỏi phải xin gia đình tiền vé máy bay.

Trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện là một nhà lầu ba tầng ở trong khuôn viên của Trường Pétrus Ký nằm kế cận trường Cao Đẳng Công Chánh. Trong thời gian theo học trường Vô Tuyến Điện, tôi ở trọ tại nhà của một nhân viên làm việc cho Trường Pétrus Ký và lúc này tôi thường gặp anh Bùi Hữu Lân đang theo học ở trường Pétrus Ký. Tôi và anh Bùi Hữu Lân đã học cùng lớp từ trung học phổ thông đến lớp đệ Tam trường Khải Định Huế, và vì hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, anh Lân cũng phải rời Huế vào Sài Gòn tiếp tục việc học trước tôi. Nhờ gặp được bạn bè cũ, nên tôi được khỏi bõ ngõ phần nào khi ở xứ lạ quê người. Vì nhà trọ chật hẹp, nên ban đêm tôi phải lên trường Vô Tuyến Điện mượn lớp để học, nhờ vậy tôi gặp một số anh đang học trường Công Chánh cũng lên trường Vô Tuyến Điện học ban đêm, tôi nhớ trong đó có các anh Trần Mộng Châu, Bửu Hạp, và một số các anh nữa tôi không nhớ tên. Cũng nhờ gặp các anh đang học trường Công Chánh, tôi mới biết tất cả các sinh viên theo học các lớp Dự Bị, Đệ nhất

và Đệ nhị của trường Công Chánh đều được học bổng như nhau đâu khoảng 700 đồng một tháng, vừa đủ cho tiền ăn ở và đi học không phải xin tài trợ của gia đình, trong lúc đó ở trường Vô tuyến điện, chỉ những Sinh viên nào nguyên là nhân viên Nha, Sở, Ty Bưu Điện thi đỗ vào học thì được hưởng trợn lương để đi học, còn những Sinh viên còn lại phải tự túc không được cấp học bổng mặc dầu các Sinh viên ở xa từ Huế, Hà Nội dầu có đỗ cao vào học như chúng tôi, làm đơn xin nhiều lần nhưng không được xét cấp. Trong số các Sinh viên nguyên là nhân viên Bưu Điện tôi gặp anh Vĩnh Kỳ lúc đó cũng học chung lớp với tôi. Vì vậy nên cuối năm học vào năm 1951 tôi nạp đơn thi vào lớp Dự Bị (Cours Préparatoire) Trường Cao Đẳng Công Chánh và tôi chọn nơi thi là Huế, vì kỳ thi mở vào dịp hè, và vì tôi đã có ý định trong các tháng hè sẽ về Huế thăm gia đình. Cũng trong thời gian năm 1950, đang theo học tại trường Vô tuyến điện tôi học thêm để thi Tú tài phần I, và cuối năm học đó tôi đỗ Tú tài I ban B (Toán).

THI VÀO TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

Tôi về Huế vừa thăm gia đình vừa ôn bài vở đợi ngày thi vào lớp Dự Bị Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn.

Thi vào Trường Cao Đẳng (bằng Pháp văn) gồm những môn như:

- Ngày đầu tiên vào buổi sáng các thí sinh được hướng dẫn đi xem một công trường làm cầu, tôi nhớ đó là cầu Lò Rèn đang được xây cất bằng Bê tông cốt sắt. Vị Kỹ sư hướng dẫn nói về cây cầu, công việc đang làm. Khi về lại lớp thi, các thí sinh phải làm một bài phúc trình về cây cầu đang xây cất. Tuy là một bài luận văn nhưng dưới dạng một bài phúc trình kỹ thuật (rapport technique). Buổi chiều

cùng ngày là một môn vẽ tỷ lệ (croquis coté à main levée) với bình đồ, chính diện và hình cắt. Bài thi vẽ là cái bàn của vị giám khảo.

- Ngày kế tiếp là thi toán: buổi sáng là toán Đại số, Lượng giác và Hình học buổi chiều là hai bài bằng Số học.
- Ngày thứ ba cũng là ngày chót là môn thi thể dục: gồm có đi xe đạp 10 kilômét, chạy đường trường 300 mét, ném tạ và leo giây v.v... Đến đây là xong phần thi, không có thi vấn đáp như khi tôi thi vào trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện.

Tôi cũng xin kể qua về các môn thi vào trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện như sau:

- Ngày đầu, buổi sáng thi viết một bài luận bằng tiếng Pháp nói vì sao lại chọn vào học Trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện. Buổi chiều thi các môn toán Đại số, Hình học và Lượng giác, không có thi số học như thi vào trường Cao Đẳng Công Chánh.
- Ngày kế tiếp là thi vấn đáp về môn Toán, do một Giáo sư từ Sài Gòn (Trường Chasseloup Laubat) ra hỏi.

Tôi ghi lại hai kỳ thi vào hai trường Cao Đẳng để các Ái Hữu nhất là những Ái Hữu trẻ sau này biết và so sánh với các kỳ thi của mình.

VÀO HỌC TRƯỜNG CÔNG CHÁNH và ĐỘNG VIÊN VÀO TRƯỜNG SĨ QUAN THỦ ĐỨC:

Sau hơn một tháng tôi nhận được giấy báo tôi được chấm đỗ và tiếp xúc với cơ quan Công Chánh Trung Việt ở Huế để lập thủ tục và nhận vé máy bay vào Sài Gòn theo học. Vậy là lần thứ hai tôi lại được “du học” Sài Gòn, và lần này tôi yên tâm học hành không còn nghĩ đến vấn đề tài chánh chi phí trong lúc học nữa và cũng đỡ cho gia

đình khỏi lo về tài trợ cho tôi như năm qua. Khi đến Công Chánh Trung Việt làm giấy tờ tôi mới biết ở Huế có các bạn sau đây cũng đỗ vào lớp Dự Bị: Hoàng Ngọc Ẩn, Trương Đình Tài, Nguyễn Đức Súy, Nguyễn Đình Đồng, Nguyễn Bách, Đoàn Khoách, Nguyễn Nhân và Phan Đình Dương.

Vào lại Sài Gòn lần này tôi không còn bở ngỡ như lần trước, lần đầu tiên chân ướt chân ráo mới vào Sài Gòn năm qua. Vào học Trường Công Chánh lớp Dự Bị được khoảng 3 ngày, trong lúc đang giờ học có mấy người Cảnh sát đến Trường trao “lệnh động viên” cho tôi và một số các Sinh viên khác nữa, họ còn cẩn thận bắt chúng tôi phải ký nhận và đi trình diện đúng hạn định đã ghi.

Thế là tôi phải từ giã các bạn lên đường nhập ngũ học khóa I Sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Theo hạn định và địa chỉ ghi trong lệnh động viên, tôi đến trình diện tại một trường Trung học cạnh nhà thờ Tân Định, tại đây sau khi lập giấy tờ, xe tải GMC chở chúng tôi lên trại Thủ Đức ở Tăng Nhơn Phú, không có qua thủ tục khám sức khoẻ. Khu quân trường chỉ có một nhà ngói lớn, còn bao nhiêu là những dãy nhà lợp lá dừa nước, chung quanh cỏ cao đến đầu người, khi từ đường vào trại chúng tôi phải vạch cỏ mới thấy lối đi.

Tôi được xếp vào Đại đội I (1ère Compagnie), Trung đội 3 (3ème section). Tôi còn nhớ Chỉ huy trưởng Quân trường là Commandant Bouillet, Trung đội trưởng Trung đội 3 là Trung úy Vachon, còn Đại đội trưởng Đại đội 1 là một Đại úy người Việt. Anh Đoàn Văn Kiệu cũng thụ huấn khóa I này và cũng ở cùng Đại đội 1 với tôi nhưng thuộc Trung đội khác, tôi biết anh Đoàn Văn Kiệu khi tôi học trường Vô Tuyến Điện. Lúc bấy giờ tôi là người nhỏ con nhất tại Quân trường, khi cấp phát áo quần, giày nhà binh, không có thứ nào vừa cở cho tôi nên nhà trường phải đặt làm riêng. Trung úy Vachon, người Pháp, tốt nghiệp trường Võ bị Saint Cyr rất

thích về khoa học, nhất là toán, mỗi lần đi tập ông ta thường cho chúng tôi được nghỉ nhiều giờ, và thi toán với ông ta. Một hôm ông hỏi tôi sao còn nhỏ lại thích vào học khóa Sĩ quan này. Tôi trả lời tôi bị bắt vào khóa này chứ đâu có tự nguyện vào, và tôi kể cho ông ta nghe lúc tôi đang học trường Công Chánh, bị cảnh sát đem lệnh động viên đến bắt ký nhận do đó tôi phải tuân hành lệnh nhà nước vào học khóa này. Ông hỏi nếu tôi muốn ra khỏi trường thì ông sẽ đề nghị và ông hỏi tôi sau khi được trả về tôi sẽ làm gì. Tôi trả lời tôi sẽ tiếp tục học cho xong ở Trường Cao Đẳng Công Chánh và sau đó nếu nhu cầu quốc gia cần đến, kêu gọi nhập ngũ, tôi sẽ trở lại quân trường. Sau đó mỗi lần đi tập (bắn, bò, chạy nhảy), ông chỉ cho tôi tập trong nửa giờ, rồi được ngồi nghỉ xem các bạn trong trung đội tiếp tục tập. Khoảng sau đó vài tháng nhà trường tổ chức Hội đồng y khoa để khám sức khoẻ các học viên. Tôi được gọi lên khám trước tiên. Hội đồng y khoa tuyên bố tôi không có bệnh tật gì cả, nhưng theo nhận xét và đề nghị của huấn luyện viên, Trung úy Vachon, thì tôi không đủ sức khoẻ để theo học nên Hội đồng cho tôi được hoãn dịch vĩnh viễn và ghi vào "Sổ tùy thân cá nhân" (Livret Individuel) như sau: "Inapte définitif à cause d'insuffisance de développement physique", và tôi được trả về đi học lại. Tính ra tôi đã ở tại quân trường Thủ Đức hơn ba tháng, và có lẽ số tôi không phải đi lính nên được trả về đời sống dân sự để tiếp tục đi học lại.

THỜI GIAN THEO HỌC TRƯỜNG CÔNG CHÁNH:

Tôi trở lại trường Công Chánh, trường vẫn còn nằm trong khuôn viên trường Pétrus Ký. Trường sở là một ngôi nhà trệt, gồm ba phòng lớn dùng cho các lớp Dự Bị, Đệ nhất và Đệ nhị niên và một phòng nhỏ dùng chứa vật dụng nhà trường và máy móc đo đạc để

học sinh học. Ngoài ngôi nhà chính, trường còn có thêm một nhà nhỏ ở về phía lớp Đệ nhị niên để gia đình người gác dan ở. Tôi, anh Hoàng Ngọc Ân, anh Nhân và một số bạn khác lúc này dọn đến ở hăn trong trường, ăn cơm tháng ở nhà người gác dan, và tối trải ghế bố ngủ ở trong lớp học. Đêm nào quá ồn ào không học bài được, chúng tôi lại lên nhờ lớp học ở trường Vô Tuyến Điện để học. Nay nhớ lại đời sống của học sinh lúc bấy giờ thấy vất vả, cực khổ hơn các bạn học sinh sau này, nhưng lúc đó chúng tôi thấy được như vậy là quá sung sướng hơn những học sinh khác rồi.

Khóa tôi đang theo học là khóa 5 Cán sự Công Chánh (1951 - 1954) gồm có:

- Lớp Dự Bị (Cours Préparatoire) (1951 - 1952)
- Lớp Trung Đẳng I (Cours Scondaire 1ère année) (1952 - 1953)
- Lớp Trung Đẳng II (Cours secondaire 2ème année) (1953 - 1954).

Dưới đây là danh sách các Sinh viên theo học và các Giáo sư Giảng dạy:

1. LỚP DỰ BỊ (1951 - 1952).

1.1 Danh Sách Sinh Viên:

- Hoàng Ngọc Ân
- Nguyễn Bách
- Nguyễn Đình Đồng
- Phan Đình Dương
- Lê Văn Hoàng
- Phan Hoàng Khiêm
- Đoàn Khoách
- Tô Đăng Mai
- Trần Văn Minh
- Nguyễn Xuân Mộng
- Nguyễn Nhân
- Dương Bảo Quán
- Tô Đăng Quế
- Từ Quý
- Nguyễn Đức Súy

- Nguyễn Văn Thông
- Trương Đình Tài
- Trần Quang Thọ
- Huỳnh Văn Thời
- Lê Văn Vinh
- Nguyễn Vĩnh Xuân
- Nguyễn Đình Xướng
- Nguyễn Huy Cường (Sinh viên dự thí sinh)
- Thong Khanh (SV ngoại quốc: Người Lào)

Bớt Sinh viên rời Trường trong năm học:

- Nguyễn Nhân bị lâm bệnh phải bỏ học
- Phan Đình Dương xin thôi học ra ngoài học ngành khác.
- Đoàn Khoách, Tô Đăng Mai, Trần Văn Minh và Trần Quang Thọ được gọi theo học trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức.

Ghi chú: Khóa Cán sự Công Chánh 1950 - 1953 cũng có một bạn cùng tên là Trần Văn Minh và cũng phải động viên vào học trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức khi lên học lớp Trung Đẳng I và sau này là Trung Tướng tư lệnh Bình chủng Không quân, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Kết quả cuối năm là tất cả các Sinh viên còn lại của lớp Dự Bị đều có điểm trung bình bằng hoặc cao hơn 12 / 20 để lên lớp năm thứ Nhất.

1.2 Môn Học và Giáo Sư:

- Hình học (Géométrie): KS Hồ Nhật Quảng
- Đại số (Algèbre): KS Nguyễn Cao Khoan
- Lượng giác và Vũ trụ học (Trigonometrie & Cosmologie): GS Phan Ngọc Phương.
- Lý Hóa (Physique & Chimie): GS Nguyễn Đình Hưng
- Họa Tỷ lệ (Dessin Graphique): KS Nguyễn Văn Đức
- Pháp văn (Francais): GS Nguyễn Quang Cường
- Vệ sinh (Hygiène): BS Ngô Quang Lý

2. LỚP TRUNG ĐẲNG - NĂM THỨ NHẤT (1952 - 1953)

2.1a. Gồm các Sinh viên lớp Dự Bị còn lại nói trên.

2.1b. Thêm các Sinh viên mới trúng tuyển vì có bằng Tú tài II (Toán)

- | | |
|----------------|--------------------|
| - Phan Ngọc Cơ | - Vũ Ngọc Oanh |
| - Tăng Hồng | - Huỳnh Đình Trọng |

2.1c. Bớt Sinh viên rời trường sau khi học một thời gian:

- Vũ Ngọc Oanh xin thôi học để theo học trường Đại học Khoa học.
- Nguyễn Vĩnh Xuân xin thôi học để theo học trường Công Chánh Eyrolles ở Pháp.
- Tăng Hồng, Huỳnh Đình Trọng, Nguyễn Đình Xướng xin thôi học để theo học trường Quốc Gia Hành chánh vừa mới mở tại Đà Lạt.

Kết quả cuối năm là tất cả Sinh viên còn lại đều có điểm trung bình bằng hay cao hơn 12 / 20 để lên lớp năm thứ hai Trung Đẳng.

2.2 Môn Học và Giáo Sư:

- Toán học (Mathématiques):
GS Phan Ngọc Phương
- Hình Học diễn họa (Géométrie descriptive) và Cơ học (Mécanique):
GS Trần Văn Sách
- Pháp văn (Francais):
GS Nguyễn Quang Cường
- Tính khối lượng đất
(Cubatures des terrasses):
KS Remond
- Đường (Routes): KS Vaudiau
- Hỏa xa Chemins de Fer):
KS Phạm Minh Đường
- Kiến trúc (Architecture):
KTS Trần Văn Tài
- Địa chất (Géologie):
KS Trần Văn Minh
- Đo đạc (Topographie):

- KS Nguyễn Văn Thiêm
- Bối họa (Perspective) và Phát họa (Esquisse): KS Nguyễn Văn Thiện
- Luật Hành chánh (Droit administratif) Ông Brière de L'Isle
- Viếng Công trường (Visite des chantiers): KS Dumortier

3. LỚP TRUNG ĐẲNG - NĂM THỨ HAI (1953 - 1954)

3.1 Danh Sách Sinh Viên:

3.1a. Gồm các Sinh viên còn lại của lớp Trung Đẳng năm thứ nhất nói trên.

3.1b. Thêm Sinh viên mới trúng tuyển kỳ thi nhập học năm thứ hai:

- Đặng Văn Nhân, vì có bằng Toán Đại Cương (Math Générales)

3.1c. Bớt Sinh viên tạm nghỉ học vì bệnh:

- Trương Đình Tài.

Kết quả cuối năm: Tất cả các Sinh viên còn lại đều có điểm trung bình bằng hoặc cao hơn 12 / 20 để tốt nghiệp Cán sự Công Chánh, trong đó có 12 người có điểm trung bình bằng hoặc cao hơn 14 / 20, một trong hai điều kiện để được nhận vào lớp Cao Đẳng, và thêm Sinh viên Thong Khanh người Lào du học, tuy điểm tốt nghiệp thấp hơn 14 / 20, nhưng được nhận vào học lớp Cao Đẳng.

3.2 Môn Học và Giáo Sư:

- Toán áp dụng (Mathématiques appliquées): GS Trần Văn Sách
- Sức chịu đựng vật liệu (Resistances des matériaux): KS Charpentier
- Thủy lợi (Hydraulique): KS Audin, KS Trần Văn Bạch
- Cầu (Ponts): KS D'Ornano
- Công tác Hàng hải (Travaux maritimes): KS Lục Văn Sáu
- Ước lượng Công tác (Métré): KS Tạ Huyễn

- Động cơ nhiệt (Moteurs thermiques): KS người Pháp (không nhớ tên)
- Địa chánh (Cadastre): KS Trần Văn Ngọc
- Đo Đạc (Topographie): KS Nguyễn Văn Thường
- Họa tỷ lệ (Dessin graphique) KS Nguyễn Văn Đức
- Tờ trình và các vấn đề Pháp chế (Rapport et Affaires législatives): KS Sivigliani
- Viếng công trường (Visite des chantiers): KS Phạm Hữu Vĩnh

Tóm lại: Các Sinh viên còn lại của lớp Trung Đẳng tốt nghiệp Cán sự Công Chánh gồm có:

- Hoàng Ngọc Ân
- Nguyễn Bách
- Phan Ngọc Cơ
- Nguyễn Đình Đồng
- Lê Văn Hoàng
- Phan Hoàng Khiêm
- Nguyễn Xuân Mộng
- Nguyễn Nhân
- Dương Bảo Quán
- Tô Đăng Quế
- Từ Quý
- Nguyễn Đức Súy
- Nguyễn Văn Thông
- Huỳnh Văn Thời
- Lê Văn Vinh
- Nguyễn Huy Cường (Sinh viên dự thính)
- Thong Khanh (SV ngoại quốc: Người Lào)

Giám đốc Trường lúc bấy giờ là Kỹ sư Trần Văn Bạch. Tôi biết thầy Trần Văn Bạch khi tôi còn học Trường Cao Đẳng Võ Tuyến Điện và khi thầy hỏi vấn đáp môn Toán (Đại số, Hình học và Lượng giác) khi tôi thi bằng Tú tài phần nhất tại Trường Pétrus Ký.

Về trường sở, Năm Dự Bị được học tại ngôi trường trong khuôn viên trường Pétrus Ký. Qua năm 1952, các lớp học được

dời lên trường Thực Nghiệp (Centre d'Apprentissage) ở số 25 đường Chasseloup Laubat sau này là đường Hồng Thập Tự, vì nơi đây đủ chỗ cho cả 4 lớp học, Dự Bị, Trung Đẳng I, Trung Đẳng II và lớp Cao Đẳng vừa được mở để đào tạo Kỹ sư Công Chánh.

Ngôi trường trong khuôn viên Trường Pétrus Ký được dành cho Trường Hàng Hải Việt Nam, cũng do thầy Trần Văn Bạch làm Giám đốc. Chúng tôi vẫn tiếp tục ở lại ban đêm tại trường cũ này, ban ngày đạp xe đến học ở Trường Thực Nghiệp

Sau khi tốt nghiệp lớp Trung Đẳng với cấp bằng Cán sự chuyên môn Công Chánh, tôi xin về Huế thực tập để chờ ngày vào học lớp Cao Đẳng, vì nhà trường cho biết lớp cao đẳng (khóa 3 Kỹ sư Công Chánh) sẽ được mở vào khoảng sau hè 1954. Lúc này tôi nạp đơn thi Tú tài phần II Ban B (Toán), và tôi thi đỗ.

Cuối hè năm 1954, tôi trở lại Sài Gòn để theo học lớp Cao Đẳng cũng tại ngôi trường mượn của trường Thực nghiệp. Như đã nói ở trên, lớp cao đẳng này gồm hai khóa Cán sự Công Chánh 1950 - 1953 và 1951 - 1954, và một số AH đã đỗ CSCC trước năm 1953.

Chúng tôi được bố dụng chiếu lệ tại Bộ Công Chánh và Giao Thông Vận Tải với ngạch Cán sự Công Chánh tập sự để theo học khóa Kỹ sư này.

Lần này vừa đi học vừa được lanh lương Cán sự, nên tôi và các anh Hoàng Ngọc Ân, Lê Sáu, Trương Như Nguyên chung nhau thuê một căn phòng trong cư xá Bàn cờ để có chỗ ở và học và nhờ bà chủ căn nhà nấu cơm tháng luôn thể. Sau một năm theo học lớp Cao Đẳng, chúng tôi thi ra trường với cấp bằng Kỹ sư Công Chánh (Diplôme d'Ingénieur des Travaux Publics). Trong cả 4 năm học, tiếng Pháp được dùng để dạy tại

trường.

Dưới đây là danh sách sinh viên theo học lớp Cao Đẳng Công Chánh (Khóa 1954 – 1955) và các môn học cùng Giáo sư giảng dạy :

SINH VIÊN KHÓA CÁN SỰ CÔNG CHÁNH 1950 - 1953:

- Bùi Mạnh Cần
- Dương Thanh Đàm
- Tôn Thất Ngọ
- Trương Như Nguyên
- Phan Thanh Nguyên
- Lê Sáu
- Cao Tấn Tài
- Hoàng Đức Tài
- Nguyễn Ngọc Tào
- Nguyễn Sĩ Tuất

SINH VIÊN KHÓA CÁN SỰ CÔNG CHÁNH 1951 - 1954:

- Hoàng Ngọc Ân
- Nguyễn Bách
- Phan Ngọc Cơ
- Lê Văn Hoàng
- Phan Hoàng Khiêm
- Nguyễn Xuân Mộng
- Đặng Văn Nhân
- Tô Đặng Quế
- Từ Quý
- Nguyễn Đức Súy
- Nguyễn Văn Thông
- Lê Văn Vinh

SINH VIÊN TỐT NGHIỆP các lớp TRUNG ĐẲNG trước 1953:

- Nguyễn Quang Di
- Vương Chí Hổ
- Nguyễn Văn Hưng
- Lê Văn Ngâm
- Nguyễn Văn Tiển
- Hà Văn Út

SINH VIÊN NGOẠI QUỐC DU HỌC:

- Thong Khanh (người Lào)
- Chann Pech (người Cao Miên)
- Chip Pech (người Cao Miên)

MÔN HỌC và GIÁO SƯ:

- Toán học áp dụng (Mathématiques appliquées)
Điện học (Electricité), và Quang học (Optique): GS Trần Văn Sách
- Sức chịu đựng vật liệu (Resistances des matériaux): KS Trần Lê Quang
- Phương thức thực hiện công tác (Procédés généraux de construction): KS Marquette
- Thủy lợi (Hydraulique): KS Phạm Minh Dương, KS Phan Văn Cơ, và KS Huỳnh Văn Điểm.
- Địa cơ, Đường và Cầu (Méchanique des sols, Routes et Ponts): KS Vaudiau
- Bê tông cốt sắt (Béton armé): KS Nguyễn Văn Chiểu
- Kiến trúc (Architecture): KTS Trần Văn Tải
- Hóa Xa (Chemins de fer): KS Phạm Minh Dương
- Công tác Hàng hải (Travaux maritimes): KS Lục Văn Sáu
- Căn cứ Hàng không (Bases aériennes): KS Charpentier
- Luật hành chánh (Droit administratif): O. Macry (?)

Kết quả kỳ thi cuối năm: Các sinh viên theo học, trừ sáu người, đều có điểm trung bình bằng hoặc cao hơn 14 / 20 để tốt nghiệp Kỹ sư Công Chánh. Năm trong những bạn thiếu may mắn này về sau được nhận vào học lớp Cao đẳng kế tiếp và tốt nghiệp. Bạn thứ sáu chọn một ngành khác và từ chối tiếp tục học lại.

Những sự việc sau đây đã xảy ra trong thời gian 1951 - 1954 mà tôi còn nhớ:

(1) Tháng 07 năm 1954, Thầy Trần Văn

Bạch được mời làm Tổng Trưởng Bộ Công chánh và Giao Thông Vận tải trong Nội các đầu tiên Ngô Đình Diệm.

(2) Lãnh thổ do Chính quyền Quốc Gia kiểm soát bị gián đoạn bởi hai vùng còn do Việt Minh kiểm soát: Vùng Thanh, Nghệ, Tĩnh ở phía Bắc và vùng Nam, Ngãi, Bình, Phú ở phí Nam Trung Việt. Muốn đi Hà Nội hay Sài Gòn phải đi bằng đường Hàng không hay đường Biển.

(3) Tình hình chiến tranh lên cao độ, chính phủ ban hành lệnh động viên vào năm 1951, những thanh niên có bằng từ Trung học đệ nhất cấp trở lên và từ 21 tuổi trở lên bị gọi vào học các Trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức (trong Nam) hay Nam Định (ngoài Bắc).

(4) Hiệp định Genève ngày 20 tháng 07 năm 1954, chia đôi Việt nam thành hai miền, lấy vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) làm ranh giới. Miền Bắc vĩ tuyến thuộc chính phủ do Cộng sản điều hành gọi là Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Miền Nam vĩ tuyến 17 thuộc Chính phủ Quốc Gia. Hơn một triệu người miền Bắc vĩ tuyến đã di cư vào Nam vì không chấp nhận chế độ Cộng sản.

Pháp rút khỏi Việt Nam.

(8) Ngày 23 tháng 10 năm 1955, chính quyền (dưới hình thức một Quốc hội lập hiến) tổ chức cuộc “Trung Cầu Dân Ý” chọn lựa người lãnh đạo Quốc gia giữa Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và Quốc Trưởng bảo Đại. Kết quả Ông Bảo Đại kém phiếu bị truất phế, chấm dứt triều đại nhà Nguyễn. Ông Ngô đình Diệm thắng phiếu và thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa và là vị Tổng Thống đầu tiên của nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Chân thành cảm ơn các Ái Hữu và Thân Hữu đã bỏ thì giờ theo dõi bài viết “Hồi Ký” của tôi trên đây.

Viết xong Mùa Xuân Bính Tý, 1996



Trên đường đi thăm Công Trường “ĐẬP NHA TRINH, Phan Rang” với Thầy Phan Văn Cơ (Tháng 07, 1955). Ăn trưa tại một quán ăn ở Phan Rang.

Từ trái sang phải: AH Trương Như Nguyên, Nguyễn Xuân Mộng, Tôn Thất Ngọ.

TÓM LƯỢC QUÁ TRÌNH VÀ HIỆN TẠI CỦA CÁC ÁI HỮU LỚP CAO ĐẲNG 1954 - 1955

Lời Cảm Tạ: Tôi xin chân thành cảm tạ quý AH đồng khóa, quý chị quá phụ của các AH đồng khóa đã quá cố, và quý AH khác khóa như AH Lê Ngọc Thạch ở Paris và AH Nguyễn Quang Chuyên ở San Diego, đã sốt sắng cung cấp những dữ kiện quý báu và cần thiết để giúp tôi hoàn thành bản Tóm Lược này.

Nguyễn Đức Súy

Bài này tóm lược quá trình và hiện tại của các AH đã theo học lớp Cao Đẳng 1954 - 1955, Khóa Học 1954 - 1955, Trường Cao Đẳng Công Chánh Việt Nam, Saigon, không kể đã tốt nghiệp hay không vào cuối niên học, trình bày theo thứ tự của tên. Vì khuôn khổ giới hạn của Kỷ Yếu Công Chánh,

bài tóm lược chỉ ghi lại những điểm chánh trong quá trình và hiện tại của mỗi AH về phương diện nghề nghiệp cũng như gia đình và không thể đi sâu vào chi tiết. Hơn nữa, từ ngày ra trường đến nay đã hơn 43 năm, việc làm và thời cuộc lại đưa đẩy các AH đồng khóa mỗi người đi một ngã, đa số ít có dịp gặp nhau, nhất là từ sau 1975 một số AH còn tiếp tục sống ở Việt Nam, nên người viết khó thể thu thập đầy đủ và đích xác dữ kiện về tất cả các AH đồng khóa, thế nào cũng có thiếu sót và nhầm lẫn, xin các AH thông cảm và bối chính giùm.

1. AH Hoàng Ngọc Ẩn: Sau khi ra trường, AH Ẩn được chuyển lên tùng sự tại Nha Công Chánh Cao Nguyên ở Dalat. Sau gần hai năm đi đeo đạc nghiên cứu các trục lộ mới trong rừng núi Cao Nguyên, AH Ẩn

lần lượt được cử giữ chức vụ Trưởng Ty Công Chánh Komtum rồi Trưởng Ty Công Chánh Ban Mê Thuột. Năm 1967, AH Ân được đổi về giữ chức Trưởng Ty Công Chánh Long An. Đến Năm 1974, AH Ân được chuyển về phục vụ tại Quốc Gia Sản Cấp Thủy Cục ở Sài Gòn. Qua Mỹ năm 1975, AH Ân cùng gia đình cư trú tại thành phố Fayetteville, North Carolina, và giúp việc cho Ty Công Chánh thành phố. Năm 1979, AH Ân cùng gia đình di chuyển xuống thành phố New Orleans, Louisiana, để giúp việc cho Department of Streets của thành phố này. AH Ân tiếp tục làm việc và cư trú ở đây cho đến nay. Vợ chồng AH Ân có 4 con (2 trai, 2 gái; tất cả đều đã có gia đình), một cháu nội và 3 cháu ngoại.

2. AH Nguyễn Bách: Sau cuối niên học, AH Bách được phái về phục vụ tại sở Sưu Tầm Tài Liệu và Huấn Luyện Kỹ Thuật của Bộ Giao Thông Công Chánh ở Saigon. Năm 1958, AH Bách được thuyên chuyển về Thương Cảng Đà Nẵng. Năm 1959, AH Bách được thuyên chuyển qua Tổng Nha Kiến Thiết và giữ chức vụ Trưởng Ty Kiến Thiết Quảng Nam. Năm 1963, AH Bách được thuyên chuyển về Sở Kiến Thiết Đô Thành Saigon và lần lượt giữ các chức vụ Trưởng Ty Tân Tạo và Chánh Sở. Năm 1983, AH Bách qua Nhật và hai năm sau qua Canada, định cư ở thành phố Montreal, Quebec. Ở đây, AH Bách đã giúp việc cho các hãng khoan dầu hỏa Hibernia và Newfoundland Offshore Contractors, đến năm 1993 thì hồi hưu. AH Bách và gia đình hiện vẫn cư ngụ ở Montreal. Vợ chồng AH Bách có 2 con trai (1 trai đã có gia đình).

3. AH Bùi Mạnh Cần: Sau ngày tốt nghiệp, AH Cần được bổ nhiệm đến Nha Thủy Vận ở Saigon và lần lượt giữ các chức vụ Trưởng Ty Công Tác Hàng Giang và Chánh Sự Vụ Sở Hàng Hải. Đến năm 1967, AH Cần được

đổi qua Tổng Nha Thương Cảng và lần lượt giữ các chức vụ Giám Đốc Kỹ Thuật, Phụ Tá Tổng Giám Đốc, và Tổng Giám đốc. Qua Mỹ cùng gia đình năm 1975, AH Cần định cư ở thành phố Old Greenwich, Connecticut, và giúp việc trong ngành hải cảng cho các hãng kỹ sư tư vấn Dravo Inc. và Parsons Brinckerhoff ở New York. Năm 1987, AH Cần nghỉ việc ở hãng này và về phục vụ cho Ty Công Chánh thành phố Stamford, Connecticut, gần New York. AH Cần dời nhà qua Stamford và tiếp tục làm ở cơ quan này cho đến cuối tháng 6/1988 thì về hưu. Vợ chồng AH Cần có 3 con, (1 trai, 2 gái; con trai đã có gia đình), và 2 cháu nội.

4. AH Phan Ngọc Cơ: Sau khi ra trường, AH Cơ được cử về tùng sự tại Nha Căn Cứ Hàng Không ở Tân Sơn Nhất. Sau thời gian tập sự, AH Cơ lần lượt giữ các chức vụ Trưởng Ty Công Tác Ngoại, Trưởng Ty Hữu Hạn Phi Trường Đức Cơ, Trưởng Ty Tu Bổ Phi Trường Miền Bắc, Trưởng Khu Phi Trường Miền Bắc, Trưởng Khu Công Tác Đặc Biệt Tân Sơn Nhất, và Chánh Sự Vụ Sở Tân Công Tác. Qua Mỹ cùng gia đình năm 1975, AH Cơ định cư ở thành phố Hayward, California, sau khi được tuyển vào làm trong ngành phi trường cho hãng kỹ sư và xây cất tư vấn Bechtel ở San Francisco, California. AH Cơ tiếp tục làm ở hãng này cho đến nay. Trong thời gian làm cho Bechtel, AH Cơ đã phục vụ trong hơn ba năm cho một công tác xây cất phi trường ở Saudi Arabia. AH Cơ và gia đình hiện đang cư ngụ tại thành phố Fremont, gần San Francisco. Vợ chồng AH Cơ có 6 con (4 gái, 2 trai; 3 gái đã có gia đình), và 5 cháu ngoại.

5. AH Nguyễn Quang Di: Sau cuối niên học, AH Di được phái ra phục vụ tại Khu Công Chánh Miền Nam Trung Nguyên Trung Phần ở Nha Trang và lần lượt giữ các chức vụ Chánh Sự Vụ Sở Dụng Cụ và Trưởng Ty

Hải Cảng Cầu Đá. Năm 1958, AH Di giữ chức Trưởng Ty Công Chánh Phan Thiết. Đến năm 1963, AH Di được thuyên chuyển về Tổng Nha Kiều Lộ và giữ chức vụ Trưởng Ty Tu Bổ. Năm 1973, AH Di được cử giữ chức Trưởng Sở Phà của Tổng Cục Kiều Lộ.

Qua Canada cùng gia đình năm 1975, AH Di định cư thành phố Montreal, Quebec, và giúp việc cho Chương Trình Xây Cất Vận Động Trường của Thế Vận Hội 1976 ở Montreal. Năm 1976, AH Di làm giáo sư cho trường Collège d'Enseignement Technique et General ở Trois Rivières, Quebec, và tiếp tục dạy ở đây cho đến năm 1985 thì về hưu. Vợ chồng AH Di có 7 con (2 trai, 5 gái; tất cả đều có gia đình), và 11 cháu nội và ngoại.

6. Cố AH Dương Thanh Đàm: Sau cuối niên học, AH Đàm được phái về phục vụ tại Sở Sưu Tầm Tài Liệu và Huấn Luyện Kỹ Thuật của Bộ Giao Thông Công Chánh ở Sagon. Năm 1958, AH Đàm được thuyên chuyển qua Nha Thủy Vận rồi Ủy Ban Quốc Gia Sông Cửu Long, trong đó có một năm phục vụ ở Bangkok, Thái Lan. năm 1969, AH Đàm được biệt phái qua Bộ Giao Thông và Vận Tải để giữ chức Chánh Văn Phòng của Bộ này. Năm 1971, AH Đàm được biệt phái qua Công Ty Hàng Không Việt Nam để làm Phụ Tá cho Tổng Giám Đốc Công Ty. Năm 1973, AH Đàm trở về Bộ Công Chánh và Giao Thông và giữ chức vụ Phụ Tá Tổng Thư Ký Bộ. Qua Canada năm 1986, AH Đàm sống với gia đình tại thành phố Montreal, tỉnh Quebec, và từ trần năm 1988. Vợ chồng AH Đàm có 5 con (4 trai, 1 gái; 2 trai đã có gia đình), và 1 cháu nội. Chị Đàm và con cháu hiện cư ngụ tại thành phố Brossard, trong vùng ngoại ô Montreal.

7. AH Lê Văn Hoàng: sau khi khóa học chấm dứt, AH Hoàng được cử đi phục vụ tại Nha Công chánh Cao Nguyên và làm Phụ Tá Trưởng Ty Công Chánh Dalat. Năm 1958,

AH Hoàng được thuyên chuyển về Nha Thủy Vận và giữ chức vụ Trưởng Ty Thủ Hiệu. năm 1975, sau khi học tập về, AH Hoàng tiếp tục làm việc ở Việt Nam nhưng không có tin tức gì gần đây về AH Hoàng và gia đình.

8. AH Vương Chí Hổ: AH Hổ được động viên vào trường Sĩ Quan Trừ Bi Thủ Đức năm 1951 sau khi tốt nghiệp Cán Sư Công Chánh và vẫn còn ở trong quân ngũ trong thời gian theo học lớp Cao Đẳng 1954 - 1955. Sau khi tốt nghiệp kỹ dsư Công Chánh năm 1955, AH Hổ đi tu nghiệp ở Mỹ và sau được thuyên chuyển qua Gia Cư Liêm Giá Cuộc của Đô thành Saigon và phục vụ ở cơ quan này cho đến năm 1975. Qua Canada cùng gia đình năm 1983, AH Hổ cư ngụ ở thành phố Anjoi, tỉnh Quebec. Vợ chồng AH Hổ hiện có 4 con gái (3 gái đã lập gia đình), và một cháu ngoại.

9. AH Nguyễn Văn Hưng: Sau cuối niên học, AH Hưng được phái về phục vụ tại Nha Thủy Vận ở Saigon với chức vụ Chủ Sư Phòng Hành Chánh và Kế Toán. AH Hưng hiện còn ở Việt Nam nhưng không có tin tức gì về AH Hưng và gia đình.

10. AH Thong Khanh: Sau ngày ra trường, AH Thong Khanh trở về Lào và sau đó nghe nói được Bộ Công Chánh của Vương Quốc Lào cử giữ chức Trưởng Ty Công Chánh Vientiane, thủ đô hành chánh của Lào. Không có tin tức gì về AH Thong Khanh và gia đình sau ngày Vương Quốc Lào bị rơi vào tay Pathet Lào.

11. AH Phan Hoàng Khiêm: Sau ngày tốt nghiệp, AH Khiêm được phái về phục vụ tại Sở Thủy Nông, Bộ Công Chánh Giao Thông, và lần lượt giữ các chức vụ Trưởng Công Trường Xây Đập Nước Ngân Rô thuộc tỉnh Ba Xuyên, Trưởng Công Trường Đèo Kinh Cái Sắn thuộc tỉnh Kiên Giang,

và Chủ Sự Phòng Kỹ Thuật. Sau khi Sở Thủy Nông được chuyển qua Bộ Cải Tiến Nông Thôn và biến cải thành Nha Thủy Nông. AH Khiêm được cử giữ chức vụ Quản Đốc Công Trường Thủy Nông Phan Rang thuộc tỉnh Ninh Thuận và sau đó chức vụ Trưởng Ty Thủy Nông Định Tường (Mỹ Tho). Sau khi Nha Thủy Nông được cải tổ thành Tổng Nha Thủy Nông, AH Khiêm được cử giữ chức vụ Trưởng Khu Thủy Nông Tiền Giang Nam Phần ở Mỹ Tho. Sau 1975, AH Khiêm tiếp tục phụ trách công việc thủy nông thuộc Sở Nông Nghiệp Mỹ Tho cho đến khi về hưu. Không có tin tức gì gần đây về AH Khiêm và gia đình.

12. AH Nguyễn Xuân Mộng: Sau ngày ra trường, AH Mộng được bổ nhiệm lên Nha Công Chánh Cao Nguyên Trung Phần (sau này đổi thành Khu) ở Đà Lạt. Sau một thời gian tập sự tại Ty Công Chánh Di Linh và làm việc ở Phòng Kỹ Thuật Nha, AH Mộng lần lượt giữ các chức vụ Trưởng Ty Công Chánh Pleiku, Trưởng Ty Công Chánh Bảo Lộc, Trưởng Ty Công Chánh Tuyên Đức, và Trưởng Khu Công Chánh Cao Nguyên. Đến năm 1974, AH Mộng được thuyên chuyển về Tổng Cục Kiều Lộ ở Saigon và giữ chức Trưởng Đoàn Thanh Tra của Tổng Cục. Qua Mỹ năm 1979, AH Mộng định cư với gia đình ở thành phố Sacramento, California. Năm 1980, AH Mộng được tuyển vào làm cho Caltrans, cơ quan kiều lộ của California, ở Sacramento và tiếp tục làm ở cơ quan này cho đến nay. Vợ chồng AH Mộng có 3 con (2 trai, 1 gái; 2 trai đã có gia đình, con gái xuất gia), và 2 cháu nội.

13. Cố AH Lê Văn Ngâm: Sau ngày tốt nghiệp, AH Ngâm được bổ nhiệm về phục vụ tại Sở Hàng Hà, Nha Thủy Vận, ở Saigon và giữ chức vụ Trưởng Ty Dụng Cụ. Sau 1975, AH Ngâm và gia đình di cư qua Pháp và sau một thời gian AH Ngâm từ trần ở bên đó. Không có tin tức gì về gia đình AH Ngâm.

14. AH Tôn Thất Ngọ: Sau khi ra trường và làm việc một thời gian tại Nha Thủy Vận, AH Ngọ đi Pháp du học và tốt nghiệp Trường Quốc Gia Kiều Lộ ở Paris năm 1959. Trở về nước năm 1961, AH Ngọ giữ chức Chánh Sự Vụ Sở Thủy Nông và trở thành Giám đốc khi Sở này biến cải thành Nha. Năm 1963, AH Ngọ giữ chức Giám đốc Nha Đô Án, Tổng Nha Kiều Lộ (sau này đổi thành Tổng Cục Kiều Lộ). Qua Mỹ năm 1979, AH Ngọ đến tạm cư ở tiểu bang Washington và lần lượt giúp việc cho các hãng thầu Industrial Heating & Plumbing và Burns & Roe ở Richland và cho cơ quan Seattle Transportation Department ở Seattle. Năm 1987, AH Ngọ về định cư ở thành phố San Francisco, California, và được tuyển vào làm cho Caltrans, cơ quan kiều lộ của California, ở San Francisco và Oakland. AH Ngọ tiếp tục làm ở cơ quan này cho đến nay. Vợ chồng AH Ngọ có 4 con (2 gái, 2 trai và một trai đã có gia đình).

15. Cố AH Phan Thanh Nguyên: Sau khi ra trường, AH Nguyên được bổ nhiệm về Sở Hàng Hà, Nha Thủy Vận, ở Saigon. Ở Nha này, AH Nguyên giữ chức vụ Trưởng Ty Đào kinh và sau đó Quản đốc các Công Trường Xáng. Năm 1972, Cơ Quan Xáng được thành lập và AH Nguyên được cử giữ chức vụ Giám đốc cơ quan này. Qua Mỹ năm 1975, AH Nguyên cùng gia đình cư ngụ tại thành phố Hawthorne, tiểu bang California. Ở Mỹ, AH Nguyên hoạt động tư vụ cho đến khi từ trần vào cuối năm 1993. Chị Nguyên và các con (2 trai, 1 gái; cả ba còn độc thân), tiếp tục cư ngụ ở Hawthorne.

16. AH Trương Như Nguyên: Sau khi tốt nghiệp, AH Nguyên được phái về tùng sự tại Khu Công Chánh Trung Nguyên Trung Phần, phụ trách các dự án thủy nông ở Quảng Nam. Một năm sau, AH Nguyên được cử giữ chức Trưởng Ty Công Chánh Thừa Thiên. Năm 1963, AH Nguyên được

thuyên chuyển vào phục vụ tại Thương Cảng Đà Nẵng và giữ chức vụ Chánh Sự Vụ Sở Kỹ Thuật. Năm 1967, Thủy Cục Đà Nẵng được thành lập và AH Nguyên được cử giữ chức vụ Giám Đốc cơ quan này. Qua Mỹ năm 1975, AH Nguyên cùng gia đình định cư tại thành phố Tacoma, Washington, và được tuyển vào giúp việc cho cơ quan Water & Sewer Service của thành phố. Hai năm sau, AH Nguyên qua giúp việc cho Highway State Deparment và làm ở đây cho đến khi về hưu năm 1996. Vợ chồng AH Nguyên, hiện cư ngụ tại thành phố San Diego, California, có 6 con (2 gái, 4 trai; 2 gái và 3 trai đã có gia đình), 4 cháu nội và 3 cháu ngoại.

17. AH Đặng Văn Nhân: Cuối niên học, AH Nhân qua phục vụ cho Nha Khí Tượng, cũng thuộc Bộ Công Chánh và Giao Thông, vì AH Nhân đã có mấy chứng chỉ khoa học và nghĩ rằng công việc ở Nha Khí Tượng sẽ thuận tiện cho việc hoàn tất bằng Cử nhân khoa học của bạn hơn. Qua Mỹ năm 1992, AH Nhân hiện đang cư ngụ cùng gia đình ở miền Nam California.

18. AH Chann Pech: Sau ngày ra trường, AH Chann Pech trở về Cao Mên và sau đó nghe nói được chính phủ Cao Mên cử giữ chức Giám Đốc Thương Cảng Kompong Som, một thương cảng ở vịnh Thái Lan. Không có tin tức gì về AH Chann Pech và gia đình sau ngày Cao Mên rơi vào tay Khmer Đỏ.

19. AH Chip Pech: Sau khi tốt nghiệp, AH Chip Pech trở về Cao Mên và sau đó nghe nói được chính phủ Cao Mên cử giữ chức Tổng Giám Đốc Công Chánh. Không có tin tức gì về AH Chip Pech và gia đình sau ngày Cao Mên rơi vào tay Khmer Đỏ.

20. AH Tô Đăng Quế: Sau ngày ra trường, AH Quế được bổ nhiệm qua Tổng Nha Điện Địa và lần lượt giữ các chức vụ

Trưởng Ty Điện Địa Dalat, Bà Rịa - Vũng Tàu, Pleiku - Kontum, và Gia Định. Đến năm 1965, AH Quế được thuyên chuyển về Saigon Thủy Cục và giữ chức vụ Trưởng Khu Thủy Cục Saigon. Qua Mỹ cùng gia đình năm 1975, AH Quế định cư ở thành phố Stockton, Califirnia, và lần lượt giúp việc cho cơ quan Stockton East Water District ở Stockton và cho hãng kỹ sư cấp thủy tư vụ James Montgomery ở Walnut Creek. Năm 1988, Ái Hữu Quế được tuyển vào làm cho Caltrans, cơ quan kiều lô của California, ở San Francisco và Oakland, và làm ở cơ quan này đến đầu năm 1998 thì về hưu. Vợ chồng AH Quế, hiện cư ngụ tại thành phố Union City, California, có 6 con (3 gái, 3 trai; tất cả đều có gia đình), 5 cháu ngoại và một cháu nội.

21. AH Từ Quý: Sau khi tốt nghiệp, AH Quý được bổ nhiệm qua Thương Cảng Saigon và phục vụ ở Sở Tân Công Tác với chức vụ Phụ Tá Chánh Sở. Năm 1962, sau một năm học cao học ở Mỹ về ngành cấp thủy, AH Quý trở về nước và giữ chức Chánh Sở Nghiên Cứu Nha Cấp Thủy. Năm 1965, AH Quý ra làm cho cơ quan Viện trợ Mỹ USAID với tư cách phụ tá cho Cố Vấn mỹ đặc trách các dự án cấp thủy ở Việt Nam. Năm 1972, AH Quý qua phục vụ cho công ty quốc doanh VECCO với chức vụ Chánh Sở Sản Xuất và năm 1974, cho Quốc Gia Sản Cấp Thủy Cục với chức vụ Chánh Sở Đồ Án. Qua Mỹ năm 1984, AH Quý định cư ở Sacramento, California. Sau đó, bạn Quý đi học lại chương trình Cao học và năm 1989 đi làm cho State Department of Health Services ở Sacramento. AH Quý, về hưu năm 1993 và hiện cư ngụ ở thành phố Milpitas, California, có 3 con gái (2 gái đã có gia đình), và 4 cháu ngoại.

22. AH Lê Sáu: Sau ngày ra trường, AH Sáu được phái ra phục vụ tại Khu Công Chánh Nha Trang và giữ chức Phó Trưởng

Ty Công Chánh Bình Định đặc trách cải tạo Quốc lộ 1 từ Quảng Ngãi đến Tuy Hòa. Năm 1957, AH Sáu được thuyên chuyển lên Nha Công Chánh Cao Nguyên ở Dalat và giữ chức Trưởng Ty Công Chánh Đồng Nai Thượng. Khi Nha Công Chánh Cao Nguyên đổi thành Khu, AH Sáu về phục vụ tại Khu trong các chức vụ Trưởng Phòng Kỹ Thuật và Trưởng Ty Dụng Cụ, và sau đó giữ chức vụ Trưởng Ty Công Chánh Quảng Đức. Năm 1965, AH Sáu được thuyên chuyển trở lại Khu Công Chánh Nha Trang và giữ chức Trưởng Ty Lộ Vận. Năm 1974, AH Sáu được thuyên chuyển về Nha Lộ Vận ở Saigon. Qua Canada năm 1987, AH Sáu cùng gia đình định cư tại thành phố Toronto, Ontario, và vui hưởng thú an nhàn cho đến nay. Vợ chồng AH Sáu có 8 con (5 trai, 3 gái; 5 trai và 2 gái đã có gia đình), 12 cháu nội, và 2 chắt nội.

23. AH Nguyễn Đức Súy: Sau khi tốt nghiệp, AH Súy được bổ nhiệm qua Nha Tổng Thanh Tra Công Chánh và phục vụ trong Chương Trình Lập Đồ Án Thủy Điện Danhim ở Dran, gần Dalat. Sau khi chương trình hoàn tất vào cuối năm 1956 và đổ thêm bằng Cử Nhân Luật, AH Súy được thuyên chuyển về Nha Căn Cứ Hàng Không và lần lượt giữ các chức vụ Trưởng Ty Kỹ Thuật, Phó Giám Đốc, và Giám Đốc. AH Súy cũng là Quản Trị Viên Công Ty Hàng Không Việt Nam và giảng viên Trường Cao đẳng Công Chánh về môn Phi Trường. Qua Mỹ cùng gia đình năm 1975, AH Súy được tuyển vào làm cho hãng Bechtel ở San Francisco, California, và Boston, Massachusetts. Năm 1991, AH Súy đổi qua làm cho hãng Greiner ở Pleasanton, California, đến đầu năm 1996 thì về hưu. Vợ chồng AH Súy, hiện cư ngụ tại thành phố Alameda, gần San Francisco, có 6 con (3 trai, 2 gái; hai trai hai gái đã có gia đình), 4 cháu nội và một cháu ngoại.

24. AH Cao Tấn Tài: Sau ngày ra trường, AH Tài được phái về phục vụ tại

Công Quán Hỏa Xa và giữ chức vụ Trưởng Khu Hỏa Xa Saigon. Năm 1964, AH Tài xin từ nhiệm và ra làm cho Công Ty Dầu Esso với chức vụ Giám đốc Kho Xăng Nhà Bè cho đến năm 1975. Qua Pháp chữa bệnh năm 1978, AH Tài xin lưu ngụ luôn tại Pháp và giúp việc cho hãng Cilas-Alcatel thuộc Tổ Hợp CGE - Laboratoire Marcoussis từ năm 1979 đến khi từ trần năm 1988 vì tai nạn lưu thông. Vợ chồng AH Tài và con cháu hiện cư ngụ tại thành phố Egly - Pháp.

25. Cố AH Hoàng Đức Tài: Sau khi tốt nghiệp, AH Tài được bổ nhiệm về Nha Thủy Vận và tùng sự tại Sở Hàng Hà. Năm 1957, AH Tài được cử đi du học ở Mỹ về ngành kỹ sư y tế và năm 1958 trở về nước, phục vụ ở Bộ Y Tế. Năm 1962, AH Tài được gọi đi học lớp Sĩ quan trừ bị và sau khi mãn khóa được đưa về phục vụ tại Nha Quân Y, rồi Tòa Đô Chính, Saigon. Năm 1966, AH Tài được giải ngũ và về phục vụ tại Saigon Thủy Cục với chức vụ Chánh Sự Vụ Sở Tân Công Tác. Qua Mỹ với gia đình năm 1989, AH Tài tạm cư tại thành phố Newark, Delaware, và từ trần năm 1990. Vợ chồng AH Tài có 6 con (5 gái, 1 trai; 4 gái và một trai đã có gia đình), một cháu nội và năm cháu ngoại. Chị Tài và một số con cháu hiện cư ngụ tại thành phố Collegeville, Pennsylvania.

26. AH Nguyễn Ngọc Tào: Sau ngày ra trường, AH Tào được phái về Sở Hàng Hà, Nha Thủy Vận, và giữ các chức vụ Chủ Sư Phòng Kỹ Thuật và Trưởng Ty Đào Kinh. Năm 1965, AH Tào đổi qua Ủy Ban Quốc Gia Sông Cửu Long, trong đó có một năm phục vụ ở Bangkok, Thái Lan, và năm 1971, biệt phái qua Văn Phòng Đại Diện Ủy Ban Quốc Tế Sông Cửu Long ở Saigon. Năm 1973, AH Tào về phục vụ cho Thủy Cục Đà Nẵng và giữ chức vụ Phụ Tá Giám Đốc. Qua Mỹ năm 1979, AH Tào định cư tại tiểu bang Virginia và giúp việc cho hãng thầu Burns

& Roe ở Richland, Washington, và năm 1984 cho Department of Streets của New Orleans, Louisiana. Năm 1986, AH Tào trở về Virginia và giúp việc cho hăng kỹ sư Sheladia ở Rockville, Maryland, đến năm 1993 thì về hưu. Vợ chồng AH Tào, hiện cư ngụ tại thành phố Springfield, Virginia, có 5 con (4 trai, một gái; 2 trai và một gái đã có gia đình), 3 cháu ngoại và 2 cháu nội.

27. AH Nguyễn Văn Thông: Sau khi tốt nghiệp, AH Thông phục vụ trong Chương Trình Lập Đồ Án Thủy Điện Danhim ở Dran, gần Dalat. Cuối năm 1956, AH Thông về phục vụ tại Nha Tổng Thư Ký Bộ, và năm 1960, trong Chương Trình Xây Cất Thủy Điện Danhim ở Dran. Năm 1963, AH Thông được cử làm Chánh Văn Phòng Bộ, và năm 1964 đi du học ở trường Đại Học Grenoble, Pháp. Về nước năm 1966 với bằng Kỹ Sư Thủy Lợi, AH Thông được cử giữ chức vụ Giám đốc Nha Thủy Nông. Năm 1970, AH Thông được biệt phái làm Chuyên Viên cho Ủy Ban Quốc Tế Sông Cửu Long ở Bangkok, Thái Lan. Về nước năm 1972, AH Thông giữ chức Tổng Thư Ký Ủy Ban Quốc Gia Thủy Tính, và sau đó, Ủy Ban Quốc Gia Thủy Lợi. Qua Mỹ năm 1980, AH Thông định cư ở thành phố Richland, Washington. Năm 1982, AH Thông giúp việc cho hăng thầu Burns & Roe ở Richland, và năm 1984 cho hăng kỹ sư Harza ở Bellevue cho đến khi về hưu năm 1995. Vợ chồng AH Thông (chị Thông qua đời cách đây mấy năm) có 3 con trai (cả 3 đều đã có gia đình), và 3 cháu nội.

28. AH Nguyễn Văn Tiển: Sau ngày ra trường, AH Tiển được phái về phục vụ ở Thương Cảng Đà Nẵng. Năm 1957, AH Tiển được thuyên chuyển lên Khu Công Chánh Cao Nguyên Trung Phần và giữ chức vụ Trưởng Ty Công Chánh kiêm Trưởng Ty Kiến Thiết tỉnh Quảng Đức. Năm 1962, AH Tiển được chuyển về Khu và lần lượt giữ các chức vụ Chủ Sư Phòng Hành Chánh, Trưởng Ty

Dụng Cụ và Trưởng Ty Lộ Vận. Bạn Tiển hồi hưu năm 1973. Qua Mỹ năm 1984, AH Tiển định cư tại thành phố Fullerton, California, và vui hưởng thú an nhàn. Vợ chồng AH Tiển có 5 con (2 trai, 3 gái; một trai và một gái đã có gia đình).

29. AH Nguyễn Sĩ Tuất: Sau khi tốt nghiệp, AH Tuất được bổ nhiệm về Khu Nam Công Chánh ở Cần Thơ và đến năm 1958 trở về phục vụ ở Tổng Nha Công Chánh ở Saigon. Năm 1961, AH Tuất qua giúp việc cho Mỏ Than An Hòa / Nông Sơn với các chức vụ Trưởng Ngành Khai Thác và Chánh Sự Vụ Công Trình Dân Sự. Năm 1970, sau khi đổ thêm bằng Cử Nhân Luật và các Chứng Chỉ Cao Học Kinh tế và kinh Doanh, AH Tuất trở về Saigon phục vụ cho cơ quan quốc doanh VECCO với chức vụ Phụ Tá Tổng Giám Đốc Đặc Trách Sản Xuất. Đến năm 1974, AH Tuất xin từ nhiệm để ra làm Giám Định Viên Kiến Trúc và Tòa Án và Giáo sư Trường Đại Học Vạn Hạnh. Qua Mỹ năm 1983, AH Tuất giúp việc cho Chính phủ Tiểu Bang Massachusetts ở Boston trong ngành kỹ thuật. Vợ chồng AH Tuất, hiện cư ngụ tại thành phố Newton, Massachusetts, có 3 con (một trai, 2 gái; một trai và một gái đã có gia đình).

30. Cố AH Hà Văn Út: Sau ngày ra trường, AH Út được phái về phục vụ tại Sở Thủy Nông, Bộ Giao Thông Công Chánh và lần lượt giữ các chức vụ Trưởng Công Trưởng Đào Kinh Cái Sắn thuộc tỉnh Kiên Giang và Trưởng Công Trưởng Xây Đập Nước Rạch Gòi thuộc tỉnh Ba Xuyên. Sau khi Sở Thủy Nông được chuyển qua Bộ Cải Tiến Nông Thôn và biến cải thành Nha Thủy Nông, AH Út được cử giữ chức vụ Chủ Sư Phòng Dụng Cụ và tiếp tục giữ chức vụ này cho đến năm 1975. Sau 1975, AH Út nghỉ việc và qua đời trong khoảng thời gian 1977 - 1978. Không có tin tức gì về gia đình AH Út.

31. Cố AH Lê Văn Vinh: Sau ngày ra trường, AH Vinh được bổ nhiệm ra tùng sự tại Khu Công Chánh Nha Trang. Sau một thời gian phục vụ ở Phòng Kỹ Thuật Khu. AH Vinh được cử giữ chức vụ Trưởng Ty Công Chánh Bình Định. Năm 1964, AH Vinh

được thuyên chuyển về Khu Bắc Công Chánh ở Saigon và vài năm sau xin nghỉ giả hạn không lương để ra hoạt động trong ngành thầu xây cất. Sau 1975, AH Vinh và gia đình ở lại Việt Nam. AH Vinh đã từ trần tại Saigon hồi tháng 12 / 1997. Không có tin tức gì về gia đình AH Vinh.

ĐÔI DÒNG VỀ KHÓA KỸ SƯ CÔNG CHÁNH SAI GÒN 1956

Lê Cảnh Túc

Để góp công vào nỗ lực của Ban phụ Trách thực hiện tập Kỷ Yếu Trường Cao Đẳng Công Chánh Việt Nam, tôi (chỉ có một mình của khóa 1956 ở Úc châu) xin ghi ra đây vài điểm, mong các bạn đồng khóa khác (đặc biệt ở Mỹ từng viết bài cho Lá thư AHCC như quý anh Mai Văn Ký, Nguyễn Văn Mơ, Nguyễn Tấn Thọ, Nguyễn Sĩ Tín, Lê Thành Trinh, và các bạn Đỗ Hữu Hứa ở Pháp) bổ khuyết cho các sai sót.

Trường ốc lúc đó chúng tôi học, mượn ở Trung tâm Thực Nghiệp ở đường Hồng Thập Tự, gần đường Mạc Đĩnh Chi và Nha Khí tượng. Chúng tôi tốt nghiệp xong thì trường Cao Đẳng Công Chánh dời về Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, khang trang bề thế.

Hiệu trưởng là vị Thầy hiền từ Trần Văn Bạch có công soạn Tự điển Khoa học Kỹ thuật đa ngữ, nhiều học trò của Thầy, đã được Thầy kêu gọi góp công vào quyển Tự điển này. Giám thị là thầy Nghiêm, vui vẻ, khả ái. Xin ghi tiếp dưới đây:

SƯ PHỤ & ĐỒNG MÔN KHÓA KỸ SƯ CÔNG CHÁNH TỐT NGHIỆP 1956

A. Quý Thầy: (dựa theo trí nhớ nên không rõ lăm mong quý AH bổ túc):

- Thầy Trần Văn Bạch, cố Hiệu trưởng dạy Thủy học (Hydraulique) Cố Giáo sư Trần Văn Bạch dễ dãi, làm Tự điển Khoa học Kỹ thuật và Tổng Trưởng Công Chánh.
- Thầy (N.V) Cẩn, dạy Anh văn
- Thầy Charpentier, dạy Sức bền vật liệu
- Thầy Nguyễn Quang Cường, dạy khảo cổ
- Thầy Phạm Minh Dưỡng, dạy Hóa xa
- Thầy Nguyễn Văn Đức, dạy thăm công trường
- Thầy Nguyễn Cao Khoan, dạy Toán
- Thầy Ngô Quang Lý, dạy Vệ sinh
- Thầy Tư Nghiêm, Giám thị hiền hòa
- Thầy Trần Văn Ngọc, dạy Địa lý, phúc hậu (thân phụ AHCC Kỹ sư Tiến sĩ Trần Văn Thu có con cũng nối nghiệp Ông & Cha làm ngành Công chánh - Tam Đại Công Chánh. AH Trần Văn Thu có làm Tổng Thư ký Hội Kỹ sư Quốc gia Pháp, rất ít người Việt có địa vị này)
- Thầy Trần Ngọc Oanh, dạy về Bê tông cốt sắt (Cố Giáo sư Trần Ngọc Oanh vui vẻ, phóng khoáng, từng Quản nhiệm chương trình xây dựng Thủy điện duy nhất Việt Nam Cộng Hòa là Hệ thống Đập

- Đa Nhim, Thầy Oanh là người tài hoa toàn diện đã làm Tổng Trưởng Công Chánh & Thượng Nghị sĩ VNCH, nghe nói Thầy mất lúc vượt biên đã đến gần bến bờ tự do, để lại bao tiếc thương cho gia đình, học trò và đồng nghiệp)
12. Thầy Trần Văn Sách, dạy Điện (và Kỹ Hà học: Géométrie descriptive)
 13. Thầy Lục Văn Sáu, dạy bến cảng và Công sự biển (Travaux maritimes)
 14. Thầy Savigiani, dạy hành chánh kế toán
 15. Thầy Trần Văn Tải, dạy kiến trúc
 16. Thầy (N.V) Thân, dạy đo đạc (Topographie)
 17. Thầy Vaudiau, dạy Cầu và Đường

Xin ghi nhớ ân nghĩa thâm sâu của quý Thầy đã dạy dỗ, dùi dắt, hướng dẫn cho biết bao học trò môn đệ được nêu người.

B. Quý Đồng Môn (tham chiếu Lá Thư AHCC 72) 06 / 1998 & danh sách 14 - 01 - 1998

1. Anh Diễn thủ khoa, đạo mạo nghiêm trang như tu hành, rất giỏi và tốt bụng.
2. Anh Đỗ Hữu Hứa, ở Pháp, đặc biệt đã có bài của con AH và bài của chính AH Hứa phỏng vấn AH đàn anh Khúc Dẫn trên Lá Thư AHCC.
3. Anh Mai Văn Ký, có đóng góp cho LT về Utah v.v... (và cộng sự thân tín)
4. Anh Nguyễn Văn Mơ, có nhiều bài cho Lá Thư AHCC.
5. Anh Võ Văn Ngôn, đã có nhã ý dành chỗ vượt biển cho tôi làm lại cuộc đời cho cá nhân và gia đình, xin đa tạ Anh Nguyễn Văn Ngôn và Gia đình.
6. Anh Nguyễn Văn Thành (trùng tên với vị Trung tướng Cao đài) lúc nào cũng hiền hòa từ tốn.
7. Anh Mai Hiệp Thành, đã cùng đạp xe đạp từ Nancy đến trường Công Chánh ở đường Hồng Thập Tự (mượn cơ sở của trường Thực nghiệp)
8. Anh Hoàng Thao, không rõ có phải AH Hoàng Thao đã cố ý chọn nhà hàng tổ

chức tiệc mản khóa ở Chợ Lớn, đường Ngô Quyền chặng ?

9. Anh Nguyễn Tấn Thọ, vô cùng tích cực với tập thể như phụ trách Lá Thư AHCC (Góp công dựng Chùa ở Cali) và là thành viên đắc lực trong Ban Tổ chức Đại hội AHCC rất thành công tại Cali đầu tháng 07 - 1998.
10. Anh Nguyễn Sĩ Tín, người đồng môn duy nhất đã qua hoạt động ở ngành y tế môi sinh công cộng mấy mươi năm trước, có công trình nhiều nơi trên thế giới và là tác giả một hồi ký rất chi tiết tỷ mỷ.
11. Anh Lê Minh Trí, cao ráo trắng trẻo và nhất là rất hoạt bát.
12. Anh Lê Thành Trinh, phó thủ khoa và là trưởng tràng của đồng môn ở Âu Úc Mỹ, thân lập thân, thông minh tài giỏi nên dù trên 60 vẫn có việc kỹ sư ở Hoa Kỳ, và đóng góp nhiều bài chân tình cho LT/AHCC.
13. Anh Chu Bá Tường, người đồng môn đầu tiên làm chánh sự vụ sớm nhất trong các anh em, ngay từ khi còn đi học, Anh Chu Bá Tường đã làm thầy giáo ở nhiều trường Trung học rồi, thật hiếm có.
14. Anh Hà Văn Mai, rất vui tính, sớm qua ngành khẩn hoang lập ấp cho đồng bào (Dinh điền), lực lưỡng khoẻ mạnh nhường ấy mà đã ra người thiền cổ ở Việt Nam mươi mấy năm rồi (sau 1975) thật đau xót ngậm ngùi.
15. Quý Anh Đây, Lang, Thái chưa thấy ghi trong danh sách AHCC, mong quý anh luôn được an lành may mắn ở mọi nơi. Mọi bạn đồng môn luôn cho tôi cảm giác yên ổn như cùng một nhà vì quý bạn luôn thông cảm và nâng đỡ tôi suốt hơn 40 năm qua. Tôi cũng may mắn được quý bạn cộng sự viên, đồng nghiệp và cấp chỉ huy giúp đỡ và hỗ trợ trong công vụ và đời sống. Xin tất cả Quý Bạn nhận tấm lòng đa tạ của tôi.

BỔ TÚC VỀ BÀI VIẾT của Ái Hữu LÊ CẢNH TÚC:

Nguyễn Văn Mơ và các Bạn đồng khóa

1. Hiệu Trưởng:

- a) Trong những năm đầu chuyển tiếp sau khi Pháp bàn giao, trường vẫn còn sử dụng tiếng Pháp làm chuyển ngữ, nên gọi là Directeur de L'Ecole des Travaux Publics. Sau này người ta gọi là Hiệu Trưởng (như Anh Túc gọi), hoặc là Giám Đốc (như tôi gọi trong bài "Tôi còn nhớ mãi" đăng trong LT 71)
- b) Khóa chúng tôi trải qua 2 đời Giám đốc: Giám đốc đầu tiên là Kỹ sư Trần Văn Bạch cho đến năm 1954, sau đó là thầy Trần Văn Sách kế nhiệm.

2. Danh sách Giáo sư:

Tôi đề nghị ghi theo từng lớp từ lớp Dự Bị cho đến lớp Cao Đẳng, cụ thể như sau (tôi nhớ không đầy đủ, cần các bạn khác bổ túc thêm):

a) Lớp Dự Bị

- Triết học: Nguyễn Quang Cường
- Toán Đại số và calcul différentiel: Nguyễn Cao Khoan
- Hình học: Hồ Nhật Quảng
- Lượng giác và Vũ trụ học: Phan Ngọc Phương
- Lý hóa: Nguyễn Đình Hưng
- Vật sinh: Ngô Quang Lý

b) Lớp năm thứ nhất (Cours 1ère année)

- Triết học: Nguyễn Quang Cường
- Toán học: Phan Ngọc Phương
- Géométrie descriptive: Trần Văn Sách
- Cơ học: Trần Văn Sách
- Luật Hành chánh: Silvigliani

- Cầu Đường Vaudiau
- Travaux de Terrassents: Marquetti
- Résistance des Matériaux: Trần Văn Sách
- Topographie: Nguyễn Văn Thiêm
- Vẽ kỹ thuật: Tạ Huyền
- Thăm Công trường: Nguyễn Văn Đức
- Địa chất: Trần Văn Minh
- Bâtiment civil: Trần Văn Tài
- Perspective: Nguyễn Văn Thiện

c) Lớp năm thứ nhì (Cours 2ème année)

- Toán: Trần Văn Sách
- Géometrie descriptive: Trần Văn Sách
- Rapport: Silvigliani
- Cầu đường: D'ornano
- Résistance des Matériaux: Charpentier
- Topographie: Breton
- Métré: Tạ Huyền
- Cadastre: Trần Văn Ngọc
- Thăm Công trường: Nguyễn Văn Đức
- Moteur Thermique: Trần Văn Sách
- Hydraulique: Trần Văn Bạch
- Béton Armé: Nguyễn Văn Chiểu
- Hỏa xa: Giáo sư người Pháp
- Kiến Trúc: Trần Văn Tài
- Travaux Maritimes: Lục Văn Sáu

d) Lớp Cao Đẳng (Cours Supérieur)

- Cầu đường và mécanique des sols: Vaudiau
- Hỏa Xa (Chemins de fer): Phạm Minh Dưỡng
- Résistance des matériaux: Trần Ngọc Oanh
- Hydraulique: Kỹ sư Trần Văn Bạch

- Kiến trúc (Architecture): KTS Trần Văn Tài
- Luật hành chánh (Droit administratif): Thầy Cẩn (tôi không hiểu anh Túc nhớ thế nào mà nói Thầy Cẩn dạy Anh ngữ, lúc đó chưa có môn Anh văn trong chương trình học)
- Tôi nhớ còn có Kỹ sư Chiểu, Giám đốc Nha Hỏa xa, cũng có dạy, nhưng tôi không nhớ rõ dạy môn gì.

3. Tin tức các Thầy và Các Bạn Đồng Khóa:

a) Các Thầy:

- Các Thầy đã mất ở Pháp: Trần Văn Bạch, Trần Văn Sách, Trần Văn Tài (bị tai nạn xe hơi) và Vaudiau.
- Thầy Thiện mất ở Việt Nam.
- Thầy Trần Ngọc Oanh mất khi vượt biên.
- Thầy Hồ Nhựt Quảng cũng đã mất, nhưng không rõ ở đâu (Thầy có một người con

- trai hiện đang ở Pháp).
- Ngoài thầy Tạ Huyền hiện đang ở Mỹ, tôi không biết rõ tin tức các thầy khác.

b) Các Bạn đồng Khóa: (theo bài viết của Anh Túc, như ghi rõ họ tên):

- Các bạn còn ở Việt nam: Nguyễn Thế Diễn, Văn Văn Đài, Nguyễn Hữu Thành, và Vũ Xuân Thái (chứ không phải là Nguyễn Văn Thái).
- Bạn Trần Tiến Lang hiện ở Pháp (sau khi tốt nghiệp, bạn Lang phục vụ một thời gian ở Nha Hỏa xa, sau đó mới qua Pháp, ban PTKYCDCC có thể hỏi thêm anh Nguyễn Hứa Phu trước kia cũng làm ngành Hỏa xa).
- Bạn Hà Văn Mai đã mất ở Việt nam vì bệnh tim.
- Riêng bạn Nguyễn Văn Thành tôi không rõ tin tức (Bạn Thành trước kia phục vụ ở Tổng Nha Kiến Thiết, có thể bạn Nguyễn Tấn Thọ biết rõ chi tiết).

TÔI THI VÀO TRƯỜNG CÔNG CHÁNH

Lê Thành Trinh

Những biến cố trọng đại đã thay đổi cuộc đời tôi hầu hết là những biến cố bất ngờ mà tôi không hề được biết trước để chuẩn bị. Tôi đâu có tiên liệu được cuộc toàn quốc kháng chiến năm 1946 đã khiến gia đình tôi phải rời bỏ thành phố Nam Định để tản cư vào miền rừng núi của Thanh Hóa. Tôi đâu có biết trước được, hiệp định Geneva và cuộc di cư Bắc Nam năm 1954 cũng như việc miền Nam thất thủ năm 1975 và những năm tháng tù tội sau biến cố này. Một trong những biến cố bất ngờ đã quyết định tương lai của tôi là

việc tôi thi vào trường Cao Đẳng Công Chánh năm 1954.

Tôi và những người thân yêu chẳng biết gì ngành Công Chánh, ngoài cái sở Lục lộ ở thành phố Nam Định, với những đống đá xanh và những xe hủ lô ba bánh sắt chạy băng hơi nước. Mỗi khi đi xa, xe hủ lô này kéo theo một cái nhà có bánh xe, nơi ở của gia đình ông lái xe. Hồi còn nhỏ, khi thấy xe hủ lô cán đường, tôi thường đứng bên đường xem cả giờ và thỉnh thoảng lại lấy một viên đá ném vào dưới bánh xe để thấy

viên đá bị nghiền nát và cảm thấy rất là thích thú.

Tôi chỉ biết về trường Cao Đẳng Công Chánh khoảng một tháng trước ngày thi vào trường. Sau khi tốt nghiệp Trung học, vì gia đình tôi không đủ khả năng cho tôi xuất ngoại du học nên tôi đã ghi danh học tại Trường Đại học Khoa học tại Hà Nội, môn Toán học Đại cương (Math Géné). Vì môn học này quá khô khan, không có nữ sinh viên nào, nên tôi có ghi danh thêm vào trường Đại học Văn khoa, môn Văn Học Sử Pháp, để có dịp làm quen với một số bạn gái. Học được hai năm, tôi thấy nếu cứ tiếp tục học thêm để lấy bằng Cử nhân thì sau này cũng chỉ đi làm thầy giáo chứ không có một con đường nào khác. Do đó khi các bạn rủ tôi học trường Hải quân Brest ở vùng Bretagne của Pháp thì tôi đã nộp đơn vào trường này nhưng tôi nghĩ rằng với tấm thân cò lả nặng khoảng 40 kilô của tôi thì làm sao tôi theo binh nghiệp được.

Mùa xuân năm 1954, khi chiến trường Điện Biên Phủ đang sục sôi, tôi đọc báo thấy thông cáo của Nha Công Chánh Bắc Phần về việc mở kỳ thi nhập học trường Cao Đẳng Công Chánh ở Sài Gòn. Thông cáo có ghi thêm là những người có những chứng chỉ đại học về các môn Toán Lý có thể được vào thẳng năm thứ hai. Điều hấp dẫn là những sinh viên của trường được lãnh tiền trợ cấp hàng tháng của Bộ Công Chánh là 800 đồng, cao hơn học bổng của Bộ Giáo Dục rất nhiều.

Tôi và mấy anh bạn rủ nhau nạp đơn thi cho vui và đến ngày thi thì chúng tôi đến Sở Công Chánh Bắc Phần ở bờ sông Hồng để thi. Thi gồm một bài Toán, một bài Lý và một bài Hình học họa hình. Tôi làm hai bài Toán và Lý rất dễ dàng nhưng đến bài Hình học họa hình thì tôi chịu thua. Tôi chỉ được học về cơ bản của môn này ở năm chót của Trung học (lớp Math. Elem.) nhưng ở Đại học thì tôi có được học gì thêm về môn này đâu. Đề thi là sự cắt nhau giữa một

hình cầu và một hình nón. Chẳng lẽ để giấy trắng nên tôi vẽ một vòng tròn tượng trưng hình cầu và hai đường thẳng cắt nhau tượng trưng hình nón rồi nạp cho giám khảo. Ông xem bài của tôi rồi lắc đầu.

Ông giám khảo này còn trẻ, trán rất cao. Sau khi ra trường Công Chánh và vào làm việc tại Nha Tổng Giám đốc Công Chánh Sài Gòn, tôi đã gặp lại ông giám khảo này. Đó là AH Nguyễn Hữu Tuân, lúc ấy làm Trưởng phòng Ngoại viện của Nha Tổng Giám đốc Công Chánh. Anh Tuân có công rất nhiều trong việc hình thành Nha Kiều Lộ Việt Nam. Ngay từ ngày đầu, anh đã làm việc với ông đại diện Cơ quan Viện trợ Mỹ USOM là ông Smith cut tay, trong việc đặt những nền móng đầu tiên cho tổ chức Nha Kiều Lộ. Khi ba đứa chúng tôi là anh Nguyễn Thế Diễn, anh Lê Cảnh Túc và tôi mới ra trường và được thầy Trần Ngọc Oanh đưa về làm việc tại Nha Kiều Lộ vừa mới hình thành, anh Tuân đã tận tình giúp đỡ và chỉ dẫn cho chúng tôi như một người anh ruột thịt. Anh Tuân đã làm việc ở Nha Kiều Lộ, sau này nâng lên thành Tổng Nha Kiều Lộ, tới cái chức vụ cao nhất là Chánh Sự Vụ Sở Công Tác Tu Bổ rồi anh rời Kiều Lộ đi lãnh chức Giám đốc Sài Gòn Thủy Cục để lo việc cung cấp nước uống cho dân Sài Gòn, trong đó có việc xây cất và điều hành một nhà máy nước tân tiến vào bậc nhất Đông Nam Á lúc bấy giờ. Tuy đi khỏi Kiều Lộ nhưng anh chị Tuân luôn luôn coi vợ chồng tôi như những đứa em trẻ dại và thường xuyên theo dõi cuộc sống của chúng tôi. Một thời gian ngắn trước ngày 30 tháng 04 năm 1975, anh chị Tuân gặp vợ chồng tôi và khuyên là phải di tản ngay kẻo không kịp. Vì quá tin ở lời hứa của ông Cố vấn USAID nên tôi cứ băng chân như vại ở lại Sài Gòn, mặc dù tôi có phương tiện di chuyển bằng đường thủy của anh ruột tôi, lúc ấy đang làm một Công ty vận tải đường thủy. Lời hứa cuối của ông cố vấn đã khiến cho chúng tôi kẹt lại ở Việt Nam cho

đến ngày 08 tháng 12 năm 1989.

Trở lại chuyện tôi thi vào trường Cao Đẳng Công Chánh, sau khi thi xong tôi ra về thơ thới hân hoan, chẳng còn bận tâm gì đến Công Chánh nữa vì tôi nghĩ rằng với bài Hình học họa hình của tôi thì rớt là cái chắc. Chẳng ngờ ít bữa sau tôi nhận được giấy báo đi khám sức khỏe rồi đến sân Vận động Hàng Đẫy để làm các trắc nghiệm sức khỏe như leo giây, vác bao cát 30 kilô để chạy cả trăm mét v.v... Tôi làm sao làm nổi các việc này. Cũng may là các ông huấn luyện viên ở sân vận động đã rất dễ dãi. Tôi leo giây cả bằng chân và khi vác bao cát thì bao đã bị xoi thủng và chỉ còn nặng chừng 10

kilô thôi. Vậy mà tôi vẫn không chạy nổi và cứ lê từng bước. Thế mà mọi sự đã tiến triển tốt đẹp và tôi đã vào học trường Cao Đẳng Công Chánh tại Sài Gòn.

Từ chỗ không biết gì về Công Chánh, tôi đã dấn thân vào ngành này và đã cảm thấy thực sự yêu nghề. Chính tình yêu nghề này đã giữ tôi luôn luôn gắn bó với ngành Công Chánh và tiếp tục hành nghề này ngay cả ở cái đất nước tạm dung này, mặc dù trong khi hành nghề, tôi đã gặp không ít những chuyện buồn tủi. Nếu trong một ngày mùa xuân năm 1954 tôi đã không bốc đồng nạp đơn xin thi vào trường Cao Đẳng Công Chánh thì không biết hiện nay tôi đã ra sao?

HOÀI NIỆM VỀ TRƯỜNG CÔNG CHÁNH

Lê Văn Phương

Thời gian trôi qua quá nhanh. Thăm thoát mà tôi đã rời trường Cao Đẳng Công Chánh thân yêu đã trên 40 năm (tôi tốt nghiệp Kỹ sư Công Chánh cuối năm 1958 tại Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ.) Tôi xin ghi lại sau đây vài kỷ niệm và chi tiết về tổ chức Trường.

Trong thời gian tôi theo học, Trường còn theo quy chế cũ: Sau khi đậu kỳ thi tuyển vào trường, tất cả các Sinh viên, kể cả những người có Tú tài toàn phần hay cao hơn, trước tiên phải theo học Ban Trung Đẳng để thi lấy bằng Cán sự Công Chánh. Sau đó nếu có đủ điều kiện bắt buộc sẽ được lên học lớp Cao Đẳng để thi lấy bằng Kỹ sư Công Chánh. Năm 1957, tôi phải có một lượt hai điều kiện bắt buộc là bằng Tú tài toàn phần và điểm thi tốt nghiệp Cán sự Công Chánh trên 14 mới được lên học lớp Cao

Đẳng niên khóa 1957 - 1958. Quy chế 2 điều kiện này được áp dụng cho 6 khóa Kỹ sư Công Chánh tốt nghiệp từ năm 1956 đến năm 1961, thay vì chỉ cần một trong hai điều kiện như ba khóa trước.

Sau đó, khóa Kỹ sư Công Chánh đầu tiên theo quy chế mới (phải có Tú tài II thi tuyển vào học Ban Cao Đẳng 4 năm rồi thi tốt nghiệp Kỹ sư Công Chánh) nhập học năm 1958, tốt nghiệp Kỹ sư Công Chánh năm 1962. Cán sự học riêng 3 năm Ban Trung đẳng.

Trong thời gian theo quy chế cũ, Trường gồm có 4 lớp: Dự Bị, Trung Đẳng Độ I niêm, Trung Đẳng Độ II niêm và Cao Đẳng.

Điều kiện tối thiểu để được nộp đơn dự kỳ thi tuyển vào Trường Cao Đẳng Công Chánh:

- Lớp Trung Đẳng Độ II niên: chứng chỉ Toán học Đại cương (Math Géné)
- Lớp Trung Đẳng Độ I niên: Bằng Tú tài toàn phần
- Lớp Dự Bị: Bằng Tú tài I, Bằng Thành Chung hoặc Trung học Độ Nhất cấp

Trong thập niên 1950, số thí sinh viên dự thi vào trường Cao Đẳng Công Chánh rất đông (trong khi số được tuyển rất ít, giới hạn mỗi năm khoảng 30 người) vì khi vào học sẽ được học bổng, được hoãn dịch, tốt nghiệp ra trường sẽ được chính phủ hoặc các hãng xưởng kỹ thuật chuyên môn như Eiffel, xăng, Shell, Esso v.v... tuyển dụng cho đi làm ngay, lương bổng hậu v. v... Địa điểm thi được tổ chức một lượt tại Sài Gòn, Huế (và Hà Nội từ trước đến 1954, khi đất nước chưa bị phân chia).

Thời gian học mỗi lớp 9 tháng, học tại trường (trừ lớp Cao Đẳng học trung bình 12 tháng) và 3 tháng đi tập sự tại các Ty Sở Công Chánh hoặc các Công ty kỹ thuật tư nhân như hãng Cầu Eiffel, Société des Dragages v.v...

Điểm trung bình lớp Dự bị lên lớp Độ I và lớp Độ I lên lớp Độ II tối thiểu là 12 / 20. Điểm trung bình tốt nghiệp bằng Cán sự Công Chánh vào cuối năm Độ II tối thiểu là 12 / 20. Các Sinh viên tốt nghiệp sẽ được chính phủ bổ nhiệm vào ngạch Cán sự Công Chánh chỉ số lương 350.

Học bổng mỗi tháng từ 700 đến 900 đồng bạc Việt Nam cho các lớp Dự bị, Độ I và Độ II. Các sinh viên học lớp Cao Đẳng được bổ vào ngạch Cán sự Công Chánh (vì đã tốt nghiệp bằng Cán sự Công Chánh như nói trên), được hưởng lương 5200 đồng Việt Nam, chỉ phải đi học và không phải đi làm chi cả trong thời gian học lớp Cao Đẳng.

Quy chế muốn lên học lớp Cao Đẳng phải có 2 điều kiện được ấn định bởi Nghị định số 2027 - D ngày 08 tháng 08 năm 1944. Tuy nhiên, Nghị định này chưa được áp dụng

thì trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội đóng cửa vì Nhật đảo chánh Pháp tại Đông Dương. Năm 1947, trường được mở lại tại Sài Gòn cho ban Trung Cấp. Sau đó lớp Cao Đẳng được mở lại tại Sài Gòn năm 1951 do Nghị định số 353 Cab / SG ngày 20 tháng 07 năm 1951.

Vào đầu thập niên 1950, số sinh viên có đủ hai điều kiện rất ít nên Hội đồng Nội các đã đặc cách chấp thuận cho các sinh viên có một trong hai điều kiện cũng được lên học lớp Cao Đẳng, hầu có đủ số Sinh viên để mở lớp Cao Đẳng, thể theo đề nghị của thầy Trần Văn Bách, Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh và ông Nguyễn Thành Giung, Bộ trưởng Quốc Gia Giáo dục (tham chiếu bài “Tại khuôn viên Trường Trung học Pétrus Ký” của Ái Hữu Nam Cát Bửu Hạp, Kỹ sư Công Chánh tốt nghiệp năm 1952)

Tuy nhiên đó chỉ là trường hợp ngoại lệ (Cas exceptionnel) và chỉ được đặc cách chấp thuận cho 3 khóa 1952, 1954 và 1955. Trong 3 khóa này có nhiều sinh viên xuất sắc, có đủ 2 điều kiện, nhiều người có vài chứng chỉ Cử nhân Toán.

Khoảng đầu năm 1955, Trường ra thông báo cho biết chính phủ bắt đầu áp dụng quy chế chính thức, bắt buộc Cán sự Công Chánh tốt nghiệp từ năm 1955 trở về sau phải có đủ một lượt hai điều kiện là có Bằng Tú tài II và tốt nghiệp Cán sự Công Chánh với điểm trung bình từ 14/20 trở lên mới được lên học lớp Cao Đẳng để học thi lấy bằng Kỹ sư Công Chánh thay vì chỉ cần một trong hai điều kiện như trước.

Quyết định của Chính phủ thay đổi bắt buộc phải có 2 điều kiện ra đầu năm 1955 lại bắt đầu áp dụng liền ngay cho các Sinh viên tốt nghiệp Cán sự Công Chánh năm 1955 là những người đã thi vào học trường từ năm 1952 (cho sinh viên thi vào lớp Dự bị) và 1953 (cho sinh viên có Tú tài II thi vào lớp Độ I) thay vì chỉ áp dụng cho

các Sinh viên mới thi vào Trường năm 1955 trở về sau.

Trường Cao Đẳng Công Chánh mượn tạm tầng lầu trường Thực Nghiệp đường Hồng Thập Tự (sau lưng Tòa Đại sứ Mỹ) để mở lớp học từ năm 1951 đến năm 1956, sau khi dời đổi nhiều nơi từ năm 1947 đến năm 1951. Sau đó Trường dời về Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ từ năm 1956 cho đến ngày nay.

Giám đốc Trường tuần tự gồm quý Thầy Trần Văn Bạch, Trần Văn Sách và Lê Sĩ Ngạc. Giáo sư Pháp Việt rất nhiều khả năng và kinh nghiệm như quý Thầy Vaudiau, Charpentier, Trần Ngọc Oanh, Phạm Minh Dưỡng v. v....

Các môn học được giảng dạy toàn bằng tiếng Pháp. Ngoài các môn học căn bản về toán (Calcul différentiel, Mécanique, Geometrie descriptive v.v...) và kỹ thuật (Résistance des Matériaux, Béton armé, Pont, Route v.v...) còn có các môn học đặc biệt như Droit administratif Droit civil, Sociologie, Hygiene v.v...

Hygiene do Bác sĩ Ngô Quang Lý giảng dạy. Nghe nói Sinh viên phải học môn này để có hiểu biết tổng quát về Y tế hầu sau này có thể tạm thời cấp cứu nhân viên bị tai nạn hoặc bệnh bất ngờ tại các công trường xa xôi hẻo lánh trong khi chờ đợi Bác sĩ hoặc chở đi Bệnh viện.

Về môn Xã hội học, Thầy Cường giảng dạy cho chúng tôi nghe nhiều đề tài hấp dẫn, nhất là đời sống và phong tục của các dân tộc bán khai ở Úc châu, Phi châu v.v...

Môn Toán học Đại cương được 2 Thầy Trần Văn Sách và Phan Ngọc Phương dạy một phần lớn ở lớp Đệ I niên (1953 - 1954) và lớp Đệ II niên (1954 - 1955). Do đó một số sinh viên đang học trường CDCC đã đậu vài chứng chỉ Cử nhân Toán, như AH Nguyễn Quang Đức và Phí Ngọc Huyền.

Về môn Luật Hành chính, Thầy Sivigliani với nhiều năm kinh nghiệm trong nghề đã hướng dẫn chúng tôi những phương

pháp giải quyết mau chóng các biến chuyển hoặc tai nạn có thể xảy ra trong khi hành nghề Công Chánh sau này.

Tuy dạy môn Kinh tế Chính trị khô khan, nhưng với tài hùng biện và cách trình bày mạch lạc, Thầy Nguyễn Văn Huấn đã lôi cuốn sinh viên. Riêng phần tôi, say mê theo dõi, đến cuối giờ học vẫn muốn nghe thêm.

Đặc biệt trong thời gian này, chúng tôi được theo học lớp huấn luyện Cao Đẳng Quân sự nên được hoãn dịch.

Ái Hữu Lê Trọng Bửu và tôi theo học Trường Cao Đẳng Công Chánh mỗi người 4 năm: 3 năm ở 3 lớp Dự bị, Trung đẳng Đệ I niên và Trung đẳng Đệ II niên từ năm 1952 đến năm 1955 và 1 năm lớp Cao Đẳng từ năm 1957 đến năm 1958. Năm 1957, chúng tôi có đủ 2 điều kiện Tú tài II và điểm tốt nghiệp Cán sự Công Chánh trung bình trên 14 nên được lên học lớp Cao Đẳng và tốt nghiệp khóa Kỹ sư Công Chánh kết thúc vào cuối năm 1958. Hội Đồng Giáo sư họp trể vào ngày 20 tháng 01 năm 1959 lập biên bản đề nghị cấp Bằng Kỹ sư Công Chánh cho các Sinh viên tốt nghiệp.

Sau khi ra trường, tôi lần lượt phục vụ tại Văn phòng Tổng trưởng Bộ Công Chánh và Giao Thông, Phòng Kỹ thuật Khu Bắc Công Chánh Nam phần, các Ty Công Chánh Phước Tuy, Bình Long, Bạc Liêu và Sở Giao thông Công Chánh Sài Gòn - Chợ Lớn.

Tôi cũng đã có dịp đi công tác ngắn hạn đặc biệt mỗi nơi vài ngày tại Ban Mê Thuột, Nha Trang, Lâm Đồng v.v... và đi xuyên qua các tỉnh dọc Quốc lộ 1 từ Sài Gòn đến sông Bến Hải và các tỉnh dọc Quốc lộ 4 từ Sài Gòn đến Cà Mau.

Nhờ phụ trách cầu cống đường sá tại Thủ đô, nên tôi được biết hầu hết tất cả đường sá trong Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn.

Cuối năm 1979, gia đình tôi đến định

cư tại Sacramento, California, USA. Sau khi thi đậu PE tôi đã vào tùng sự tại Bộ Giao Thông Vận Tải California, Nha Công Trình Sư (Division of Structure) phụ trách thiết kế (design) các cầu trên xa lộ trong Tiểu bang California cho đến nay.

Một trong những cây cầu do tôi đã thiết kế mà tôi thích nhất là cầu Los Angeles River Bridge and Separation trên xa lộ Thế kỷ (Century Freeway), bắt ngang qua sông Los Angeles, Xa lộ 710 và nhiều đường khác trong thị xã Los Angeles. Cầu dài 1238' (365' bêtông cốt sắt và 893' bêtông tiền áp), chiều rộng thay đổi từ 218' trở lên, gồm 8 lanes xe ô tô và 4 lanes xe điện, có station xe điện trên cầu, có stairways và escalators để các hành khách xe điện có thể lên xuống các đường trong Châu thành Los Angeles.

Hầu hết các Ái hữu định cư tại các nước Âu Mỹ cũng như ở lại Việt Nam, đều có việc làm tốt và một số lớn đã thành công về nhiều phương diện. Đó là một phần nhờ đã

được huấn luyện và học hỏi tại Trường Cao Đẳng Công Chánh.

Tôi xin thành kính tri ân quý vị Giám đốc, Giáo sư đã tận tâm chỉ giáo trong thời gian tôi theo học Trường Cao Đẳng Công Chánh.

Tôi cũng xin thành thật cảm ơn tất cả các Ái Hữu, bạn bè đã giúp đỡ tôi trong những năm qua, từ khi vào trường cho đến bây giờ.

Tôi đã có dịp đi nhiều nơi trên xứ người, đâu đâu tôi cũng thấy sự hùng cường phát triển và phồn thịnh. Tuy nhiên không đâu thân thương và hữu tình bằng Việt Nam quê hương yêu dấu. Đó có lẽ do cái nhìn chủ quan, vì Việt Nam là nơi chôn nhau cắt rún, là quê Cha đất Tổ. Cầu mong Việt Nam sẽ sớm giàu mạnh, hùng cường và dân tộc Việt Nam được hưởng thanh bình, ấm no, tự do và hạnh phúc.

Sacramento, mùa Thu 1998

Con đường ven làng CÔNG CHÁNH

Trần Gia Tường

Một sáng đẹp trời mùa Thu 1955, trời Huế mát dịu, không khí trong lành, Ngự Bình cây cỏ xanh tươi, sông Hương nước trong xanh biếc và tôi đang ngồi trong lớp học của Trường Khải Định. Nơi mà hai năm trước đó, một năm học chung trong khuôn viên Trường Đồng Khánh và năm sau được dời về trường cũ, vì quân đội Pháp trả lại sau Hiệp định Genève. Năm nay là năm thứ ba tôi học tại trường Khải Định nằm bên bờ sông Hương.

Một người bạn cùng lớp và hai người bạn khác lớp đến rủ tôi đi thi vào Trường Công Chánh. Lúc này tôi cũng chưa biết được trường Công Chánh ở đâu và học xong ra làm gì. Tôi đã làm đơn và đi thi. Ngày thứ nhất thi mười bài toán, sáng năm bài, chiều năm bài. Ngày thứ hai, sáng thi luận văn tiếng Pháp, chiều thi vẽ. Sau đó tôi vẫn thản nhiên tiếp tục đi học. Hai tháng sau được tin, bốn chúng tôi đã thi đậu, mỗi người nhận được một giấy báo tin ngày nhập học

và một vé xe lửa hạng nhì để vào Sài Gòn. Trong kỳ thi này, ở Huế có hơn trăm sĩ tử đi thi và chỉ có bốn chúng tôi thi đậu mà thôi.

Hồi ấy Ba tôi đang làm Trưởng hạt Hỏa xa, trong nom ba tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng nam. Thế mà Ba tôi bảo đi máy bay chứ không đi xe lửa. Tôi đã đi máy bay vào Sài Gòn, đến trường trình diện và đưa vé xe lửa cho Trường, và được Trường bồi hoàn tiền vé xe lửa đó.

Đây là lần đầu tiên tôi xa Huế và cũng là lần đầu tiên được đi máy bay và được nhìn thấy Sài Gòn. Sài Gòn thật lớn, phố cao và đường rộng, xe cộ chạy hai chiều thật nhiều và nhiều xích lô lẫn Taxi. Khí hậu Sài Gòn thật dễ chịu, không quá khắc nghiệt như miền Trung. Ban ngày dù nóng đến đâu, khi tắt mặt trời là tươi mát trở lại, ở bến tàu, người ta đi chơi và hóng mát thật đông như là đi dự hội, gió mát lồng lộng như ở cửa biển Thuận An. Không nơi nào rộng lớn, trù mật và xinh đẹp như ở Sài Gòn, người ta gọi đây là Hòn Ngọc Viễn Đông cũng phải.

Tôi được cấp học bổng 980 đồng một tháng và được lãnh vào tháng đầu tiên nhập học. Đây là một số tiền khá lớn đối với đời học sinh - sinh viên. Một ly nước mía ở Viễn Đông chỉ một đồng, một lít xăng sáu đồng. Với số tiền này, nếu ăn cơm tháng đơn thuần chỉ có ba trăm đồng một tháng. Ăn và ở sáu trăm đồng một tháng, còn dư chút đỉnh để tiêu xài.

Năm đầu học trường Công Chánh gọi là lớp Dự bị, khóa tôi đang học là khóa Spécial, khóa chính thức là khóa normal, vì năm này có hai khóa học. Chúng tôi học năm đầu ở đường Chasseloup Laubat, trong khuôn viên của trường Thực Nghiệp Centre d'apprentissage). Tôi còn nhớ thầy Phạm Minh Dưỡng và thầy Châu vì hai ông này dạy Toán. Tôi cũng là một học sinh giỏi toán ở Huế, mà vào đây tôi cũng không theo kịp, năm này tôi dành đứng vào hàng cuối lớp. Thế mới hay học sinh ở Sài Gòn quá giỏi, họ

nói tiếng Pháp trôi chảy như người Pháp vậy.

Qua năm thứ hai, gọi là đệ nhất niên và năm thứ ba gọi là đệ nhị niên, hai năm này tôi bắt kịp và đạt được điểm trung bình hai năm là 14,18. Vào thời kỳ này, tất cả sinh viên đều học chung ba năm, có bằng Tú tài II hay không cũng được, nhưng sau ba năm phải có bằng Tú tài II và đạt điểm trung bình cuối hai năm thứ hai và thứ ba phải trên 14 mới được tiếp tục học năm thứ tư gọi là Cours Supérieur để tốt nghiệp Kỹ sư. Nếu không có bằng Tú tài II thì phải ra trường gọi là Cán sự, mặc dầu có điểm 14.

Bằng Tú tài II thì dễ kiếm, năm này không đậu thì năm sau và sau nữa, nhưng điểm 14 thì không bao giờ có lần thứ hai, khi nào có bằng Tú tài II thì được vào học lại năm thứ tư, còn không có điểm 14 thì phải học lại từ đầu, bốn năm.

Tôi còn nhớ các thầy tại trường Phú Thọ, nhưng không nhiều lắm như các thầy Tạ Huyền, Phạm Hữu Vĩnh, Phạm Huy Đầu, Père Fontaine, Nguyễn Xuân Thi, thầy Nguyễn Văn Đức dạy vẽ...

Sau ba năm học, tôi phải ra trường năm 1958 dù có điểm 14, 18, vì thiếu bằng Tú tài II. Tôi và và chín anh em khác lên phục vụ tại Nha Địa dư Quốc Gia Đà Lạt, nơi này thật yên ổn làm sao, khí hậu mát lạnh quanh năm, đời sống văn minh của xứ nghỉ mát, du lịch, tha hồ ăn diện khoe tài khoe sắc. Đến Đà Lạt rồi, có nơi ăn chốn ở và có nơi làm việc, thì không còn nghỉ đến việc đi nơi khác, và nhất là tai Nha Địa Dư, được đặc ân hoan dịch, khỏi phải đi lính nên chúng tôi quyết tâm ở lại Địa Dư làm việc với hy vọng được cho sang Pháp tu nghiệp và học Kỹ sư Địa Dư, vì Nha Địa Dư được Pháp bảo trợ và đào tạo thành Kỹ sư Địa Dư Pháp.

Chúng tôi được tu nghiệp tại chỗ hai năm về ngành Địa Dư do thầy Perreau Sassine và La Pointe, chuyên viên của Liên

Hiệp Quốc và ông Cazaux, chuyên viên của viện Địa Dư Pháp giảng dạy. Đã có một số được qua Pháp học tiếp Kỹ sư, và lần lượt được đi học tại Pháp cho đến năm 1975.

Năm 1964 - 1965, tôi được biệt phái qua công tác tại Sở Đô Bản Quân Đội Hoa Kỳ tại Viễn Đông, làm việc tại Tokyo để phụ trách hợp tác làm bộ tọa độ các điểm địa dư Trig List cho Việt nam. Được gọi là Sĩ quan liên lạc, được ở Câu Lạc Bộ Sĩ Quan theo tiêu chuẩn Đại úy Mỹ, mặc dù lúc ấy tôi còn là dân sự, chưa đi lính ngày nào.

Năm 1968, vì tình hình đất nước, phải tổng động viên toàn lực để chống cộng, tôi đã vào quân trường, cuối năm 1968 ra trường với cấp bậc Chuẩn úy, trở về nhiệm sở làm việc thường lệ.

Năm 1971, tôi là Thiếu úy, được tháp tùng Đại tá Đoàn Văn Kiệu, Giám đốc Nha Địa Dư, trong thành phần phái đoàn hai người của Việt Nam, tham dự Hội nghị Liên Phòng Đông Nam Á về Địa Dư tại Bangkok, Thái Lan, với tư cách là quan sát viên của Hội nghị.

Trong thời gian làm việc tại Đà Lạt, cuộc đời và nghề nghiệp dính liền với ngành Địa Dư, nhưng Nha Địa Dư là đơn vị duy

nhất của Quốc gia, không phát triển được chiều rộng tỏa ra toàn quốc mà bó gọn vào một địa danh là Đà Lạt, nên tôi quay qua học thêm về Quản trị Kinh Doanh tại Viện Đại Học Đà Lạt để mong sau này có đổi được nghề chǎng và cũng muốn xa rời Đà Lạt sau gần 18 năm phục vụ, không ngờ đến năm 1975 gây gánh dọc đường, tang tóc trùm lên đất nước, vật đổi sao dời mà cuộc di tản vĩ đại của đoàn người từ Đà Lạt xuống, từ miền Trung đổ về Sài Gòn là cả một cơn ác mộng nếu ai còn sống sót. Đó là cơn ác mộng tập thể của miền Trung và Cao nguyên Trung phần, sau này là cơn ác mộng của từng con người chứng nhân của lịch sử trong cuộc vượt biên của thế kỷ.

Con đường đi đến làng Công Chánh thật bất ngờ và thản nhiên, sau ba năm tôi đã đi đến cổng làng, cổng làng cũng mở rộng, tôi chưa bước chân vào cổng, thì đã nhận được một mũi tên chỉ đường hướng vào một ngã rẽ, một cách vô tư tôi đi theo hướng đó và cứ đi mãi, và đó chỉ là con đường ven làng, đi vòng ngoài của làng Công Chánh. Được nghe hai chữ Công Chánh đầu làng mà không vào làng được.

KHÓA ĐẶC BIỆT 1956 – 1959

Nguyễn Thái Hai

Thời gian trôi thật nhanh. Mới ngày nào còn cắp sách đến Trường, mà nay chúng ta đã thành ông bà nội ngoại cả rồi. Vừa qua, nhân dịp dự lễ ra trường của đứa cháu, tôi nhớ đến ngày ra Trường Công Chánh xa xưa. Rồi mỗi người đi mỗi ngã, một ngành,

không gặp lại nhau nữa, ngoại trừ một số nhỏ cùng sở hoặc có liên hệ cơ quan.

Biến cố 75 đến, chúng ta cả thảy lẩn trộn phân tán rải rác khắp năm châu bốn bể. Có kẻ đã đổi nghề, có kẻ vẫn còn hăng say với nghề cũ, có kẻ đã gác bút, có kẻ vì lý lịch đã không được hành nghề, có kẻ đã ra đi

Các Giáo sư giảng dạy có người là Giáo sư chuyên nghiệp tại các trường Đại học, có người là chuyên viên cao cấp của chính quyền được trường mời về dạy. Có Thầy luôn ăn mặc chỉnh tề, giảng dạy nghiêm trang, có Thầy ăn mặc xuề xòa nhưng dạy rất hay, có Thầy hay gắt gỏng và có cái nhìn toé lửa ai cũng ghê sợ, có Thầy thường pha tếu khi giảng dạy, vân vân và vân vân. Có Thầy nay đã khuất bóng, có Thầy đang sống thanh nhàn ở hải ngoại và không ít Thầy vẫn còn lây lất ở Việt Nam. Vì thời gian học trình ngắn ngủi và có một số Thầy quá bận với công vụ đã phải ngưng dạy và được Thầy khác thế để hoàn tất học trình nên khó mà nhớ hết tên các Thầy. Dù sao ngày nay được chen vai thích cánh ngang hàng cùng đồng nghiệp ngoại quốc, và cũng đã sắp sửa về hưu, tập thể thanh niên đó luôn luôn nhớ đến tinh thần hăng say và cái ước nguyện nho nhỏ của các Thầy là phải đào tạo kịp thời lớp thanh niên trẻ mà đất nước đang cần gấp lúc bấy giờ. Bảng danh sách này lập để tưởng nhớ và tri ân các Thầy.

Khóa 1956 - 1959 của chúng ta là một khóa có nhiều đặc biệt:

- Khóa đông nhất trường. Khi Tổng thống Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền, ông có nhiều chương trình canh tân xứ sở, cần nhiều cán bộ chuyên môn. Mặc dầu khóa trước đã được gia tăng sĩ số nhưng vẫn chưa đủ nên trường tiếp tục mở thêm một khóa đặc biệt nữa.
- Khóa xui xẻo nhất về phương diện tài chánh. Đó là khóa đầu tiên không được lãnh lương Cán sự khi lên học

lớp Kỹ sư.

- Khóa đã kết duyên lứa đôi của những người bạn cùng lớp:
Nguyễn Đình Dương - Đỗ Thị Yến. Phạm Kim Tiên - Nguyễn Thị Hồng.
- Khóa có nhiều anh em ruột cùng học chung một lớp: Nguyễn Đình Dương - Nguyễn Bạch Bích. Huỳnh Tâm - Huỳnh Phước. Nguyễn Kim Long - Nguyễn Kim Lân.
- Khóa có một Ái hữu ty nạn lấy được PhD (trước AH Lê Thành Trang một năm) hiện là Giáo sư chương trình Master và PhD Đại học Missouri và là một ảo thuật gia quốc tế đại tài: Nguyễn Thành Thiệt.
- Khóa đầu tiên được khai giảng tại Trung tâm hiện hữu.
- Khóa có tập ảnh gia đình Ái hữu luân lưu khắp năm châu. Năm 1985, sau khi tạm ổn định cuộc sống, tôi vận động các bạn toàn khóa, (chỉ giới hạn kỹ sư thôi) gửi cho tôi vài ảnh cá nhân và gia đình, cùng sơ lược tình trạng gia đình, công ăn việc làm, học hành của các cháu. Các hình ảnh đó được tập trung vào cuốn Album nhỏ gửi luân lưu khắp các bạn ở Mỹ (Hùng, Hai, Hòe, Thượng, Kiệu) Canada (Thăng, Thảo, Thiệt) Úc (Thiện, Anh) Pháp (Tiên, Minh, Hiển) Zaire (Tươi) và cuối cùng Sài Gòn (Sang, Tân, Ngọc, Lý). Ái Hữu Lý còn lưu giữ tập ảnh quý này. Tập ảnh này cho chúng tôi thấy được dung nhan, cùng sự thành công của các bạn và con cái học sau bao năm xa cách.

LỚP HỌC ĐẦU TIÊN Tại TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

Nguyễn Văn Vinh

Tôi vào học Trường Công Chánh mùa Thu năm 1957, chế độ cũ (Ancien Regime): Chế độ 3 năm cho Cán sự, sau khi học xong lớp Trung Đẳng Đệ II niên thi tốt nghiệp Cán sự có điểm trung bình 14 trở lên và Tú Tài II sẽ được lên học lớp Cao Đẳng để thi lấy bằng Kỹ sư Công Chánh. Vào học Cán sự ai có Tú Tài II thì được miễn học lớp Dự bị, năm thứ I của 3 năm học Cán sự, nhưng phải qua một kỳ thi tuyển để được vào học lớp Trung đẳng Đệ I niên.

Trường Công Chánh lúc bấy giờ thuộc Trung tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, tọa lạc trong một khu đất rộng, trên đường Nguyễn Văn Thoại, trước trường đua ngựa, và bên cạnh một vườn cây cao su. Trung Tâm Kỹ Thuật thời ấy gồm có các khu nhà tất cả đều ở phía tay trái con đường kể từ ngoài cổng đường Nguyễn văn Thoại đi vào: Trường Hàng Hải, Trường Quốc Gia Thương mai, Trường Cao Đẳng Điện Học, Trường Cao Đẳng Công Chánh và Trường Kỹ Sư Công Nghệ. Một cột cờ mang cờ Việt Nam bay giữa Trung Tâm.

Thầy Trần Văn Bạch, Kỹ sư Kiều lô, là Giám đốc Trung tâm kiêm Giám đốc Trường Công Chánh. Năm ấy Thầy dạy môn Mecanique rationnelle cho lớp Đệ I chúng tôi.

Tôi còn nhớ một kỷ niệm vui vui vào ngày khai giảng của lớp Trung Đẳng I năm 1957 - 1958. Giờ học đầu tiên là của Giáo sư Nguyễn Văn Thiêm, môn Trắc địa (Topographie). Sau phần điểm danh và giới

thiệu Giáo sư phụ trách môn học với sinh viên do Thầy Tư Nghiêm, giám thị kiêm thư ký thực hiện, Giáo sư Thiêm mới hỏi lớp ai là "Major" ai là "sous-major" của niên khóa lớp Dự bị mới lên ? Liên đó anh Tăng Bửu Long (major), dáng người cao cao nhưng gọn gàng chắc chắn với cặp mắt gọng kiếng philococ đứng lên, và tiếp đó là anh Nguyễn Văn Đề dáng mập mạp, có vẻ dịu dàng cũng đứng lên để trình diện lớp học. Anh em chúng tôi tán thưởng vỗ tay hoan nghênh hai sinh viên xuất sắc này.

Tôi nghĩ rằng vào lớp Dự bị phải qua kỳ thi tuyển cho ai có Trung học Đệ I cấp trở lên đã khó và lại vào học một chương trình Toán và các môn căn bản khác bởi phần nặng nề hơn là chương trình lớp Tú tài II ban Toán ! Tôi còn nhớ gặp một anh bạn học đã học xong năm Dự bị về nghỉ hè tại Huế, anh ấy trước đây mập mạp, sau một năm học thấy người thanh thản lại, nói rằng "Moi" học mệt quá, nhất là môn Toán đến lết luôn !" mà anh ấy là một học sinh Trung học rất gạo và giỏi mà tôi được biết.

Tôi còn nhớ lớp Trung Đẳng Đệ I của chúng tôi đông lăm, sinh viên đủ cả ba miền Nam Trung Bắc (một nhà) ngồi chật cả hội trường (amphi) nên không khí rất là vui nhộn. Tôi thầm nghĩ rằng không biết mình ra trường nhiều quá như thế này thì việc đâu mà làm cho đủ hết ! Nhưng rồi đâu cũng vào đó, sau năm Đệ I một số anh em bỏ đi học nghề khác. Lên lớp đệ II lại chia ra hai phần, một phần Địa chính, một phần Công

chánh. Nói thế không có nghĩa là Ban Công chánh không biết về Địa chánh. Năm thứ nhất hồn hợp đã học Topo, đi làm levé du terrain mỗi tuần. Mỗi sáng sớm ngày thứ Năm (?) theo lệnh của giáo sư Thiêm, sinh viên phải tập họp ở góc đường Cường Đế (?) và hai Bà Trưng, ngó xé qua bên kia đường có một cái Kermesse * (một nữ Tu viện) để học nhắm máy, làm triangulation quanh quẩn cái vùng đó cũng thú lăm. Sang năm thứ hai Trung Đảng lại học trắc địa với giáo sư Breton và thầy Trần Văn Ngọc. Thầy Ngọc thường nói “Máy anh en Công Chánh phải học môn Địa chánh cho biết để có thể làm ở Địa chánh được chứ không thì họ nói anh em Công chánh không biết gì !”. Học Địa chánh với Giáo sư Thiêm năm thứ nhất tôi còn nhớ cũng khó lăm ! Làm Calage cái máy nhắm Tachéomètre cũng trần ai ! Calage có hai giai đoạn: Calage provisoire và calage définitif. Sau lần définitif là không được đụng vào máy nữa, máy quay hướng nào thì bulbe d'air cũng trở về ngay lăn trung điểm. Học cả tháng mà làm Calage trực trặc cứ bị Thầy la rầy hoài ! Sau Thầy Phạm Hữu Vĩnh, lúc ấy là Giám Đốc Nha Hàng Không dân sự, thay Thầy Thiêm. Thầy Vĩnh thay thế Thầy Thiêm tiếp tục dạy môn nhắm máy và cả Topo phần lý thuyết cho đến hết năm học. Thầy Vĩnh ít rầy rà và đối với sinh viên thân mật hơn. Cũng năm Đệ I này, tôi còn nhớ vào dịp Noel chúng tôi được đưa đi viếng công trường đập Đồng Cam ở miền Trung. Thầy Tạ Huyền, phụ trách môn Cubature (và môn Métré cho Năm Đệ II) cùng đi theo hướng dẫn và giảng dạy về công trình xây dựng đập này và lợi ích của đập trong việc dẫn thủy nhập điền. Tôi nhớ có thấy các mương dẫn nước, có cả pont - canal dẫn nước đi tưới ruộng ở dọc đường. Sau vụ đi Đồng Cam chúng tôi đi Vũng Tàu, đi chơi bãi biển, tắm ở Bãi Sau ghé thăm Ty Công Chánh Bà Rịa, được nghe Trưởng Ty nói chuyện ở văn

phòng cũng như ở Công trường. Sau đó Trưởng Ty chiêu đãi chúng tôi một bữa “măng cầu dai” hương vị quá thơm ngon làm tôi có cảm tưởng như chưa được ăn lần nào từ trước !

Nói về việc đi thăm Công trường Đồng Cam tôi còn nhớ con đường Quốc lộ số 1 từ Sài Gòn ra Nha Trang lồi lõm quá nhiều ! Ngồi trên 1 chiếc xe 4 x 4 của Công Chánh, có lẽ vì anh tài xế chạy hơi nhanh nên cái đầu chúng tôi cứ bị nhảy cà tưng, đụng vào trần xe đau nhói. Nói thế tôi không có ý phê bình gì về kỹ thuật xa lộ của mình, chỉ muốn nói thật tình cái kỷ niệm của thời sinh viên công chánh ! Tình hình nước mình vừa được tạm yên sau năm 1955, sau Hiệp định Genève tạm ngưng chiến tranh giữa Việt Minh và Pháp. Lúc đó đường bộ kể cả đường xe lửa Bắc Nam chưa được giao thông bình thường, bị hư hại nặng vì bom đạn chiến tranh đang được tu sửa cũng cố. Hơn nữa Quốc lộ 1 lúc ấy còn là di sản của con đường mang tên thuộc địa số 1 do Pháp để lại, cần thêm thời gian để cải tiến và tân trang. Từ Sài Gòn ra Huế nghỉ hè đi xe lửa đến ga Diêu Trì phải xuống ngủ lại một đêm giữa trời, hôm sau chuyển tiếp tăng bo qua xe đò chạy đến Quảng Ngãi mới sang lại qua xe lửa. Đi đường như thế mất gần ba ngày thật vất vả, nhưng vì tuổi trẻ nên cũng dễ quen chịu đựng, và biết đâu lại không gặp những chuyện tình cờ lý thú ở dọc đường !

Trở lại chuyện xa lộ, tôi nhớ có nghe một Giáo sư nói ở nước người ta xa lộ chạy 100 km một giờ mệt nghỉ ! làm tôi khó tưởng tượng... Bây giờ ở nước người tôi mới thấy sự thật. Tôi vẫn ước mong ngày nào nước mình sẽ có những xa lộ khang trang rộng rãi, tối tân và thật “an toàn xa lộ” như ở Mỹ vậy.

Sacramento, mùa Xuân 1998

* nhớ lại danh từ của Giáo sư Thiêm dùng.

NHỚ VỀ NĂM HỌC KỸ SƯ CÔNG CHÁNH 1960 – 1964

Hồ Viết Phán

Nhân buổi họp mặt truyền thống của các bạn Kỹ Sư Công Chánh Khóa 64, xin gửi lời tâm sự đến các bạn đang làm việc ở nước ngoài.

Kể từ ngày nhập môn Trường Cao Đẳng Công Chánh Phú Thọ đến nay, thời gian đã 40 năm. Buổi họp mặt của các bạn Kỹ Sư đồng Khóa 64 tại Sài Gòn (tư gia bạn Hồ Viết Phán), một cơ hội quý báu, duy trì được truyền thống họp mặt hàng năm của anh em Kỹ Sư, năm nay mặt được chọn vào ngày đầu năm của thế kỷ 21 là ngày 01 tháng 01 năm 2000.

Số anh em còn lại tại Sài Gòn gồm: Phán, Tuyên, Vượng, Diệp, Lương và Trực; Số anh em đang công tác nước ngoài: Thiệp, Dục, Thọ, Tòng, Cương, Hà Hùng, Hùng Râu, Sử, Nghĩa, Dương Đen; một số anh em không còn nữa: Nam Dương, Thông, Châu và Nguyên.

Mặc dù anh em còn lại tại Sài Gòn chỉ đếm đầu ngón tay, nhưng vẫn họp mặt nhau để ôn lại những kỷ niệm xưa của thời sinh viên, nhớ lại những người bạn đồng khóa đang ở nước ngoài, nhớ lại các vị Thầy kính mến đã dạy dỗ anh em chúng ta trong 4 năm tại Trường Cao Đẳng Công Chánh:

Các Thầy dạy năm thứ nhất: Thầy Galois (Atelier). Thầy Sanson (Dessin Industrial). Thầy Đức (Dessin Graphique). Thầy Lê Kim Đính (Analyse). Thầy Chánh (Geo. Analytique). Thầy Nhẫn (Physique). Thầy Tăng (Résistance des Matériaux). Thầy Cửu (Francais). Thầy Du (Chimie Organique). Thầy Nhuưỡng (Interro. Math). Thầy Trương (Thermo dynamique).

Các Thầy dạy năm Thứ hai: Thầy Tuấn (Geo. Descriptive). Thầy Chánh (Méca-Ra).

Thầy Tăng (Résistance des Matériaux). Thầy Tú (Electricité). Thầy Dương (Optique). Thầy Renault (Electricité). Thầy Hưng (Travaux Pratiques Topo). Bà Đường (Travaux Practiques Chimie). Thầy Lê (Atelier). Thầy Vĩnh (Topo). Thầy Bé (Thermo dynamique). Thầy Đức (Architecture).

Các Thầy dạy năm thứ ba: Thầy Vaudiau (Pont, Route). Thầy Lê Sĩ Ngạc (Materiaux de Construction). Thầy Chánh (Statistique). Thầy Bạch (Irrigation). Thầy Khoan, Thầy Châu (Chemin de Fer). Thầy Hùng (Urbanisme). Cô Châu (Travaux Practiques Chimie). Thầy Ngọc (Topo). Thầy Hùng (Droit Administratif). Thầy Hào (Math). Thầy Trường (Meca Sol). Bác sĩ Lý (Hygiène). Thầy Brewster (Anglais).

Các Thầy dạy năm thứ tư: Thầy Vaudiau (Construction Métalique). Thầy Tạ Huyền (Air Port). Thầy Nhẫn (Hydraulique). Thầy Chiểu, Thầy Bửu Đôn (Beton). Thầy Siêu, Thầy Lê (Economie politique), Thầy Chánh (Probabilité), Thầy Sơn (Géologie), Thầy Trường (Meca Sol), Thầy Lân (Cấp Thủy).

Một số anh em của chúng ta trước đây và hơn lục tuần, sức khỏe không còn được như trước, nhưng y học hiện đại ngày nay có thể khắc phục được mọi trở ngại gây phiền phức cho cơ thể, chúng ta phải lạc quan tin tưởng điều đó và nhất là phải tự tin vào sức khỏe của bản thân mình và nhớ mãi lời giáo huấn mà Thầy Lê Sĩ Ngạc vẫn lập đi lập lại trong mỗi lần thầy đọc diễn văn nhân ngày khai giảng TTQGKT Phú Thọ “Một linh hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện”, Thầy muốn nhắc nhớ chúng ta phải luôn rèn

luyện cơ thể bằng cách tập thể dục (lúc còn trẻ) tập dưỡng sinh (lúc về già), sức khỏe sẽ rất tốt, kéo dài tuổi thọ.

Nhân dịp đầu năm mới Năm 2000, thay mặt toàn thể các gia đình ban đồng khóa 64 tại Việt Nam xin gửi đến các bạn đồng khóa ở nước ngoài những lời cầu chúc

tốt đẹp và gia quyến được an bình. Và rất mong gặp lại được các bạn cũ tại Sài Gòn. Nếu các bạn gặp lại được các vị Thầy cũ, xin các bạn chuyển lời kính thăm sức khỏe các Thầy và sự biết ơn của các học trò cũ đối với các Thầy.

VÀI NÉT PHÁC HỌA LỚP KỸ SƯ KHÓA 1960 - 1964

Nguyễn Thiệp

Thi tuyển: Kỳ thi tuyển Sinh Viên được tổ chức cho toàn miền Nam Việt Nam (vì tuyển 17 trở xuống). Bài thi gồm 4 môn, Toán, Vật Lý, Vẽ và Pháp văn. Có thi Pháp văn là vì thời kỳ này, chương trình được giảng dạy bởi các Giáo sư từ Pháp qua, và Giáo sư Việt cũng giảng bài bằng tiếng Pháp. Vì danh từ Khoa học tiếng Việt vào thời này chưa được san định cho bậc Đại học. Toán và Vật Lý thì ai cũng biết, môn Vẽ thì đa số thí sinh đều tưởng là Hội họa, khi vào thi mới biết là vẽ kỹ thuật. Nếu không hiểu lầm là hội họa thì có lẽ ít người dám nạp đơn đi thi. Đa số chúng tôi không dám thi vào Kỹ sư Công Nghệ, vì có bài thi kỹ nghệ Họa. Thật ra thì vẽ kỹ thuật hay kỹ nghệ họa cũng chỉ có vẽ mực cắt, mực bằng, mực nghiêng v.v... mà học xong chương trình Trung học là có thể vẽ được. Thi vào kỹ sư Điện thì có bài "Toán số" dùng bảng logarithm mà bọn trẻ thời đó tưởng là "bói toán". Bài thi chung cho cả ba ban Kỹ sư Công Chánh, Điện, Công Nghệ.

Trúng tuyển vào ban Công Chánh được 20 học viên, 15 người ban Công chánh và 5 người chọn ban Địa chánh. Sinh viên ban Địa chánh tự chọn vì có học bổng của Nhà Điện Địa cấp.

Sau đó, nhận thêm ba học viên vào

ngang, và 2 học viên bỏ học, có lẽ họ tìm được trường thích hợp hoàn cảnh hơn. Khi ra trường thì có 16 Công chánh và đủ 5 Địa chánh.

Học hành: Khóa này là khóa thứ 3 của chương trình mới. Chương trình mới này hai năm đầu học khoa học đại cương như Toán Lý Hóa và một số môn kỹ thuật cơ bản, Sức bền Vật liệu và Đo đạc, Vieng công trường. Hai năm đầu này thì chương trình ôm đodom và học đến hơn 45 giờ một tuần. Về Toán và Lý Hóa thì các Giáo sư bên trường Khoa Học qua dạy. Bởi vậy nên có khá nhiều Sinh viên Công Chánh thi đậu chứng chỉ Toán Lý Hóa, Cơ Học, Vật Lý đại cương trong hai năm đầu. Trong lúc các Sinh viên Khoa học cũng vất vả lắm mới giụt được mỗi năm một chứng chỉ, thế mà anh em Công Chánh có mấy người làm luôn 3 chứng chỉ trong hai năm đầu. Hai năm sau thì đi vào kỹ thuật chuyên môn như Đường, Cầu, Đất, Vật Liệu xây dựng, Phương pháp xây dựng, Sắt, Bêtông, Kiến trúc, Thủy lợi, Xây cất Phi trường, v.v... Về Đo đạc, trong 4 năm, năm nào cũng có học, ngoài thực tập đo đạc liên tiếp trong ba năm, có năm học luôn hai môn đo đạc. Một số Giáo sư chuyên môn từ Pháp qua dạy, như thầy Vaudiau, thầy Serge

Colombo, thầy Saussine, thầy Gaulois... Còn ra thì các Giáo sư Việt Nam đang làm việc cho các Bộ trong cơ quan chính quyền đến dạy. Chỉ có một số rất ít Giáo sư cơ bản của trường kiêm luôn chức vụ trong trường như thầy Lê Sĩ Ngạc, thầy Nguyễn Chánh... Ngôn ngữ dùng là tiếng Pháp, vì thời đó chưa san định danh từ kỹ thuật, giáo sư cũng như sinh viên không quen dùng danh từ. Chỉ có môn học vệ sinh là được giảng dạy bằng tiếng Việt do thầy Ngô Quang Lý.

Cả 3 môn Công chánh, Điện, Công nghệ học chung trong hai năm đầu, đồng đảo rất vui. Mỗi buổi học, có thầy Tư Nghiêm điểm danh, làm anh em ngạc nhiên, có cảm tưởng như đang học Trung học. Ba ban học chung nên phải học tại phòng chiếu phim của trường. Có cả giờ khảo hạch bài do Giáo sư Võ Văn Nhungle phụ trách môn Vật Lý, và Giáo sư Dương Kích Nhuưỡng phụ trách môn Toán. Vì sợ bị khảo bài nên các giờ này, anh em trốn học khá đông. Những giờ thực tập trong xưởng công nghệ là chán nhất, vì phải cắt dưa mài các khối thép ra những hình dáng và kích thước chính xác. Giờ thực tập đơ đạc là vui, vì ra giữa bãi rộng và khởi đầu giờ học rất sớm để tránh nắng làm sai chạy sự đơ đạc. Những buổi học đầu, anh em làm máy đo làm ống dòm, nhìn ra đường cái xem thiên hạ và nhìn các tà áo màu phết phơi xa xa. Giờ đi thăm công trường cũng vui, xe của trường chở đến các công ty sản xuất quanh Sài Gòn để sinh viên xem cách điều hành, sinh hoạt, tổ chức, như được chở đi chơi, xem cho biết mà thôi. Những môn như Toán, Vật lý, Khoa học, thì là "Nghề của chàng" anh nào cũng vốn là học sinh cù khôi của các trường Trung học. Đại đa số là học sinh đã được tuyển lựa, nên việc học cũng khá đồng đều, rất hiếm sinh viên yếu kém. Phải công nhận là chương trình khá ôm đodom. Nhiều anh nói rằng trước kia rất tự hào về cái giỏi của mình, nhưng vào đây mới thấy có nhiều người giỏi hơn. Liên tiếp trong ba năm, mỗi kỳ hè chúng tôi phải đi

thực tập tại các công tư sở trong vòng một tháng. Anh nào đi tập sự tại các cơ quan thuộc Bộ Công Chánh, đều được trả theo lương lao công, mỗi ngày 30 đồng. Đó chỉ là đặc ân của các đàn anh, chứ thực sự, chúng tôi chỉ làm được ích lợi chi cho các nơi mà chúng tôi tập sự. Nếu không nói là làm rộn thêm cho các viên chức. Nhân cơ hội này, chúng tôi thường chọn các tỉnh xa, đi nghỉ hè và nghỉ mát luôn thể. Vì có nhiều nơi cho mượn phòng tạm trú. Thường thì các cơ sở đối xử rất tốt đối với sinh viên đi thực tập. Trong hai năm đầu, thì dù chương trình nặng, nhưng bài vở thì đa số liên hệ đến Toán, Vật Lý, Khoa Học, nhưng cũng không mệt bằng hai năm cuối, vì hai năm cuối, ngoài bài học về Kỹ thuật bে bện ra, chúng tôi phải hoàn tất nhiều dự án rất tốn kém thì giờ nghiên cứu và thì giờ làm dự án. Các dự án như: Sức bền vật liệu, Kiến trúc, Thủy lợi, Cầu, Đường, có dự án làm liên miên cả tháng mới xong, và thức đêm dài dài. Có nhiều anh thức trắng cả tuần, mỗi đêm ngủ khoảng một tiếng đồng hồ mà thôi, có anh thức đêm quá, mệt xỉu ngay trong lớp.

Đời Sống Sinh Viên: Trường ốc tọa lạc gần trường đua Phú Thọ, đối diện trường là cư xá Lữ Gia, một bên là trại lính, một bên là đài phát tuyến, sau lưng là trại Công Bình Đào Duy Từ. Ba tòa nhà song song tọa lạc chéch nhau. Trường Điện ngoài cùng, đến trường Công Nghệ có trường Hàng Hải học chung, cuối cùng là trường Công Chánh dài và cao ba tầng. Sau trường Công Chánh là hai cơ xưởng thực tập của anh em Công Nghệ. Vào thời 1960, đường xá chưa đồng xe, và hệ thống xe buýt khá đều đặn và tiện lợi. Anh em đi học đa số bằng xe gắn máy, người có xe hơi là Tô Ngọc Sử, một số sinh viên khác thì đi xe đạp. Khoảng 50% là sinh viên ở các tỉnh xa về học. Một số thì ở trong cư xá Đại học, một số ở trọ bên ngoài, một số gọi là "ở lậu" trong trường. Ngày thì học, đêm mở ghế bố ra ngủ trên hành lang. Nhóm

này đa số là sinh viên miền Trung vào Sài Gòn học. Gọi là ở lâu, vì không có phép của trường, có lẽ Ban Giám đốc biết, nhưng thương hoàn cảnh khó khăn mà ham học của sinh viên nên làm lơ. Sau này nhiều anh em nhắc lại mà còn cảm động về lòng tử tế của các thầy Giám đốc. Cư xá Đại học dạo đó không cho sinh viên Phú Thọ ở, vì TTQGKT không thuộc viện Đại học Sài Gòn, nhưng chúng tôi cứ ở đại theo lối anh truyền em nối mà Ban quản trị cư xá cũng không muốn gây lôi thôi với sinh viên, thà hợp thức hóa cho chúng còn hơn là không quản trị được. Một số anh em khác thuê phòng và ăn cơm tháng tại cư xá Lữ Gia bên cạnh trường đua Phú Thọ.

Mỗi ngày học hai buổi, sinh viên có gia đình thì trưa chạy về nhà ăn cơm, sinh viên ở xa thì ăn cơm bán tại nhà các bác cai trường, như bác Mô bên trường Điện, bác Mạnh bên trường Công Chánh. Cơm cũng ngon và rẻ, vì không rẻ thì sinh viên kiếm đâu ra tiền mà ăn. Sinh viên ở Đại học xá Minh Mạng thì về cư xá ăn. Mua vé cơm 10 đồng một bữa, cứ đủ bốn người là ngồi vào mâm. Quán cơm do đại diện sinh viên quản trị, xin được phần gạo của Bộ Xã Hội, còn thức ăn thì tự lo lấy. Trong bốn năm cư ngụ tại cư xá Đại học Minh Mạng, vé cơm vẫn giữ ở 10 đồng, không tăng mà chất lượng cũng không giảm bao nhiêu. (Lương công nhân lao động chừng 30 đồng một ngày). Tại cư xá sinh viên, có ông thợ giặt đến lấy quần áo vào buổi trưa, giá cả phải chăng, mà sinh viên có thể dài thọ được. Vào thời gian chưa bận thi cử, cứ vài chủ nhật chúng tôi rủ nhau đi về phố xem chiếu bóng. Đi chung Taxi 4 người, vé chiếu bóng từ 5 đến 10 đồng tùy theo rạp sang hay thường. Vào thời 1960, 1961 có khi chúng tôi rủ nhau đi phòng trà nghe ca nhạc, những ca sĩ thời danh dạo đó là Thanh Thúy, Lê Thanh, Bích Chiêu, Thái Thanh, Mai Hương, v.v... Giá ca nhạc phòng trà chừng 20 đồng, bằng hai bữa cơm Đại học xá. Xe buýt thì giá 1 đồng cho sinh viên,

học sinh thì hình như được miễn phí. Một số sinh viên ở xa về Sài Gòn học thì khá tốn kém, nhưng thời đó, có một số anh em không đủ tiền ăn học, thì phải đi dạy kèm thêm để kiếm sống. Việc dạy kèm có hai loại, một loại là ăn ở luôn nhà người học trò. Nhiều gia đình rất kính trọng và tử tế với các thầy dạy kèm, vì “muốn con hay chữ thì phải yêu mến thầy”. Nhưng cũng có nhiều nhà không được té nhị, xem thầy giáo dạy kèm như kẻ ăn người ở trong nhà, sai chạy đi mua đồ lặt vặt, đi mua cục nước đá ngay giữa bữa cơm, nhờ làm những việc lao động không phải nhiệm vụ của một người dạy kèm. Loại thứ hai là mỗi tuần đến dạy kèm và giảng giải những bài vở mà người được kèm chưa hiểu rõ. Nhiều gia đình thời đó mời thầy dạy kèm cho con để chọn rể, vì dù sao các chàng cũng là sinh viên đại học, có tương lai. Thời chúng tôi thì chỉ có ba sinh viên được học bổng của Bộ Công Chánh, hai ngàn đồng mỗi tháng, dư ăn tiêu, vì lương lao động chỉ có 900 đồng mỗi tháng mà thôi. Năm sinh viên ban Địa Chánh đều có học bổng của Tổng Nha Điện Địa Cấp. Phần còn lại, thì có vài học bổng của tư nhân, do các công ty tư giúp, gọi là vay danh dự, sau này ra trường thì trả lại, nhưng không biết có ai trả lại hay không. Các hãng lớn thì học bổng từ 1500 đến 2000 đồng, các hãng nhỏ thì 750 đồng mỗi tháng. Học bổng của Bộ Quốc Gia Giáo Dục thì toàn phần 700 đồng, bán phần thì 350 đồng, nhưng ít người được loại học bổng này. Khi chúng tôi học năm thứ ba, vào năm 1962, 1963 thì khu Kỹ Nghệ An Hòa Nông Sơn tuyển trước 5 sinh viên, cấp học bổng 2000 đồng mỗi tháng, sau này ra trường thì phải làm cho cơ quan này. Với 2000 đồng học bổng, thì ăn tiêu dư giả, nhất là sinh viên ăn cơm cha mẹ đi học. Sinh viên ở cư xá Đại học cũng khỏi phải trả tiền nhà, tiền điện nước. Anh em Công Chánh khóa tôi ở cư xá Đại học Minh Mạng khá đông, gồm Hồ Viết Phán, Huỳnh Mộng Tuyên, Nguyễn Thanh Hùng, Dương Đen,

Trình Hữu Dục, Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thiệp. Học chung lớp, ở chung đồng đảo, rất vui và rất tiện khi cần tham khảo bài vở. Phải công nhận vào thời đó, đa số chúng tôi đều học hành chăm chỉ, và có thể nói là học như điên, không kể gì đến sức khoẻ. Đa số sinh viên kỹ thuật dạo đó đều chưa có, hoặc chưa quen bạn gái, nhưng cũng có anh Phạm Văn Lương đã có vợ rồi, nhưng dấu cho đến khi ra trường mới tiết lộ. Một số nhỏ khác, đã có bạn gái, như anh Phan Đình Chỉ, sinh viên ban Điện, tôi nhớ dạo đó vào năm thứ nhất, mới học được ba bốn tháng, một buổi sáng cùng tôi dựa lan can hàng hiên nói chuyện tầm phào mưa nắng, anh Chỉ nói chiều nay sẽ trốn học đi có công chuyện. Hôm sau, chúng tôi bàng hoàng biết anh bị cô bạn gái bắn chết tại suối Lô Ô vào chiều hôm trước. Theo bạn bè kể lại, thì cô bạn này yêu cầu anh chở cô đi chơi một lần cuối rồi sau đó chia tay. Hình như hai gia đình quen thân nhau, nên gia đình anh Chỉ không kiện, và cô bạn gái chỉ bị tù ngắn hạn, sau này tôi nghe cô đổi tên và lấy chồng định cư tại California. Vào khoảng năm thứ hai, thì anh Tô Ngọc Sử cũng lập gia đình. Còn đa số chúng tôi thì đều “mồ côi” bạn gái cho đến khi lập gia đình. Có bạn vẫn còn độc thân cho đến tuổi gần 60.

Môi Trường Xã Hội: Vào khoảng 1960 thì miền Bắc bắt đầu cuộc chiến tranh giải phóng, đánh du kích, giết các viên chức xã áp, xâm nhập quân từ miền Bắc vào Nam. Tình hình bất an tại nhiều miền quê xa xôi, và các miền rừng núi. Năm 1961 chúng tôi nghe súng nổ và rú nhau lên phố Sài Gòn xem đánh nhau. Đại tá Nguyễn Chánh Thi làm đảo chánh. Chúng tôi thấy xe tăng cháy nham ngoài vòng rào dinh Độc Lập. Hôm sau quân của Đại tá Trần Thiện Khiêm kéo về từ vùng Mỹ Tho, chúng tôi hỏi các sĩ quan trong đoàn quân là theo phe nào, thì họ bảo chưa biết. Có lẽ họ sẽ theo phe nào thắng thế. Cuộc đảo chánh không thành, nhưng

như một tiếng chuông đánh thức chúng tôi dậy trong giấc ngủ dài. Phải công nhận, có một số không ít dân chúng chán ngán chế độ, vì những khiếm khuyết trong xã hội, nhưng cũng còn một số khác ủng hộ chế độ.

Đến năm 1963 thì đã có những trận đánh lớn, và tình hình chiến sự khá sôi động. Vào lúc này, thì xảy ra vụ Phật Giáo miền Trung. Phật Giáo thì cho rằng chính quyền kỳ thị và đàn áp tôn giáo. Có lẽ chính quyền có dành nhiều dễ dãi đặc biệt cho đạo Chúa, và cũng có một số nhỏ Linh mục làm những điều lạm quyền. Nhưng vấn đề không trầm trọng như hồi kết thúc của sự việc là anh em Tổng thống Ngô Đình Diệm bị giết chết. Vào giữa hè 1963, tôi đi ngang qua góc đường Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng, thấy Thượng tọa Thích Quang Đức tự thiêu ngay giữa ngã tư. Tôi đứng trên thềm rạp hát Nam Quan, ngay ngã tư nên thấy rất rõ. Mối quan hệ giữa chính quyền và Phật Giáo trở thành rất căng thẳng. Hai tuần sau, đám tang Thượng tọa đi về phía Phú Lâm dọc theo đường Phan Thanh Giản, trong lúc cảnh sát đang dẹp dân chúng đứng dọc theo lề đường, hai bên ném đá và hơi cay mắt, tôi lại vô tình đi bộ ngang qua, cảnh sát đã chiến ném cổ tôi đè xuống, tôi phản đối vì bị bắt oan, thì bị đánh đập túi bụi và bị giam vào Tổng Nha Cảnh Sát hai tuần, nhờ có cuộc thương lượng giữa phái đoàn Phật giáo với chính quyền mà tất cả những người bị bắt được thả ra. Tôi không phải Phật giáo, và chẳng theo Phật giáo bao giờ. Nhưng lần bị bắt này làm tôi có ác cảm hơn với chính quyền và lờ mờ thấy có sự đàn áp nào đó thực sự chứ không phải phe Phật giáo dựng đứng câu chuyện. Vào những tháng đầu tiên học năm 1963, một số sinh viên Phật tử, thỉnh thoảng đem truyền đơn kêu gọi của Phật giáo vào lớp, chúng tôi cũng không chú ý lắm, vì lo bài học. Nhưng khi chính quyền tấn công vào các Chùa, bắt hết các Sư Sãi trong đêm khuya, thì chúng tôi bất bình thực sự. Buổi chiều, có giờ học cụ Trần Văn Ngoc,

anh em trong lớp tôi xin cụ được nghỉ học để chia buồn cùng Phật giáo. Đó là cái ngòi bâi khóa đầu tiên sau chín năm dưới chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa. Chúng tôi đi các lớp khác kêu gọi, và được các sinh viên khác e dè hưởng ứng, vì chưa ai biết chắc hậu quả gì sẽ xảy ra. Bâi khóa từ Phú Thọ, lan ra các Đại học khác. Nhóm sinh viên khởi đầu cuộc bâi khóa như chúng tôi không về nhà, đi tìm chỗ tạm trú. Những sinh viên không hề dính dáng chi với bâi khóa, xách động, thì yên chí lớn ở lại cư xá Đại học. Nửa đêm, cảnh sát bao vây bắt hết, và có anh bị đánh đập, giam vào tù cho đến ngày 01 tháng 11 năm 1963, khi Tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ mới được thả ra. Vào thời kỳ này mấy tháng trước khi đảo chánh, sinh viên tất cả các ngành đều bị chính quyền chiếu cố rất kỹ, các trạm kiểm soát di động dọc đường, cứ thấy ai loli thẻ sinh viên ra là bắt nhốt, không cần biết đương sự có chống đối chính quyền hay không. Khi nghe tin đảo chánh thành công, đa số chúng tôi đều thở phào, nhẹ người. Sau này, được sống dưới chế độ bạo tàn khắc nghiệt, chúng tôi mới biết rằng, dù có nhiều khiếm khuyết, nhưng chế độ đó cũng không đến nỗi nào. Sau năm 1964, là một thời kỳ đảo chánh liên miên, tình hình chính trị bất ổn. Miền Bắc càng đẩy mạnh chiến tranh, và quân Mỹ đổ vào Việt Nam để chống đỡ cho miền Nam khỏi bị thua trận.

Nhiệm Sở Đầu Tiên: Chúng tôi tốt nghiệp Kỹ sư vào giữa năm 1964. Chỉ vài tháng sau là chúng tôi đều được tuyển dụng, không phải chạy đôn đáo xin việc mệt nhọc. Anh Trình Hữu Dục, Nguyễn Hữu Thọ, Đỗ Hữu Minh Châu thì về làm cho Tổng Nha Diên Địa. Phạm Hữu Nghĩa, Huỳnh Mộng Tuyên, Trần Đình Vương, Tôn Thất Diệp thì về Tổng Nha Kiến Thiết, Trần Như Thông, Phạm Thái Nguyên về Kiều Lộ, Trần Văn Hà về Hỏa Xa, Lê Thanh Tòng, Nguyễn Ngọc Cương, Nguyễn Thành Hùng, Lê Trọng Trực

về Điện Lực, Nguyễn Quốc Bảo, Lê Nghiêm Hùng về công ty tư Eiffel, Tô Ngọc Sứ về bộ Kinh Tế, Hồ Viết Phán, Dương Đen, Vương Nam Dương, Phạm Văn Lương, Nguyễn Thiệp về khu Kỹ Nghệ An Hòa thuộc bộ Kinh tế. Đó là các cơ quan đầu tiên chúng tôi phục vụ, sau này chúng tôi thay đổi nơi làm việc qua nhiều nơi khác trong vòng hơn 11 năm thì miền Nam Việt Nam mất. Chiến tranh đạo này sôi động khủng khiếp. Mỹ dội bom Bắc Việt. Chúng tôi bị đe dọa đưa đi lính, nhưng nhờ các chức vụ dân sự, và sự cần thiết cho nền kinh tế hậu phương nên được tạm hoãn từng 6 tháng một. Việc tạm hoãn này là một lá bùa ấm tà mà một số cấp chỉ huy của chúng tôi dùng để đe dọa chúng tôi, buộc phục tòng.

Nhận Định Chủ Quan: Mục tiêu của các trường Đại học là trang bị cho sinh viên một mớ kiến thức tổng quát để sau này ra làm việc kỹ thuật. Trường lớn hay trường nhỏ, đều chỉ rán hé cánh cửa của khung trời kỹ thuật và chỉ cho sinh viên biết cái gì ra sao, ở nơi nào, sự vận hành, lý thuyết... chứ không thể đi vào chi tiết thực tế được. Và khi cần, thì đọc sách chuyên môn đào sâu vấn đề, mà có thể nắm vững dễ dàng. Sau này, tôi đã làm việc với nhiều Kỹ sư nguồn gốc từ nhiều quốc gia khác nhau, và tốt nghiệp từ các trường lớn, trường nhỏ khác nhau, thì tôi thấy trường Công Chánh đã đào tạo và trang bị cho chúng tôi những kiến thức kỹ thuật đủ, để chúng tôi không thua sút ai trên bình diện kỹ thuật trong lúc lập những hồ sơ dự án. Nói tóm lại, tôi thấy trường Công Chánh đã đạt mục tiêu đào tạo Kỹ sư có khả năng kỹ thuật để làm việc.

Ai Còn Ai Mất: Đến nay, năm 1998 đã có 4 bạn về với cát bụi. Trần Như Thông cùng vợ và 4 con chết trên đường đi tìm tự do. Vương Nam Dương cùng 2 con trai cũng mất tích trên biển Đông. Đỗ Hữu Minh Châu chết

trong lúc mổ tim tại Mỹ vào năm 1984 khi anh vừa đến đất tự do chưa tròn một năm. Phạm Thái Nguyên mất năm 1997 vì bệnh tại Sài Gòn, Phán, Tuyên, Vượng, Diệp, Trực,

Lương, còn ở lại Sài Gòn. Đen, Bảo thì định cư tại Pháp. Hà, Sử thì ở Canada. Tòng Cương ở Florida, Thanh Hùng ở Texas, Nghiêm Hùng, Thọ Dục, Thiệp ở California.

BA MUỖI NĂM NHÌN LẠI 1968 - 1998

Nguyễn Quang Cách

Khóa 11 Kỹ sư Công Chánh và Địa Chánh nhập học vào năm 1968, đến 4 năm sau năm 1972 thì tốt nghiệp. Mới đây mà đã ba mươi năm trôi qua rồi. Từ ngày đầu 40 sinh viên ban Công chánh, 10 sinh viên ban Địa chánh cùng 2 sĩ quan Công binh do bộ Quốc Phòng gửi sang học để đào tạo Kỹ sư cho Cục Công binh, đến lúc tốt nghiệp thì chỉ còn 36 anh Kỹ sư Công chánh và 8 Kỹ sư Địa chánh mà thôi, vài người đi du học, chuyển trường hoặc đi lính trước khi tốt nghiệp.

Thời gian học 4 năm của khóa 11 là quãng thời gian có nhiều biến động lịch sử của Việt Nam đáng nhớ. Bắt đầu sau biến cố Mậu Thân, chiến tranh khốc liệt, hội nghị Ba lê về Hòa bình Việt Nam bắt đầu nhóm họp, chúng tôi vào trường với nhiều hy vọng và ước mơ rằng 4 năm sau ra trường, nước nhà sẽ có hòa bình, và chúng tôi sẽ có nhiều cơ hội phục vụ đất nước, xây dựng lại quê hương sau nhiều năm chiến tranh.

Nhưng hòa đàm thì cứ kéo dài, chiến tranh cứ leo thang, cho đến lúc chúng tôi tốt nghiệp năm 1972 cũng là lúc hiệp định Ba lê được các bên ký kết trên giấy tờ, nhưng chiến tranh lại khốc liệt hơn với Mùa Hè đó

lửa, nhiều anh em tới tuổi bị động viên không kịp thời gian để chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp. Tuy vậy, chúng tôi vẫn cố gắng hoàn tất việc học, giúp đỡ nhau ôn bài và thi tốt nghiệp một cách đàng hoàng và rất may là không ai rớt cả.

Kiểm điểm lại đã ba mươi năm trôi qua, kể cả bốn năm học có nhiều chuyện đáng ghi nhớ lắm. Chúng tôi ghi lại đây những gì có vẻ tiêu biểu nhất mà thôi. Trước hết điểm qua số thí sinh trúng tuyển vào trường thì có đủ thành phần như vừa tốt nghiệp Tú tài 2 xong, một số từ trên Đại học Khoa học đã có dự bị Toán Lý thi xuống, có vài anh đã lặn lội qua vài năm ở các Phân khoa Đại học, có anh lại từ Ban Cán sự thi lên, chúng tôi gọi là Kỹ sư bảy năm, vì học tất cả bảy năm ở trường (ba năm Cán sự và bốn năm Kỹ sư), hai anh lớn tuổi là Đại úy của Cục Công binh gửi sang học, chúng tôi gọi là hai anh cả, thấy các anh sướng lắm, vừa đi học vừa lãnh lương Đại úy khoẻ thật, đặc biệt khóa 11 có một chị trúng tuyển vào học, chị rất giỏi và liều mạng hơn phái nam, chị đã đậu Dự bị Toán Lý Hóa bên Khoa học rồi, nhưng vào trường Công Chánh một mình, một cõi nữ bốn năm như vậy kể cũng liều

mạng thật, chúng tôi học và vui chơi theo từng nhóm, chứ chỉ thi một mình, một bàn mà học hành thi cử chỉ chả thua ai. Sau này khi tốt nghiệp ra làm việc cho Tổng Cục Phát triển Gia cư với chức vụ Kỹ sư tính toán bê tông cốt thép, chị đã chứng tỏ khả năng rất vững vàng, nữ giới dễ có mấy người được như chị.

Về đại diện các địa phương, chúng tôi gồm đủ các thành phần ưu tú của các nơi trên đất nước: Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Tuy Hòa, Nha Trang, Đà Lạt, Phan Thiết, Tây Ninh, Châu Đốc, Gò Công, Cần Thơ, Long An, Vũng Tàu nhưng nhiều nhất vẫn là dân Sài Gòn, có lẽ nhờ là Trung tâm Thủ đô có nhiều trường tốt, Giáo sư giỏi, Trung tâm luyện thi nên số anh em đậu nhiều hơn.

Khóa 11 cũng là bắt đầu số thí sinh trúng tuyển được nâng lên 40 cho Ban Công chánh thay vì 25 người thôi nhờ quyết định của ông Tân Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục là Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Minh Trí. Tôi là số may mắn trong nhóm 15 thí sinh được lấy thêm này, rất tiếc là vị Bộ trưởng này đã bị ám sát sau đó mấy tháng. Học trình bốn năm lúc đầu mới vào thì thấy dài, nhưng học được hai năm đầu rồi thì thấy mau lăm, ngày tốt nghiệp gần kề, không còn xa lăm, tương lai có thể nhìn thấy được rồi.

Chương trình học gồm phần lớn năm thứ nhất là những môn học Khoa học Áp dụng, học chung với các sinh viên trường Điện, trừ vài môn như Hình học Họa hình, Vẽ kỹ thuật Công chánh thì học riêng. Đến năm thứ hai phân nửa thời gian còn học chung với sinh viên trường Điện, chúng tôi đã bắt đầu học những môn căn bản cho ngành Công chánh như Thủy lực 1, Sức chịu đựng của vật liệu, Địa hình căn bản, Tính học và Động học cho Cơ học và Thực tập Địa hình, Thống kê Toán học. Đến năm thứ ba, thì ban Địa chánh cũng tách học riêng. Ban Công

chánh bắt đầu những môn chính cho mình như Thủy lực 2, Sức chịu Vật liệu, Đường xá, Cơ học Địa chất và Nền Móng, Bêtông cốt sắt, Thủy tinh (Hydrology), Vật liệu và Phương pháp Xây cất, Luật lệ Hành chánh, và các môn thực tập về ngành Công chánh như Địa cơ đất, Bêtông nhựa, Thủy lực, Đo đạc địa hình. Anh em Địa chánh cũng có chương trình học chuyên biệt riêng. Đến năm thứ tư thì hoàn toàn chuyên môn các môn học gồm Bêtông áp dụng, Cầu cống, Thiết kế Đô thị, Kiến trúc Thép, Hải Công, Thủy Nông, Thủy Vận, Cấp Thủy, Căn cứ Hàng Không, Hỏa Xa, Kiến tạo, Quản trị Xí nghiệp và các dự án ra trường. Một chương trình như vậy, có thể nói là rất rộng, trải qua đủ các ngành, cộng thêm trình độ sinh viên lúc vào trường, phần lớn là các học sinh, sinh viên ưu tú cho nên sau khi tốt nghiệp đa số đều rất khéo, có thể vào làm ở các cơ quan công cũng như tư sở, hoặc tiếp tục học lên Cao học ở các trường ngoại quốc nếu được du học. Chúng tôi vẫn tự hào là kỹ sư tốt nghiệp ở trường CDCC trình độ không thua kỹ sư tốt nghiệp ở bất cứ Đại học nào, điều đó đã được chứng minh cho tới bây giờ. Có nhiều bạn bè cùng lớp với chúng tôi bây giờ có các địa vị khá tại Mỹ và Úc hoặc ở lại quê nhà cũng vậy. Bốn năm học cũng để lại cho chúng tôi nhiều kỷ niệm đáng nhớ về các vị Giáo sư của Trường.

Năm thứ nhất, quyền sinh sát nằm trong tay Giáo sư Võ Thế Hào. Giáo sư là một Tiến sĩ Toán rất có tiếng tăm và giỏi khoa Sư phạm, ông là Giám đốc chương trình học của các môn Khoa học Áp dụng, chúng tôi lại học chung với anh em trường Điện, đa số rất chăm học, hơn hẳn các bạn Công chánh. Giáo sư hay bắt anh em lên bảng giải những phương trình giải tích khó khăn, có anh không giải nổi, hoặc không chuẩn bị trước, Giáo sư đập bàn và hay hỏi câu này:

"Anh vào đây bằng cửa nào?" ngụ ý là thi đậu vào hay nhờ có tiền hay quyền thế mà được vào, vì lúc ấy mỗi năm cũng có vài ba sinh viên vào được nhờ có tiền hoặc thế lực, anh nào bị hỏi vậy thì sợ lắm. Giáo sư có tiếng đánh rớt sinh viên ghê lắm, trước đó hai năm trong số 25 thí sinh năm thứ nhất thi lên năm thứ hai thì 12 sinh viên đã rớt, chỉ có 13 được lên, do vậy trường phải tổ chức khóa thi đặc biệt cho các sinh viên có chứng chỉ Toán Lý thi vào năm thứ hai. Cuối năm mà thi rớt là xem như cuộc đời thay đổi hoàn toàn, xếp bút nghiên đi Thủ Đức nên ai cũng ngán Giáo sư Võ Thế Hào.

Năm thứ hai bắt đầu học hai môn của Giáo sư Nguyễn Ngọc Thịnh, Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh. Giáo sư phụ trách Thủy lực học (Hydraulic) và Thống kê Toán học, hai môn học tương đối khó, lại thêm lúc đó chúng tôi không có đủ sách hướng dẫn. Thầy dạy sao, ghi chép vậy, không có cours, nên cuối năm thi không anh em nào làm được bài cả, lo sợ lắm, thầy là Giám đốc trường, có quyền quyết định tối hậu, thi cử thế này đi lính như chơi. Nhưng bề ngoài trông thầy như vậy, nhưng thầy lại thương anh em nên cho thi lại và anh em cũng làm được đôi chút khá hơn lần đầu, và đặc biệt một anh là Lâm Bình Bắc làm bài xuất sắc nhất thầy cho 25/20 và ghi chú một bên là "Tôi nói: Hai mươi lăm trên hai mươi".

Giáo sư Trịnh Ngọc Răng, Phó Giám đốc trường cũng có nhiều đặc điểm. Thầy rất gần gũi sinh viên, giúp đỡ nhiều anh em lắm. Thầy phụ trách môn Địa hình chưa học được bao lâu thì thầy được học bổng đi tu nghiệp Tiến sĩ Kỹ sư, quá bận rộn nhưng thầy vẫn phải cho thi cuối khóa, để thi thầy ra chỉ một câu hỏi: "Các anh đã học được gì ở môn Địa hình?". Ai cũng cố gắng tóm tắt toàn cours học thầy phát, người dài kẻ ngắn, nhưng cuối cùng anh Nguyễn Sĩ Khiêm khôn

nhất trả lời chỉ một hàng là được 18 điểm, lý do hết sức đơn giản là thầy không có giờ để chấm bài.

Qua năm thứ ba, chúng tôi học môn Đường xá với Giáo sư Phan Ngọc Thể, Giáo sư cũng để lại cho chúng tôi nhiều ấn tượng. Giáo sư là Giám đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, đậu Tiến sĩ Kỹ sư (Ph.D) ở Mỹ về rất sớm, tuy làm Giáo sư Giám đốc Trung Tâm, thầy lại có phong thái như một nhà tu hành, không mấy khi thầy dùng chiếc xe du lịch của chính phủ cấp để đi đến trường cả, chỉ thấy thầy dùng chiếc xe đạp, tới trường cột vào gốc cây, thầy dạy học có bao nhiêu lương thầy cho ban Thể thao mua sắm dụng cụ thể thao hết, nghe nói thầy có làm Kỹ sư cố vấn cho RMK là hãng thầu xây cất của Mỹ hồi đó, tài liệu học thầy in và phát không cho sinh viên. Thầy rất có uy tín trong Ban Giáo sư và Bộ Giáo Dục, tuy vậy thầy không thích quan chức nên thầy từ chức Giám đốc, mà chỉ làm Giáo sư thôi, để tập trung về chuyên môn hơn.

Đến năm 1972, chúng tôi thi tốt nghiệp xong, một số phải đi lính ngay vì đã có lệnh gọi nhập ngũ. Một số còn lại không biết ra sao, muốn tiếp tục hoàn dịch vài năm nữa vì lúc ấy chiến tranh khốc liệt lắm, bèn kiếm cách học lên bên Đại học Khoa học, cho một chương trình là Tiến sĩ Kỹ sư gì đó, điều kiện ghi danh là phải có bằng Kỹ sư và phải có hai Giáo sư Tiến sĩ bảo trợ. Anh em lo lắng làm sao có hai vị Giáo sư Tiến sĩ ký giấy. Có nhiều Giáo sư sợ trách nhiệm từ chối, vì biết trước các anh ghi danh nhưng chắc là không học đâu, lo đi làm đà, ghi danh để được thêm hai năm hoàn dịch thôi. Giáo sư Phan Ngọc Thể đã sẵn sàng ký tất cả cho các anh em tôi khi có yêu cầu, ai tới nhà thầy là thầy biết trước và thầy ký ngay, tôi đã được thầy ký vào đơn khi thầy đang lom khom trồng lại mấy cây chuối trong

vườn. Quan niệm thầy rất đơn giản, thầy bảo rằng ký tên bảo trợ có mất gì đâu, sau này đôi khi xứ sở có thêm vài Tiến sĩ Kỹ sư không chứng.

Sau năm 1975 thầy còn ở lại Việt Nam, lập một nhóm thử nghiệm Địa cơ tư vụ, sau đó nghe nói thầy đã qua Pháp. Không hiểu bấy giờ thầy ở đâu. Thầy là một người đặc biệt, học cao, có bằng Ph.D tại Mỹ, lại không thích danh lợi và khi đi ra nước ngoài lại qua Pháp chứ không qua Mỹ. Ngoài một số Giáo sư chính thức của Trường, Trường cũng mời rất nhiều Giáo sư mà phần lớn tốt nghiệp ở trường Kỹ sư Kiều lộ Pháp, đang đảm trách các chức vụ lớn trong Bộ Công Chánh đến dạy, các vị Giáo sư này đã để lại cho chúng tôi rất nhiều ấn tượng về trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, và phong thái của cấp lãnh đạo. Trong số các thầy gồm Giáo sư Phan Đình Tăng, Tổng Giám đốc Kiều lộ, phụ trách môn Sức bền vật liệu. Giáo sư Bửu Đôn, Bộ trưởng, phụ trách môn Bêtông cốt thép. Giáo sư Tôn Thất Đổng phụ trách Thiết kế Cầu. Giáo sư Nguyễn Xuân Đức, Tổng Giám đốc Kiến Thiết, phụ trách môn Kim khí tạo tác. Giáo sư Nguyễn Đức Súy, Nha Căn cứ Hàng không, phụ trách môn Phi trường. Giáo sư Nguyễn Thanh Diệp, Giám đốc Kỹ thuật Hàng không Việt Nam, phụ trách môn Cơ học. Kiến trúc sư Đoàn Hữu Khải, Giám đốc Thiết kế Đô thị, phụ trách môn Thiết kế Đô thị. Các vị Giáo sư này vừa giỏi kiến thức, vừa nhiều kinh nghiệm nên chúng tôi học hỏi được rất nhiều, để áp dụng sau ngày ra trường.

Bắt đầu vào trường, thầy bốn năm học dài lăm. Nhưng khi lên năm thứ ba, thì cảm giác bốn năm lại quá mau. Từ mái Trường Công Chánh, chúng tôi như anh em trong một đại gia đình bắt đầu đủ lông đủ cánh, tung đi khắp nơi với ước mong phục vụ đất nước và trả nợ sách đèn cho gia đình sau

nhiều năm vất vả học tập, gia đình phải hỗ trợ và hy sinh rất lớn, để chúng tôi có được mãnh bằng Kỹ sư trong tay. Tuy vậy một số anh em vẫn không được toại nguyện là vì vào đầu năm 1972, chiến tranh lại khốc liệt hơn, Cộng sản tấn công chiếm Quảng Trị và đe dọa Huế, chính phủ đã ra lệnh Tổng động viên trước ngày thi tốt nghiệp. Anh em hết sức thất vọng, hết còn tâm trí để học hành, tuy vậy Trường vẫn tổ chức thi tốt nghiệp, các sinh viên cũng phải cố gắng thi cử đàng hoàng, và các Giáo sư cũng không nỡ nào nặng tay đánh rớt ai nén tất cả đều được chấm đậu, và một số đã lên đường nhập ngũ sau đó không lâu. Buổi lễ ra trường năm đó, cũng được tổ chức long trọng lăm, một khán dài lộ thiên làm trên nền Sân vận động Trung tâm, trang hoàng kĩ lưỡng, và lễ phát văn bằng được sự chủ tọa của ông Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục Ngô Khắc Tỉnh và các giới chức cao cấp của Bộ và Ban Giám đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ. Nhiều anh em có gia đình lân cận Sài Gòn, mời cha mẹ và thân nhân đến dự lễ rất đông, chứng kiến phút vui mừng và hạnh diện lúc được gọi lên nhận bằng Kỹ sư từ tay ông Bộ trưởng trao. Tôi không được hân hạnh đó, vì gia đình quá xa chỉ sau đó mang tấm hình chụp được về khoe với cha mẹ và gia đình lúc tôi đang nhận bằng Kỹ sư mà thôi.

Về sinh hoạt học tập anh em trong suốt bốn năm cũng có nhiều chuyện đáng nhớ, sau một thời gian ngắn, làm quen, hiểu biết nhau, chúng tôi thường sinh hoạt học tập vui chơi với nhau thành từng nhóm, chỉ có duy nhất chị Nhỏ là đơn độc một mình như đã nói ở trên. Học hành hỗ trợ nhau, chúng tôi cảm thấy yên tâm hơn nhất là những giờ thực tập hay làm dự án cuối những môn học năm thứ ba, tư. Anh khá giúp anh yếu nên ai cũng học được, không có gì trớ

ngại, lại thêm gần gũi giữa Giáo sư và Sinh viên làm cho việc học cũng dễ dàng hơn, vì số sinh viên rất ít nên các Giáo sư biết rõ từng người. Nhất là các Giáo sư hiện giữ các chức vụ quan trọng ở Bộ Công Chánh, rất tận tụy truyền lại kiến thức cho sinh viên và lại rất dễ dãi khi tới kỳ thi cuối khóa học.

Xong năm thứ ba, một số anh em xin thực tập để làm quen tại một số cơ quan, được các vị này giúp đỡ rất nhiều, như tìm điều kiện để có được chi phí du di cho sinh viên thực tập bằng kinh phí công trường hay trả lương như là một nhân viên cấp thấp. Tôi và hai bạn cùng lớp có được một tháng học tập làm quen tại Sài Gòn Thủy Cục và đã được lãnh lương của một Cán sự Công chánh lúc đó. Một số tiền có được rất lớn đối với một sinh viên hồi đó. Suốt bốn năm cùng học, cùng sinh hoạt dưới mái Trường như vậy, cho nên cũng có vài anh em để lại nhiều kỷ niệm đáng nhớ.

Trước hết là chị Nhỏ, như nói ở trên, vào lớp chị ngồi một mình một bàn đầu, học hành chăm chỉ, nhưng đặc biệt chị là người Nam, tính như nam giới, chị không bao giờ gọi bạn cùng lớp là anh này anh kia cả, chỉ gọi tên thôi, lên năm thứ ba. Giáo sư Phạm Nguyên Hanh phụ trách môn Cơ học Địa chất và nền móng. Trong thầy lúc vào lớp phụ trách, thầy đúng là một nhà mô phạm, giảng dạy kỹ lưỡng, nói năng mạch lạc, nghiêm trang, tài liệu học thầy viết rất kỹ, cô sinh viên thì học hành cũng đàng hoàng, không có dấu hiệu gì là tình yêu đã bắt đầu nảy mầm lúc nào, chỉ biết rằng sau khi ra trường một hai năm, thầy Hanh kết hôn với chị Nhỏ, hai Kỹ sư nhập chung trở thành một đại gia đình của Ái hữu Công Chánh. Ngày nay, hiện tại chị Nhỏ và Giáo sư Hanh là Kỹ sư cao cấp của Khu Công Chánh 7, Tiểu bang California, Hoa Kỳ này.

Người thứ hai là bạn Dương Minh Chính, quê quán Quảng Ngãi, thật sự là một sinh viên xuất sắc, tốt nghiệp ưu hạng kỳ thi Tú tài II ngoài Trung. Chính vào Sài Gòn thi và đỗ vào Trường Cao Đẳng Công Chánh cùng lúc với Nông Lâm Súc, Y Khoa, Dược Khoa, mà ở đâu cũng đậu rất cao, theo học Công Chánh trong số bạn cùng lớp đã có nửa lớp đậu xong dự bị Toán Lý Hóa rồi, mà sau mỗi năm học năm thứ nhất và năm thứ hai anh đều đứng nhất lớp, một kết quả rất khó đối với sinh viên từ Tú tài vào được trường mà chưa qua một năm dự bị khoa học. Tuy vậy lên năm thứ ba, vì có liên hệ hoạt động cho tổ chức Cộng sản nội thành, học hành anh trở nên lơ là, các ông Mặt trận vận động cho anh ra ứng cử vào Chủ tịch Ban đại diện Trường và sinh hoạt nội thành trong Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, cho đến lúc ra trường thay vì kiêm việc làm để tiếp tục hoãn dịch hay học lên, anh ta có đủ điều kiện, anh lại được tổ chức bố trí vào lính và lên làm Giảng viên trên Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt với cấp bậc Thiếu úy. Sau năm 1975, anh về Sài Gòn lại và xuất hiện với cái tên mới là Tư Trực, làm Giám đốc Công Chánh, Giao thông Vận tải cho quận Gò Vấp, Sài Gòn và có lẽ chính trị đã không phải là sở trường của anh, anh không tiến lên được gì cả, với một cán bộ có trình độ Đại học như anh, sau mấy năm anh bị khai trừ kỷ luật gì đó và hiện tại ra làm một công ty xây cất tư vụ. Tôi cảm thấy rất tiếc cho trình độ và sự thông minh của anh, vì chiến tranh, vì bị dụ dỗ đi sai đường, nếu anh cứ tiếp tục học, với khả năng, trở thành một Tiến sĩ Kỹ sư chuyên viên hữu dụng cho đất nước không khó lăm.

Người thứ ba là bạn Trương Văn Triệu, chúng tôi hay đùa là Kỹ sư bảy năm hay là hai Kỹ sư, bối lẽ sau khi học hết ban Cán sự ba năm bên Trường Điện anh lại thi qua ban

Kỹ sư bên Trường Công Chánh. Sau này anh cho hay là bị ông Giám đốc trường Điện trù yếm quá chịu không nổi, nên phải bỏ trường Điện. Anh này Nam bộ Gò Công, uống rượu dữ lăm, nhiều buổi học vào lớp, anh còn hôi mùi rượu. Học xong anh bị động viên ngay, may nhờ Giáo sư Bửu Đôn hồi đó làm Tổng Giám đốc Vecco xin cho một số anh được biệt phái sau khi mãn khóa Thủ Đức. Sau năm 1975, ở lại làm việc cho Công ty Xây dựng Cầu Đường, vất vã mười mấy năm. Dùng một cái, Công sản đổi mới đưa anh lên làm Phó Giám đốc, rồi Giám đốc hiện nay, hậu vận xem khá hơn tiền vận nhiều, tiền bạc rũng rĩnh, ngày nào cũng nhậu nhẹt mà không lo gì. Cách đây hai năm tôi có về quê, thăm anh em và gia đình có gặp được anh, anh đã mời một số bạn bè và dãi cho tôi một chầu đủ các món ăn chơi và anh trang trải tất cả mọi chi phí một cách dễ dàng. Anh bảo, bây giờ Ái hữu Công Chánh quốc nội có khả năng đai Ái hữu Công Chánh quốc ngoại. Thật là một thay đổi lớn. Cuối cùng là một thiếu sót, nếu không nhắc đến anh bạn Nguyễn Minh Quang, Thủ khoa khóa 11. Quang, quê Long An, vào Trường sau khi có Dự bị Khoa học rồi, anh tướng người khoẻ mạnh, lúc nào cũng đàng hoàng, chững chạc, học hành sách vở hết sức ngăn nắp cẩn thận, là một trong số các Sinh viên xuất sắc của khóa tôi.

Tôi còn nhớ chiếc xe gắn máy Goebel của anh lúc nào cũng rất sạch, bóng loáng. Anh em bầu anh làm Đại diện lớp học mấy năm liền. Ra trường anh về làm Trưởng ty Kỹ thuật cho Ủy ban Quốc Gia Thủy Tinh của Bộ Công Chánh, rồi sau năm 1975 vài năm anh vượt biển qua Mỹ, định cư tại Kansas. Anh trở lại trường học, thay vì có thể ghi danh để học lên Master, anh lại bắt đầu từ đầu, học một lèo sáu năm trời để lấy bằng B.S. và M.S.. Thật là khâm phục tính

siêng năng của anh, rất xứng đáng với danh hiệu Thủ khoa khóa Kỹ sư 11. Hiện tại anh đang là Kỹ sư trưởng cho một Công ty Kỹ sư Cố vấn về nguồn nước, cũng nhờ khả năng và uy tín anh đã nhận vào một bạn học cùng lớp là Lê Đình Hân qua Mỹ sau, vào làm việc cùng anh.

Đã ba mươi năm rồi, từ ngày bước chân vào Trường cho tới lúc ra trường, chúng tôi thật sự chỉ làm được hai, ba năm cho chính phủ cho tới năm 1975 thì mất nước, mỗi người mỗi nơi, ít có dịp gặp nhau. Đời sống càng ngày càng khó khăn, trừ một số ít ra khỏi nước được như Dực, Trí, Quế, số còn lại có người phải vào trại học tập cải tạo, số bỏ nghề ra làm việc khác và kiếm đường vượt biên. Có người không may mắn chết trên biển cả như anh Nguyễn Minh Nguyệt, hiền lành lầm, thế mà lúc gần 30 tháng 04 hỗn loạn, anh di tản từ Cam Ranh về Sài Gòn, không may số đông chen lấn trên tàu làm anh đã rơi xuống biển mà không ai cứu được, hay như anh Lâm Văn Thảo cố gắng vượt biển nhiều lần, và lần cuối cùng năm 1981 thì mất tích luôn, như anh Nguyễn Xuân Sơn ra trường có được hoãn dịch gia cảnh, tưởng như là số thọ, vào làm cho Quốc Gia Thủy Cục, đang cùng người vợ sắp cưới trở về quê hương Quảng Ngãi làm lễ cưới thì máy bay rớt xuống vùng núi gần quê anh, cả hai người chưa kịp làm lễ cưới trên trần gian, chắc dắt nhau lên thiên đàng làm đám cưới không chừng. Anh Lâm Văn Quang hiền lành như con gái, tóc lúc nào cũng chải tém bóng láng như kép cải lương, từ quê Châu Đốc. Sau năm 1975 về phụ trách Thủy Cục Long An, rồi uống rượu, nhậu nhẹt nhiều quá, chết bị bệnh gan, rất uổng.

Hiện tại một số lớn đã ra được nước ngoài gồm ở Canada hai anh, Úc bảy người, đông nhất là Mỹ có tới mươi một người, số còn lại ở Việt Nam, có anh ra làm tư vụ như

Dương Phát, Đoàn Văn Cần, Nguyễn Văn Tuệ, số làm thương mại như Hà Thu Liêm, Vương Quang Hưng, một số tiếp tục phục vụ trong ngành Công Chánh trong các cơ quan chính phủ.

Số anh em ở Mỹ đa số cư ngụ tại California, một số may mắn trở lại được nghề cũ như chị Nhỏ, anh Quế làm cho Caltrans, Cách, Dực cho City Anaheim, Khiêm làm tư vụ, Bửu Trí thì một mình một cõi điêu hành phòng Địa cơ cho Công Chánh Tiểu bang Idaho, Nguyễn Văn Cà vui với Computer và vợ già mãi tận Philadelphia, Quang, Hân làm cho Công ty Tư vụ Kỹ thuật. Hai anh cả

là Xuân và Khánh thành công làm thương mại ở Orange County này.

Riêng tại vùng Orange County này số anh em cùng khóa chúng tôi rất dễ gặp nhau, hằng năm có tiệc kỷ niệm ngày ra trường. Không biết đến bao giờ mới có một ngày toàn thể bạn cùng khóa lại được gặp nhau như buổi tiệc ngày ra trường. Ước mơ đó không biết đến bao giờ.

Cali, ngày 06 - 06 - 1999

Ghi chú của BPT/KYCC: giáo sư Phan Ngọc Thê đã từ trần.

MỘT VÀI SỰ KIỆN TƯƠNG ĐỐI ĐẶC BIỆT CỦA KHÓA 1968 - 1972

Lê Nguyên Thông

Đây là khóa học đầu tiên nhận 40 sinh viên chính thức ban Công Chánh. Tuy nhiên khi công báo kết quả, chỉ có 25 sinh viên được nhận vào mà thôi. Sau khoảng một hai tuần gì đó mới có thông báo cho nhận đến 40 sinh viên (làm ít nhất là 15 sinh viên đậu dự khuyết mừng muốn chết !?).

Khóa này bắt đầu năm Mậu Thân là một năm đầy khói lửa súng đạn, anh em nào cũng lo sốt vó vì có tin đồn tổng động viên nếu cần. Vì bị trù ếm từ năm đầu vào học (1968) cho nên khi ra trường, vào ngày 28 tháng 06 năm 1972, các anh em nào thuộc diện được tạm hoãn dịch vì lý do học vấn đều phải cuốn gói lên đường nhập ngũ tòng quân vào ngày 02, 03, 04 tháng 07 năm 1972.

Không kịp ăn mừng ngày ra trường mà đã phải đi vào quân trường ngay, một số đông anh em phải đi ra Đồng Nha Trang thay vì được lên Thủ Đức. Đa số các anh em phải đi ra Đồng Nha không trước thì sau (trừ các anh em nào chạy được giấy hoãn dịch gia cảnh, và vì lý do công vụ hay là biệt phái).

Khóa này các anh em (ngoại trừ chị Nhỏ) đều phải đi tham dự chương trình Quân sự học đường suốt một tháng hè ở Quân trường Quang Trung - Gò Vấp vào hai năm 1969 và 1970.

Khóa này có một nữ sinh viên (chị Nhỏ) học Ban Kỹ Sư, và từ đó hình như chị Nhỏ đã mở đầu phong trào Nữ Sinh Viên Đặc Nhất trong Ban Kỹ Sư cho nên các năm sau đó đều có một nữ sinh viên Ban Cao

Đảng cả thì phải ??

Đại diện lớp các năm là:

Năm thứ nhất và nhì: Lê Nguyên Thông

Năm thứ Ba: Nguyễn Văn Cà

Năm thứ tư: Nguyễn Minh Quang (đậu Thủ Khoa khi tốt nghiệp)

Các anh đậu cao nhất trong kỳ thi tuyển vào năm thứ nhất hình như là anh Lưu Tấn Hùng (em Giáo sư Lưu Hữu Dũng), Nguyễn Sĩ Khiêm, Nguyễn Xuân Sơn (Đen). Đậu hạng 24 là Lê Nguyên Thông và đồng hạng là Huỳnh Quế (hú vía năm đội bảng danh sách sinh viên chính thức được nhận vào đợt đầu).

Trong số dự khuyết có Nguyễn Quang Thanh Toàn (người viết một bài thật là chi tiết về con đường quan lộ của anh từ khi vào Sài Gòn chuẩn bị thi đến khi ra trường trong một số báo vừa mới qua số 70 ? theo tiếng Miền thì chữ Thanh Toàn đọc tréo đi thì thành chữ Cách, có người trong lớp cứ phải bắt tay lên trán mà suy nghĩ mãi mà không biết ai là Thanh Toàn ?). Có lẽ NQT Toàn phải cảm ơn Trần Tấn Tài người đã đi du học sau khi nhập học được vài tuần gì đó nên anh NQT Toàn được vào thay thế ?!

Trong những năm đầu, học về vẽ kỹ thuật, anh em trong lớp đều đồng ý nhường cho anh Quang cái vinh dự phác họa ra cái hình mà thầy giáo ra đề vẽ trước rồi sau đó cả lớp anh em mới bắt đầu vẽ, cái hình mà ngay cả sau khi vẽ xong có anh còn chưa hiểu là tại sao cắt bên này, xéo bên kia mà cái hình nó ra như vậy được (hèn chi sau này anh Quang đậu Thủ khoa).

Hình như là vào hồi tháng 06 năm 1972, những bài thi được tổ chức rất gấp rút để cho sinh viên thi cho kịp để chấm thi sớm kịp có kết quả cho anh em yên tâm lên đường nhập ngũ tòng quân vì thế không ai phải thi lại một môn nào cả. Tôi không nhớ

rõ là trong suốt học trình 4 năm có anh nào bị rớt môn nào hay ở lại một năm nào hay không nữa ? Có môn hình như là Structure Analysis thì chỉ được học có mấy buổi thôi, không được học hành đầy đủ thì phải vì thời thế thế thời phải thế ?

Các Giáo Sư gồm có:

Nguyễn Đức Chí (3)

Võ Thế Hào (Toán Giải tích)

Vũ Trọng Khởi (1&2) (Nhiệt động học)

Nguyễn Trọng Ba (Toán Đại số)

Phan Ngọc Thể (3&4) (Địa cơ, Đường lộ)

Cô Mỹ Vân (Anh văn)

Phạm Nguyên Hanh (4) (Địa chất / Địa cơ)

Cô Nhan Cẩm Hoa (Anh văn)

Nguyễn Tranh Điện (4) (Cơ học)

Lưu Hữu Dũng (Toán)

Nguyễn Đức Súy (4) (CCHK)

Võ Đức Din (Điện)

Chu Bá Tường (Vận chuyển sông)

Bà Dương Hải Đường (Hóa Học)

Bửu Đôn (Bêton, cầu)

Bùi Thanh Dương (Ước lượng tính)

Phan Đình Tăng (Sức chịu vật liệu, Cầu, Đô án)

Trương Ngọc Quý (Structure Analysis)

Trịnh Ngọc Răng (Trắc lượng)

Đoàn Văn Thân (Thực tập Địa hình)

Nguyễn Ngọc Thịnh (Thống kê, Hydraulic)

Tôn Thất Thiều (Thủy Nông)

Nguyễn Đức Thịnh (Thủy đầm)

Nguyễn Tăng Độ (Thực tập Bêtông)

Nguyễn Triệu Đồng (Hải công kiến tạo)

Nguyễn Tân Thọ (Kỹ thuật Y tế)

Trần Mộng Châu (Hỏa xa)

Tôn Thất Đổng (Thiết kế đô thị)

Vũ Ngọc Can (Thủy Nông, Thủy Điện)

Đồng Sĩ Khiêm (Cấp thủy)

Tôn Thất Cảnh (Kiến thiết / TK Đô thị)

Khương Hùng Chấn

Vũ Quý Hảo (Kỹ thuật Xây dựng)

Trần Văn Thu (Địa hình)

Trình Hữu Dục (Địa hình)
Phan Thành Trường (Bêtông)
Lưu Hữu Duyên (Thực tập Bêtông)

Trong số danh sác các Giáo sư và
môn học xin nhờ các anh chị bên L.A. (anh
Quang, Cách, Dực, Xuân, Khánh, chị Nhỏ)

coi lại xem có thiếu sót gì thì xi bổ túc giùm.
Bóp méo cả trán mà khônmg nhớ thêm được
gì cả nên đành tạm ngưng ở đây. Anh em
cùng lớp nếu thầy có gì sai sót xin miễn
chấp (Hậu sinh không có được trí nhớ dai
như của cụ Hoàng Đạo Lượng thì thôi đành
chịu thua vậy).

KHÓA KỸ SƯ CÔNG CHÁNH & ĐỊA CHÁNH 1971 – 1975

Văn Minh Hồng

Thành ngữ Việt Nam có câu “GIÀU ÚT ĂN, KHÓ ÚT CHỊU” ngẫm nghĩ ra khá đúng với Khóa 14 Kỹ Sư Công Chánh và Địa Chánh chúng tôi. Sinh sau đẻ muộn, 4 năm học của chúng tôi trôi qua với thật nhiều biến động, kể cả những biến động đã làm thay đổi vận mệnh của đất nước Việt Nam.

Khóa 14 bắt đầu năm đệ nhất niên (Cao Đẳng I) vào năm 1971, vào thời kỳ mà những thay đổi trong ảnh hưởng của Pháp và của Mỹ đã bắt đầu thấy rõ dạng ở nhiều Đại Học và Cao Đẳng. Chương trình học, sách giáo khoa dần dần được thay đổi. Hệ thống tín chỉ bắt đầu được áp dụng thử nghiệm ở năm Cao Đẳng 4 của Khóa 14. Những thay đổi này tuy là quan trọng nhưng có lẽ không ảnh hưởng nhiều lắm đến sinh viên, nhất là khi họ chịu cố gắng học để thu nhận kiến thức. Điều đã thực sự ảnh hưởng rất nhiều đến khóa học của chúng tôi là những biến động thời cuộc thời bấy giờ. Hắn mọi người chúng ta đều còn nhớ là các sinh hoạt chính trị, quân sự ở Việt Nam trước năm 1975 phần lớn đều bị ảnh hưởng theo

nhip đập của chu kỳ bầu cử 4 năm của Hoa Kỳ. Trùng hợp ngẫu nhiên, các khóa học đào tạo Kỹ sư Công chánh của chúng ta cũng là 4 năm, nên hầu hết các khóa đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi một lần biến động: 56, 60, (cuối 63) đầu 64, 68, ... Riêng Khóa 14 chúng tôi đã thua ở trên, “nhờ” sanh sau đẻ muộn nên đã “được hưởng” đến 2 biến cố: 1972 và 1975 !

Khi chúng tôi đang học Cao Đẳng I thì “Mùa Hè Đỏ Lửa” xảy ra. Chúng tôi học tính Vi Tích Phân, thực tập Vật Lý, Hóa Học... trong “tình trạng chiến tranh, Tổ quốc lâm nguy, động viên...” và cuối năm học đó, một số bạn trong khóa chúng tôi đã giã từ trường, sách để lên đường nhập ngũ.

Năm Cao Đẳng II của chúng tôi trùng hợp với việc ký kết “Hiệp định Paris” và những hệ lụy tiếp theo. Tâm trí cho “Sức Chịu Vật Liệu, Giải Tích, Điện Tử, Địa Hình Không Ânh...” cũng bị chia sẻ khá nhiều cho “Giành dân lấn đất, vi phạm hiệp định...!”

Vài tháng sau khi bắt đầu niên học Cao Đẳng III, Phước Long thất thủ và cả

nước để tang, không ăn Tết. Những “Kiến Tao Siêu Tinh, Bê Tông Cốt Sắt, Kim Loại Tao Tác...” khi đó không giúp ổn định được chút nào những băn khoăn trong suy nghĩ của người sinh viên.

Tháng 03 năm 1975, giữa lúc Khóa 14 đang chuẩn bị cho kỳ thi học kỳ 2 và dự án tốt nghiệp thì nổ ra các trận đánh kinh hoàng và sau cùng của cuộc chiến. Các thành phố ở miền Trung lần lượt bị di tản, các anh em sinh viên có gia đình ở vùng chiến trận bị thất lạc gia đình và hoang mang tột độ. Trong tình hình khẩn trương và nguy kịch đó của đất nước, các vị Giáo sư đã quyết định kết thúc thi cuối khóa sớm phòng khi những tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Xin được mở ngoặc ở đây là nếu không có những quyết định dứt khoát và trách nhiệm đó của các bậc Giáo sư và Ban Giám Đốc, một số anh em Khóa 14 có lẽ chẳng bao giờ nhận được Văn bằng tốt nghiệp: một số bạn đã rời Việt Nam trong những ngày rối loạn, một số anh em sinh viên quân nhân phải vào trại cải tạo sau ngày 30 tháng 04 năm 1975. Chính quyền Cộng sản thì có lẽ “quá bận” để “chiếu cố” đến những người “không đủ tiêu chuẩn” này. Xin đóng ngoặc.

Một ấn tượng và kỷ niệm khá sâu sắc mà anh em chúng tôi khó có thể quên được đó là ngày nhận Văn bằng tốt nghiệp chiêu 26 tháng 04 năm 1975 tại Trường Công Chánh thân yêu của chúng ta. Không lẽ nghi, không quan khách, anh em lủi thui nhận chứng chỉ tốt nghiệp từ đại diện lớp rồi mạnh ai nấy lo chạy rút về nhà. Trời chiêu mưa và mây vân vũ, đường xá vắng tanh vì những

tiếng bom đạn bắt đầu nổ vọng về thủ đô.

Sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, anh em Khóa 14 mỗi người mỗi ngã, một số chạy thoát được ra nước ngoài, số anh em còn kẹt lại thì làm đủ ngành nghề để sinh sống, nhưng nói chung đa số vẫn đeo theo lanh vực chuyên môn của mình.

Kiểm điểm lại, cho đến nay (1997), 82 sinh viên của Khóa 14 Kỹ sư Công chánh và Địa chánh hiện ở rải rác một số nơi trên thế giới, chia ra như sau:

- Việt Nam: 61
- USA: 12
- ÚC: 06
- Pháp: 01
- Đức: 02

Tuy “tiền hung nhưng hậu kiết”, dẫu bị nhiều vâm dập bởi thời cuộc trong suốt bốn năm học nhưng sau rốt Khóa 14 Công Chánh và Địa Chánh vẫn vượt qua được khó khăn. Đa số anh em hiện nay đều có cản bản khá trong nghề nghiệp, nhiều bạn đang đóng góp trong các công trình xây dựng lớn ở trong cũng như ở ngoài Việt nam, có bạn cũng khá thành công trên thương trường.

Số anh em còn ở Việt Nam vẫn họp mặt đều đặn hằng năm vào dịp tất niên. Các bạn ở nước ngoài thì vì tình trạng sống phân tán nên chưa làm được việc đó. Hy vọng rằng khi đất nước thật sự thanh bình và dân chủ, anh em Khóa 14 sẽ được chung vai, hợp sức cùng các bậc đàn anh và các thế hệ sau, đem khả năng khiêm tốn của mình góp phần xây dựng lại đất nước.

NHỮNG SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT CÓ TÍNH CÁCH LỊCH SỬ CỦA KHÓA 14 KSCL 1971 - 1975

Đoàn Đình Mạnh

Thể theo lời yêu cầu của Ái hữu Nguyễn Ngọc Thịnh, là Thầy từng dạy tôi Thủy lợi và Thống kê tại Trường Cao Đẳng Công Chánh, tôi cố gắng ghi chép lại những sự kiện đặc biệt có tính cách lịch sử của Khóa 14 Kỹ sư Công chánh của chúng tôi.

Những sự kiện này bao gồm:

1. DANH XỨNG:

Khi được thu nhận vào học năm 1971, chúng tôi là sinh viên Trường Cao Đẳng Công Chánh thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ. Hai năm sau, năm 1973, chúng tôi là sinh viên Trường Cao Đẳng Công Chánh thuộc Viện Đại Học Quốc Gia Kỹ Thuật. Năm sau nữa, năm 1974, chúng tôi là sinh viên Ngành Kiến Tạo và Công Chánh trực thuộc Trường Đại Học Kỹ Thuật thuộc Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức.

2. THI CỬ:

Vì tình hình đặc biệt của đất nước vào tháng 04 năm 1975, sinh viên khóa chúng tôi mặc dầu không tham dự kỳ thi đỗ nhị lục cá nguyệt của năm thứ tư, tức kỳ thi ra trường, mà vẫn hội đủ điều kiện để được cấp phát Văn bằng Kỹ sư Công chánh một cách hợp pháp.

Văn bằng này được chính quyền Cộng sản Việt Nam cũng như Hội Kỹ Sư Úc và tất cả các Viện Đại Học Úc công nhận tương đương với các Văn bằng Kỹ sư Công chánh khác được cấp phát bởi chính quyền Việt Nam Cộng Hòa.

3. VĂN BẰNG:

Khóa chúng tôi là khóa đầu tiên và duy nhất được cấp phát Văn bằng Kỹ sư

Công chánh của Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức vào ngày 26 tháng 04 năm 1975. Bốn ngày sau thì Cộng sản hoàn toàn chiếm miền Nam và Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức bị giải tán.

4. HÀNH NGHỀ:

Khóa 14 Kỹ sư Công chánh là khóa KSCL duy nhất được hoàn toàn đào tạo bởi chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, nhưng khi ra trường lại không được phục vụ cho chính thể Việt Nam Cộng Hòa dù chỉ một ngày.

Những sự kiện trên là những sự kiện đặc biệt có tính cách lịch sử mà chỉ có Khóa 14 KSCL chúng tôi mới có.

Tuy nhiên sự kiện sau đây lại vừa đặc biệt vừa cảm động mà khi đặt bút ghi lại tôi cũng không tránh khỏi hồi hối xúc động, đó là:

5. CÁCH THỨC PHÁT BẰNG:

. Văn Bằng Kỹ sư Công chánh của khóa chúng tôi do chúng tôi tự vẽ kiểu phỏng theo các Văn bằng được cấp phát những năm trước.

. Văn Bằng của khóa chúng tôi được in miễn phí tại nhà in của gia đình Ái hữu Bùi Quang Vinh, lúc đó là sinh viên đồng khóa.

. Văn Bằng được Ái hữu Nguyễn Thanh Toàn lúc đó là Khoa trưởng Trường Đại Học Kỹ Thuật ký vào ngày 26 tháng 04 năm 1975, nhưng lại do sinh viên khóa chúng tôi đóng dấu.

. Sự kiện vừa đặc biệt vừa cảm động mà bản thân tôi không thể nào quên được đó là Văn Bằng KSCL của khóa chúng tôi được chính tay Ái hữu Ngô Định lúc đó là Trưởng Lớp của chúng tôi cấp phát cho chúng tôi ngay tại lớp học hàng ngày.

VIẾT VỀ KHÓA HỌC TỪ 1973 ĐẾN 1978

Lê Nguyên Tùng

Khóa 16 bắt đầu vào năm 1973, thí sinh thi tuyển vào Trường Đại Học Cơ Bản TĐHCB), tổng số trúng tuyển cở 300 người cùng học chung năm đầu. Đây là khóa đầu tiên của TĐHCB do thầy Võ Thế Hào làm Giám Đốc (dạy Toán), cùng với Ban Giảng huấn gồm các thầy Nguyễn Trọng Ba dạy Đại số tuyển tính, thầy Nguyễn Thượng Khang dạy Cơ, thầy Võ Đức Diện (Điện), thầy Chu Phạm Ngọc Sơn (Hóa), Linh mục Điện (??) dạy môn nhiệt động lực học, tôi không nhớ tên một số thầy khác cũng như các môn học khác (mong các bạn cùng Khóa bổ sung hộ), tuy nhiên còn nhớ các thầy hướng dẫn làm bài tập như thầy Đinh Đức Mậu, Nguyễn Bát Tuấn. Trong số trên hiện nay có các thầy Ba và Tuấn là đang cùng ở Úc và cùng Tiểu bang NSW với tôi.

Cuối năm, 300 sinh viên được chia ra các ban Điện, Điện Tử, Công Chánh, Hóa, Hàng Hải, Công Nghệ. Cở 50 sinh viên một trường, đầu năm được khóa đàm anh 15 tổ chức nhảy đầm làm lễ nhập môn cẩn thận (đạo đó nhập môn Công Chánh bánh lăm), có tổ chức cả lớp dạy khiêu vũ trước lễ nhập môn nữa, chu đáo quá. Năm thứ hai (1974 - 1975) có các thầy Trịnh Ngọc Răng người hùng vùng Vịnh (Sức bền vật liệu) được học trò nhớ tới nhiều nhất với tính toán *sức cắt*, tới độ mỗi sáng anh em gặp nhau chào hỏi nhau bằng câu: sáng nay có tính *sức cắt* chưa? Ngoài ra có các thầy Thân địa hình, Nguyễn Đức Chí (không nhớ dạy môn gì), Nguyễn Đức Thịnh thủy lực, Nguyễn Ngọc Thịnh xác xuất thống kê (không nhớ thầy Thịnh nào lúc đó là Giám Đốc Trường), Trương Hoàng Vĩnh Phương địa cơ. Thầy big Thịnh và thầy Phương hiện nay ở Úc nhưng là Tiểu bang Victoria.

Chúng tôi theo học dưới lịch trình thời Việt Nam Cộng Hòa được hai năm (TĐHCB và năm thứ hai Công chánh), tôi vẫn còn nhớ cảm giác như in hôm đang thực tập đo đạc địa hình với thầy Thân (không nhớ họ) thì có chiếc phản lực bỏ bom dinh Độc Lập, mọi người đều bàng hoàng cùng với tâm trạng lo âu, không biết tương lai đất nước đi về đâu.

Qua năm 1975, mọi việc học hành ngưng hẳn lại, tất cả sinh viên theo học 1 năm học chính trị tại các rạp ciné cùng với sinh viên các trường khác. Sau đó thêm hình như 3 tháng lao động tại công trường Phạm Văn Cội, như vậy là năm 1975 - 1976 không học chuyên môn.

Năm thứ ba (1976 - 1977) sinh viên được chia ra làm ba Ban: xây dựng, cầu đường và thủy lợi. Cộng thêm một số sinh viên của tạo tác ngoài Huế, hình như cỡ 40 sinh viên cho xây dựng, 40 cầu đường và 80 thủy lợi. Như vậy dù có cùng Khóa 16 Công Chánh nhưng lại không thân thiết với các bạn bên khoa khác. Từ năm này, đa số các cán bộ giảng dạy là từ miền Bắc vào, một số tốt nghiệp ở Liên Xô, Ba Lan, Tiệp. v.v...

Năm thứ tư (1977 - 1978) mới có một số thầy đi học tập về được trở lại trường, hình như trong năm này, tôi còn nhớ tên một số thầy như thầy Sinh (Trần Quang Sinh ?), Đặng Huấn dạy cầu, thầy Danh dạy môn gì thì quên rồi, thầy Lê Kim Thắng, Lưu Hữu Duyên, Trình Đức Dục bên đường lộ, không nhớ hết được (tuổi chẳng bao lăm mà đầu bạc và chẳng nhớ gì nhiều), chỗ này tôi phải mở ngoặc là không biết tôi có lộn tên các thầy dạy năm thứ tư hay năm nào khác hay không.